

Số: 718 /QĐ-HVYDCT

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành đề án tuyển sinh sau đại học năm 2026

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục mầm non.

Căn cứ Thông tư số 10/2023/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non

Căn cứ Quyết định số 1636/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I sau đại học;

Căn cứ Quyết định số 1637/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp II sau đại học;

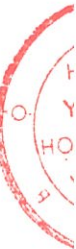
Căn cứ Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 19/2006/QĐ-BYT ngày 04 tháng 7 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo bác sĩ nội trú;

Căn cứ Quyết định số 484/QĐ-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam đào tạo trình độ Tiến sĩ, chuyên ngành Y học cổ truyền;

Căn cứ Quyết định số 1501/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ Thạc sĩ chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam;



Căn cứ Quyết định số 392/QĐ-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo chuyên khoa cấp I chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1224/QĐ-BYT ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ bác sĩ chuyên khoa II chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1730/QĐ-BYT ngày 24 tháng 5 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ Bác sĩ Nội trú cho Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 3051/QĐ-BYT ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo chuyên khoa cấp I cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Công văn số 3077/BYT-K2ĐT ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Bộ Y tế về việc bảo đảm chất lượng đào tạo nhân lực y tế trình độ Chuyên khoa I, Chuyên khoa II và Bác sĩ Nội trú;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 40/2015/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 3 năm 2015 giữa Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dự thi, dự tuyển (lệ phí tuyển sinh);

Căn cứ Nghị quyết 481/NQ-HĐTHVYDHCTVN ngày 24/06/2021 của Hội đồng trường Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam. Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam; Nghị quyết số 72/NQ-HĐT ngày 01 tháng 07 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam; Nghị quyết số 83/NQ-HĐT ngày 06 tháng 08 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam; Nghị quyết số 102/NQ-HĐT ngày 16 tháng 12 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Nghị quyết 72/NQ-HĐT ngày 01 tháng 07 năm 2025 và Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo sau đại học.



QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này: Đề án tuyển sinh sau đại học năm 2026 của *Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam*.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Các ông (bà) Trưởng phòng: Đào tạo sau đại học, Quản lý chất lượng, Công tác chính trị và Quản lý sinh viên, Tài chính kế toán, Hành chính - Quản trị và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Đăng Website;
- Lưu: VT, SĐH.



Nguyễn Quốc Huy



ĐỀ ÁN TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2026

(Kèm theo quyết định số: 318.../QĐ-HVYDCT ngày 26 tháng 02 năm 2026
của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam)

I. Thông tin chung

- 1. Tên cơ sở đào tạo:** Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam
- 2. Mã trường:** HYD
- 3. Địa chỉ trụ sở:** Số 2, đường Trần Phú, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội
- 4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo:** www.vutm.edu.vn
- 5. Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo (có thông tin tuyển sinh):**

Địa chỉ trang Fanpage của Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam:

<https://www.facebook.com/hvydvn/>

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:

Phòng Đào tạo sau đại học. ĐT: 0433 540 277 hoặc DD: 0969530077 hoặc
xem trên website: <http://www.vutm.edu.vn>.

7. Giá trị cốt lõi, tầm nhìn, sứ mạng của Học viện

7.1. Giá trị cốt lõi của Học viện

Thừa kế - Phát triển; Đoàn kết – sáng tạo; Chất lượng – Hiệu quả.

- **Thừa kế - Phát triển:** Thừa kế kiến thức của nhân loại về hóa dược, của cha ông về y học cổ truyền, kết hợp Y học hiện đại với Y học cổ truyền trong phát triển nghề dược hiện đại để phục vụ đời sống, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe con người.

- **Đoàn kết - Sáng tạo:** Có sáng tạo mới tìm ra những cái mới trong khoa học kỹ thuật, trong y học, để phục vụ đời sống, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe con người.

Sáng tạo là nền tảng tạo ra các phát minh, ứng dụng thiết thực, giúp người học có thể thích ứng và quản lý tốt những thay đổi trong môi trường công việc ở tương lai.

- **Chất lượng - Hiệu quả:** là khái niệm cho thấy khả năng thoả mãn nhu cầu của các bên liên quan trong đào tạo và nghiên cứu của Học viện. Đánh giá chất lượng của một cơ sở giáo dục phải đứng trên quan điểm của sinh viên và nhà tuyển dụng. Học viện sử dụng chất lượng như là một công cụ có thể đo lường chỉ số hài lòng của các bên liên quan của Học viện.

7.2. Tầm nhìn, sứ mạng của Học viện

* **Sứ mạng:** Đào tạo nhân lực y tế chất lượng cao, chuyên sâu về Y học cổ truyền, Y khoa, Dược học và các ngành khác thuộc khối ngành sức khỏe; nghiên cứu khoa học, thừa kế, bảo tồn và phát triển y, dược cổ truyền; chuyển giao trí thức, cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại, dịch vụ khác đáp ứng yêu cầu phục vụ xã hội và đất nước.

* **Tầm nhìn:** Xây dựng Học viện trở thành cơ sở giáo dục đại học hàng đầu trong nước và khu vực về đào tạo, nghiên cứu khoa học, khám chữa bệnh kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại góp phần phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

8. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

<http://vuttm.edu.vn/vi/tuyen-sinh-sau-dai-hoc.nl.html>

8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất

- Tiến sĩ: Xét tuyển
- Thạc sĩ: Thi tuyển và xét tuyển
- CKI: Thi tuyển

- CKII: Thi tuyển

- BSNT: Thi tuyển

8.2. Điểm trúng tuyển của 5 năm gần nhất

8.2.1. Tổng số người học đăng ký dự thi vào CSGD, trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây:

Đối tượng, thời gian (năm)	Số thí sinh dự tuyển (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)
1. Nghiên cứu sinh				
2021	1	1		0
2022	4	3		3
2023	5	4		4
2024	10	5	50/50	5
2025	9	5	50/50	5
2. Học viên cao học				
2.1. Học viên cao học ngành YHCT				
2021	48	48		48
2022	28	28		28
2023	29	28		28
2024	65	60		60
2025	76	60		60

Đối tượng, thời gian (năm)	Số thí sinh dự tuyển (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)
2.1. Học viên cao học ngành DL-DHCT				
2025	4	4		4
3. CKI YHCT				
2021	120	120		120
2022	141	141		141
2023	157	149		147
2024	185	160		160
2025	190	180		180
4. CKII YHCT				
2021	14	14		14
2022	14	14		14
2023	33	33		32
2024	59	59		58
2025	69	65		65
5. BSNT				
2021	3	3		3
2022	4	4		4

Đối tượng, thời gian (năm)	Số thí sinh dự tuyển (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)
2023	8	7		7
2024	16	7		7
2025	14	10		10
6. CKI CC				
2023	7	7		7
2024	2	2		2
2025	2	2		2
7. CKI DL-DHCT				
2023	3	3		3
2024	2	2		2
2025	5	5		5

8.2.2. Thống kê số lượng người học tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Đối tượng	Năm tốt nghiệp					
	2020	2021	2022	2023	2024	2025
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	1	0	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	26	39	52	59	52	28

Đối tượng	Năm tốt nghiệp					
	2020	2021	2022	2023	2024	2025
3. Chuyên khoa 1 YHCT	150	137	133	128	138	147
4 Chuyên khoa 2 YHCT	14	10	33	14	12	32
5 Bác sĩ nội trú	0	0	06	4	6	4
6. CKI Chăm cứu	-	-	-	-	-	7
7. CKI Dược liệu- Dược học cổ truyền	-	-	-	-	-	3

8.2. 3. Quy mô đào tạo sau đại học thời điểm xác định năng lực và chỉ tiêu tuyển sinh

Đối tượng	Quy mô	Dự kiến tốt nghiệp	Dự kiến chỉ tiêu
1. Nghiên cứu sinh	16 (17)	0	5
2. Học viên thạc sĩ	119	58	60
2.1. Học viên thạc sĩ định hướng nghiên cứu ngành YHCT	60	30	30
2.2. Học viên thạc sĩ định hướng ứng dụng ngành YHCT	60	30	30
2.3. Học viên thạc sĩ định hướng nghiên cứu ngành DL-DHCT	3	-	30
2.4. Học viên thạc sĩ định hướng ứng dụng ngành DL-DHCT	1	-	30
3. Chuyên khoa 1 YHCT	340	160	170
4 Chuyên khoa 2 YHCT	122	58	65

Đối tượng	Quy mô	Dự kiến tốt nghiệp	Dự kiến chỉ tiêu
5 Bác sĩ nội trú	23	7	20
6. Chuyên khoa 1 Châm cứu	6	3	15
7. Chuyên khoa 1 Dược liệu - Dược học cổ truyền	8	3	20

(Chỉ tiêu tuyển sinh Thạc sĩ và Tiến sĩ có thể thay đổi nếu có hướng dẫn mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo về xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm 2026).

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.	Nghiên cứu sinh	9720115	484/QĐ-BGDĐT	17/02/2014	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2014	2024
2.	Học viên thạc sĩ YHCT	8720115	1501/QĐ-BGDĐT	01/04/2008	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2008	2024

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
3	Chuyên khoa 1 YHCT		392/QĐ-BYT	25/10/2005	Bộ Y tế	2006	2024
4	Chuyên khoa 2 YHCT		1224/QĐ-BYT	15/04/2009	Bộ Y tế	2009	2024
5	Bác sĩ nội trú		1730/QĐ-BYT	24/05/2010	Bộ Y tế	2010	2024
6	Chuyên khoa 1 Châm cứu		3015/QĐ-BYT	10/11/2022	Bộ Y tế	2023	2024
7	Chuyên khoa 1 Dược liệu - Dược học cổ truyền		3015/QĐ-BYT	10/11/2022	Bộ Y tế	2023	2024
8	Thạc sĩ Dược liệu - Dược học cổ truyền		8720206	1320/QĐ-BGDĐT	14/05/2025	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2025

II. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng tuyển sinh và đào tạo Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

1. Tổ chức nhân lực

1.1. Tổ chức

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết 481/NQ-HĐTHVYDHCTVN ngày 24/06/2021 của Hội đồng trường Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam;

Nghị quyết số 72/NQ-HĐT ngày 01 tháng 07 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam;

Nghị quyết số 83/NQ-HĐT ngày 06 tháng 08 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam;

Nghị quyết số 102/NQ-HĐT ngày 16 tháng 12 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Nghị quyết 72/NQ-HĐT ngày 01 tháng 07 năm 2025 và Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam;

1.2. Nhân lực:

Tính đến ngày 31/12/2025 Giảng viên Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt

Nam:

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	09	09	0	05	0	23
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ hoặc tương đương	48	27	0	186	0	261
5	Thạc sĩ hoặc tương đương	138	18	0	154	0	310
6	Đại học	10	0	0	0	0	10
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	205	54	0	345	0	604

2 Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường: 22.739m²

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: Không

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: 2,9m²/1 sinh viên.

Stt	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	30	4209
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	5	886,6
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	16	1587,3
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	3	226
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	0	0
1.5	Số phòng học đa phương tiện	2	253,1
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	4	124,25
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	1	1132
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	18	10398
	Tổng	49	14607

3. Điều kiện bảo đảm chất lượng khác

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

Công khai các điều kiện bảo đảm chất lượng Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam: <http://vutn.edu.vn/vi/ba-cong-khai.nl.html>

Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của Học viện: <http://vuttm.edu.vn/vi/tuyen-sinh-sau-dai-hoc.nl.html>

Đường link công khai Quy chế đào tạo trên trang thông tin điện tử của Học viện:

<http://vuttm.edu.vn/vi/quy-che-dao-cao-tao.nl.html>

Đường link công khai CDR đào tạo trên trang thông tin điện tử của Học viện: <http://vuttm.edu.vn/vi/cac-chuan-dau-ra-431.nl.html>

Đường link công khai Chương trình đào tạo trên trang thông tin điện tử của Học viện: <http://vuttm.edu.vn/vi/khung-chuong-trinh-dao-cao-tao-de-cuong-chi-tiet-429.nl.html>

Đường link công khai Thông tin thư viện trên trang thông tin điện tử của Học viện: <http://thuvien.vuttm.edu.vn/>

Đường link công khai Thông tin Luận văn luận án trên trang thông tin điện tử của Học viện: <http://vuttm.edu.vn/vi/dao-cao-tao-sau-dai-hoc.nl.html>

4. Nguồn lực phục vụ đào tạo và nghiên cứu

4.1. Cơ sở thực hành của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam. (Phụ lục 1)

4.2. Danh sách giảng viên của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam

- Danh sách giảng viên cơ hữu. (Phụ lục 2)

- Danh sách giảng viên thỉnh giảng. (Phụ lục 3)

THÔNG TIN TUYỂN SINH

III. Căn cứ pháp lý xác định năng lực và chỉ tiêu tuyển sinh

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT- BGD-ĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và đào tạo quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục mầm non.

Căn cứ Thông tư số 10/2023/TT- BGD-ĐT ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Bộ Giáo dục và đào tạo sửa đổi một số điều Thông tư số 03/2022/TT- BGD-ĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và đào tạo quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục mầm non.

Căn cứ Quyết định số 1636/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I sau đại học;

Căn cứ Quyết định số 1637/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp II sau đại học;

Căn cứ Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 19/2006/QĐ-BYT ngày 04 tháng 7 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo bác sĩ nội trú;

Căn cứ Quyết định số 484/QĐ-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam đào tạo trình độ Tiến sĩ, chuyên ngành Y học cổ truyền;

Căn cứ Quyết định số 1501/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ Thạc sĩ chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 392/QĐ-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo chuyên khoa cấp I chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1224/QĐ-BYT ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ bác sĩ chuyên khoa II chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1730/QĐ-BYT ngày 24 tháng 5 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ Bác sĩ Nội trú cho Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 3051/QĐ-BYT ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo chuyên khoa cấp I cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Công văn số 3077/BYT-K2ĐT ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Bộ Y tế về việc bảo đảm chất lượng đào tạo nhân lực y tế trình độ Chuyên khoa I, Chuyên khoa II và Bác sĩ Nội trú;

Căn cứ Quyết định số 1320/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam đào tạo ngành Dược liệu - Dược học cổ truyền trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 40/2015/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 3 năm 2015 giữa Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dự thi, dự tuyển (lệ phí tuyển sinh);

Căn cứ Nghị quyết 481/NQ-HĐTHVYDHCTVN ngày 24/06/2021 của Hội đồng trường Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam;

Nghị quyết số 72/NQ-HĐT ngày 01 tháng 07 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam;

Nghị quyết số 83/NQ-HĐT ngày 06 tháng 08 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam;

Nghị quyết số 102/NQ-HĐT ngày 16 tháng 12 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Nghị quyết 72/NQ-HĐT ngày 01 tháng 07 năm 2025 và Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam.

2. Chỉ tiêu tuyển sinh

Đối tượng	Dự kiến chỉ tiêu	Thi tuyển	Xét tuyển
1. Nghiên cứu sinh	05	0	05
2. Học viên thạc sĩ	60	50	10
2.1. Học viên thạc sĩ định hướng nghiên cứu ngành YHCT	30	20	10
2.2. Học viên thạc sĩ định hướng ứng dụng ngành YHCT	30	30	00
2.3. Học viên thạc sĩ định hướng nghiên cứu ngành Dược liệu - Dược học cổ truyền	30	00	30
2.4. Học viên thạc sĩ định hướng ứng dụng ngành Dược liệu - Dược học cổ truyền	30	30	00
3. Chuyên khoa 1 YHCT	170	170	00
4. Chuyên khoa 2 YHCT	65	65	00
5. Bác sĩ nội trú YHCT	20	20	00
6. Chuyên khoa 1 Châm cứu	15	15	00
7. Chuyên khoa 1 Dược liệu - Dược học cổ truyền	20	20	00

(Chỉ tiêu tuyển sinh Thạc sĩ và Tiến sĩ có thể thay đổi nếu có hướng dẫn mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo về xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm 2026).

3. Tuyển sinh trình độ Tiến sĩ

3.1. Hình thức và thời gian đào tạo

- Hình thức: Đào tạo chính quy
- Thời gian đào tạo: 3- 4 năm

3.2. Phương thức và số lần tuyển sinh

- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển
- Số lần tuyển sinh trong năm: 01 lần hoặc nhiều lần.

3.3. Điều kiện dự tuyển:

a) Đã tốt nghiệp thạc sĩ ngành Y học cổ truyền hoặc tốt nghiệp các trình độ đào tạo ngành Y học cổ truyền bậc 7 hoặc tương đương hoặc tốt nghiệp đại học ngành gần hoặc ngành phù hợp với ngành đào tạo trình độ tiến sĩ Y học cổ truyền hạng giới trở lên;

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học ngành có phản biện; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

- Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

b) Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

- Có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển (phụ lục 6).

c) Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp

ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai là tiếng Anh hoặc tiếng Trung bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ tại Học viện là tiếng Anh hoặc tiếng Trung.

d) Ngành đăng kí dự tuyển được xem là ngành đúng với ngành đào tạo được xác định theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 12/2024/TT-BDĐT ngày 10/10/2024 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

- Đối với người có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác ngành Y học cổ truyền có Chứng chỉ định hướng Y học cổ truyền hoặc có Chứng chỉ đào tạo bổ sung kiến thức ngành Y học cổ truyền hoặc người có bằng tốt nghiệp đại học y chuyên ngành y học cổ truyền do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải có Công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo xác nhận và có Chứng chỉ đào tạo bổ sung kiến thức chuyên ngành y học cổ truyền; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu tốt nghiệp từ hạng giỏi trở lên (đối với người có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành y học cổ truyền do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp có điểm trung bình xếp loại giỏi trở lên áp dụng theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 03 năm 2021 về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học). Văn bằng đại học do cơ sở nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành;

e) Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

g) Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định.

3.4. Hồ sơ xét tuyển (mẫu Phụ lục 4)

a) Đơn xin xét tuyển (*theo mẫu có trong hồ sơ xét tuyển*)

b) Lý lịch khoa học.

c) Bản sao văn bằng, bảng điểm công chứng tốt nghiệp Đại học, Thạc sĩ, tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7; Chứng chỉ, bảng điểm ngoại ngữ công chứng.

- d) Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học quy định tại khoản 2 của điều kiện dự tuyển.
- đ) Đề cương nghiên cứu (*theo mẫu có trong hồ sơ xét tuyển*), bài luận; dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.
- e) Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh Giáo sư, Phó giáo sư hoặc có học vị Tiến sĩ khoa học, Tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.
- g) Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức).
- h) Giấy xác nhận thời gian công tác (Đối với người dự tuyển là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ);
- i) Các giấy tờ khác gồm có: Bản sao giấy khai sinh; 04 ảnh 3x4 và 02 phong bì có dán tem ghi rõ địa chỉ người nhận; Giấy chứng nhận sức khỏe; Quyết định hoặc hợp đồng lao động dài hạn có công chứng; Công nhận văn bằng của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng công chứng (nếu có);
- k) Giấy chấp thuận hướng dẫn của người dự kiến hướng dẫn: Được sự đồng ý chấp thuận hướng dẫn bằng văn bản của người dự kiến hướng dẫn đủ tiêu chuẩn theo quy chế, quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ.
- l) Lý lịch khoa học của người dự kiến hướng dẫn

3.5. Điều kiện xét tuyển và trúng tuyển

3.5.1. Điều kiện xét tuyển: Căn cứ tiêu chí xét tuyển

- Phần 1: Đánh giá hồ sơ của ứng viên dự tuyển: phải đạt tất cả các tiêu chí xét (Phụ lục 5)
- Phần 2: Đánh giá đề cương nghiên cứu, kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa, báo cáo tổng quan và phỏng vấn báo cáo đề cương đánh giá năng lực của ứng viên dự tuyển tối đa 10 điểm, các mục thành phần phải có điểm (không có mục nào điểm 0), tổng điểm phải đạt từ 5,0 điểm. Trong đó điểm phần 1 (nội dung khoa học) phải đạt từ 3,5 điểm trở lên (Phụ lục 5)

3.5.2. Xét trúng tuyển:

- Căn cứ kết quả phần 1 và kết quả phần 2 từ cao xuống thấp theo đợt xét tuyển, lấy đến hết chỉ tiêu tuyển sinh.

- Trường hợp ứng viên có tổng điểm bằng nhau cùng đợt xét tuyển, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: 1. điểm bài báo và thành tích tham gia nghiên cứu khoa học cao hơn; 2. Nữ.

4. Tuyển sinh trình độ Thạc sĩ Y học cổ truyền định hướng nghiên cứu

4.1. Đối tượng và điều kiện dự thi

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với trình độ đào tạo thạc sĩ Y học cổ truyền và hạng tốt nghiệp trình độ đại học từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu;

b) Đối với người có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác ngành Y học cổ truyền có Chứng chỉ định hướng Y học cổ truyền hoặc có Chứng chỉ đào tạo bổ sung kiến thức ngành Y học cổ truyền hoặc người có bằng tốt nghiệp đại học y chuyên ngành y học cổ truyền do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải có Công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo xác nhận và có Chứng chỉ đào tạo bổ sung kiến thức chuyên ngành y học cổ truyền; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu tốt nghiệp từ hạng khá trở lên (đối với người có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành y học cổ truyền do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp có điểm trung bình xếp loại khá trở lên áp dụng theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 03 năm 2021 về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học) hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập và nghiên cứu. Văn bằng đại học do cơ sở nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành;

- Ngành đăng kí dự tuyển được xem là ngành đúng với ngành đào tạo được xác định theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 12/2024/TT-BDĐT ngày 10/10/2024 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

c) Thí sinh dự tuyển có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Học viện cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển (phụ lục 6).

d. Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai.

e. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

g. Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định.

4.2. Phương thức tuyển sinh, số lần tuyển sinh và địa điểm tổ chức tuyển sinh

4.2.1. Xét tuyển:

- Áp dụng đối với các ứng viên đăng ký tuyển sinh chương trình Thạc sĩ định hướng nghiên cứu đáp ứng đủ điều kiện tại mục 4.1

- Các ứng viên người nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Việt Nam đáp ứng đủ điều kiện tại mục 4.1 đối với người nước ngoài .

4.2.2. Thi tuyển

- Tuyển sinh: thi tuyển đối với thí sinh người Việt Nam đáp ứng đủ điều kiện tại mục 4.1.

4.2.3. Số lần tuyển sinh và địa điểm tuyển sinh

- Tuyển sinh: 2 lần/năm.

- Địa điểm tổ chức thi tuyển sinh: Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam

– Số 2 - Trần Phú – Đại Mỗ – Hà Nội.

4.3. Các môn thi tuyển sinh

4.3.1. Thi tuyển sinh gồm 03 môn thi viết, cụ thể như sau:

- Môn ngoại ngữ (Thời gian thi 90 phút 3 kỹ năng nghe, đọc, viết): chọn một trong các ngoại ngữ sau: Anh văn hoặc Trung văn. Đề thi ngoại ngữ tương đương trình độ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Miễn thi ngoại ngữ đối với thí sinh có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Môn cơ sở ngành (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SDH HVYDCTVN năm 2026 quyết định): Lý luận cơ bản Y học cổ truyền.

- Môn chuyên ngành (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SDH HVYDCTVN năm 2026 quyết định): Bệnh học Y học cổ truyền.

4.3.2. Xét tuyển

- Phần 1: Đánh giá hồ sơ ứng viên (Phụ lục 7)

- Phần 2: Đánh giá đề cương nghiên cứu và năng lực của ứng viên (Phụ lục 7)

4.4. Hồ sơ đăng ký dự thi gồm

1. Phiếu đăng ký dự thi (theo mẫu có trong hồ sơ dự thi).
2. Sơ yếu lý lịch.
3. Bản sao giấy khai sinh.
4. Giấy chứng nhận sức khỏe.
5. 04 ảnh 3x4 (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh mặt sau ảnh, ảnh để trong phong bì).
6. Giấy xác nhận thâm niên công tác (nếu có).
7. Bằng tốt nghiệp và Bằng điểm đại học (bản sao công chứng hợp lệ).

8. Đối với ứng viên tốt nghiệp đại học nước ngoài:

- Bằng tốt nghiệp, Bảng điểm đại học và Bằng học vị (nếu có) (bản sao công chứng hợp lệ).

- Công nhận văn bằng của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo (bản sao công chứng hợp lệ).

9. Bằng tốt nghiệp khác, Bảng điểm (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).

10. Chứng chỉ định hướng Y học cổ truyền hoặc có Chứng chỉ học bổ sung kiến thức chuyên ngành Y học cổ truyền (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).

11. Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).

12. Văn bằng hoặc Chứng chỉ ngoại ngữ (bản sao công chứng hợp lệ).

4.5. Điều kiện trúng tuyển

Chỉ tiêu chương trình thạc sĩ định hướng nghiên cứu nếu xét trúng tuyển chưa hết chỉ tiêu sẽ được chuyển sang chương trình thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc ngược lại.

4.5.1. Xét tuyển chương trình thạc sĩ định hướng nghiên cứu:

- Phần 1: Hồ sơ đạt yêu cầu quy định tại phần 4.1

- Phần 2: Tổng điểm phải đạt từ 7.0 điểm trở lên

- Căn cứ kết quả xét tuyển xếp thứ tự đến hết chỉ tiêu.

- Trường hợp ứng viên có điểm bằng nhau cùng đợt xét tuyển, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: 1. Điểm tổng kết trung bình toàn khóa trong chương trình đào tạo Đại học cao hơn; 2. điểm bài báo và thành tích tham gia nghiên cứu khoa học cao hơn; 3. Các đối tượng ưu tiên; 4. nữ.

4.5.2. Thi tuyển chương trình thạc sĩ định hướng nghiên cứu:

- Căn cứ kết quả thi xếp thứ tự (đã cộng điểm ưu tiên) và điểm trúng tuyển đến hết chỉ tiêu với điều kiện điểm đạt các môn thi từ 5.0 trở lên và đạt điều kiện trình độ ngoại ngữ theo yêu cầu.

- Trường hợp ứng viên có điểm bằng nhau cùng đợt xét tuyển, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: 1. Điểm tổng kết trung bình toàn khóa trong chương trình đào tạo Đại học cao hơn; 2. điểm bài báo và thành tích tham gia nghiên cứu khoa học cao hơn; 3. nữ.

4.5.3. Hình thức đào tạo: Tập trung 02 năm

5. Tuyển sinh trình độ Thạc sĩ Y học cổ truyền định hướng ứng dụng

5.1. Đối tượng và điều kiện dự thi

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với trình độ đào tạo thạc sĩ Y học cổ truyền.

b) Đối với người có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác ngành Y học cổ truyền có Chứng chỉ định hướng Y học cổ truyền hoặc có Chứng chỉ đào tạo bổ sung kiến thức ngành Y học cổ truyền hoặc người có bằng tốt nghiệp đại học y chuyên ngành y học cổ truyền do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải có Công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo xác nhận và có Chứng chỉ đào tạo bổ sung kiến thức chuyên ngành y học cổ truyền; Văn bằng đại học do cơ sở nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành;

- Ngành đăng kí dự tuyển được xem là ngành đúng với ngành đào tạo được xác định theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 12/2024/TT-BDDT ngày 10/10/2024 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BDDT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

c) Thí sinh dự tuyển có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Học viện cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển (phụ lục 6).

d. Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai.

e. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

g. Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định.

5.2. Phương thức tuyển sinh, số lần tuyển sinh và địa điểm tổ chức tuyển sinh

- Phương thức tuyển sinh: thi tuyển đối với thí sinh người Việt Nam và xét tuyển đối với ứng viên người nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Việt Nam.

- Tuyển sinh: 2 lần/năm.

- Địa điểm tổ chức thi tuyển sinh: Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam – Số 2 - Trần Phú – Đại Mỗ – Hà Nội.

5.3. Các môn thi tuyển sinh

Thi tuyển sinh gồm 03 môn thi viết, cụ thể như sau:

- Môn ngoại ngữ (Thời gian thi 90 phút 3 kỹ năng nghe, đọc, viết): chọn một trong các ngoại ngữ sau: Anh văn hoặc Trung văn. Đề thi ngoại ngữ tương đương trình độ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Miễn thi ngoại ngữ đối với thí sinh có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Môn cơ sở ngành (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh ĐDH HVYDCTVN năm 2026 quyết định): Lý luận cơ bản Y học cổ truyền.

- Môn chuyên ngành (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh ĐDH HVYDCTVN năm 2026 quyết định): Bệnh học Y học cổ truyền.

5.4. Hồ sơ đăng ký dự thi gồm

1. Phiếu đăng ký dự thi (theo mẫu có trong hồ sơ dự thi).
2. Sơ yếu lý lịch.
3. Bản sao giấy khai sinh.

4. Giấy chứng nhận sức khỏe.
5. 04 ảnh 3x4 (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh mặt sau ảnh, ảnh để trong phong bì)
6. Giấy xác nhận thâm niên công tác (nếu có).
7. Bằng tốt nghiệp và Bảng điểm đại học (bản sao công chứng hợp lệ).
8. Đối với ứng viên tốt nghiệp đại học nước ngoài:
 - Bằng tốt nghiệp, Bảng điểm đại học và Bằng học vị (nếu có) (bản sao công chứng hợp lệ).
 - Công nhận văn bằng của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo (bản sao công chứng hợp lệ).
9. Bằng tốt nghiệp khác, Bảng điểm (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).
10. Chứng chỉ định hướng Y học cổ truyền hoặc có Chứng chỉ học bổ sung kiến thức chuyên ngành Y học cổ truyền (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).
11. Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ)
12. Văn bằng hoặc Chứng chỉ ngoại ngữ (bản sao công chứng hợp lệ).

5.5. Điều kiện trúng tuyển

Chỉ tiêu chương trình thạc sĩ định hướng nghiên cứu nếu xét trúng tuyển chưa hết chỉ tiêu sẽ được chuyển sang chương trình thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc ngược lại.

- Căn cứ kết quả thi xếp thứ tự (đã cộng điểm ưu tiên) và điểm trúng tuyển đến hết chỉ tiêu với điều kiện điểm đạt các môn thi từ 5.0 trở lên và đạt điều kiện trình độ ngoại ngữ theo yêu cầu.

- Trường hợp ứng viên có điểm bằng nhau cùng đợt xét tuyển, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: 1. Điểm tổng kết trung bình toàn khóa trong chương trình đào tạo Đại học cao hơn; 2. nữ.

5.6 Hình thức đào tạo: Chính quy

6. Tuyển sinh trình độ Thạc sĩ Dược liệu- Dược học cổ truyền định hướng nghiên cứu

6.1. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với trình độ đào tạo thạc sĩ Dược liệu- Dược học cổ truyền và hạng tốt nghiệp trình độ đại học từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu;

b) Ngành đăng kí dự tuyển được xem là ngành đúng với ngành đào tạo được xác định theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 12/2024/TT-BĐĐT ngày 10/10/2024 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BĐĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

c) Thí sinh dự tuyển có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Học viện cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển (phụ lục 6).

d. Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ

tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai.

e. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

g. Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định.

6.2. Phương thức tuyển sinh, số lần tuyển sinh và địa điểm tổ chức tuyển sinh

6.2.1. Xét tuyển:

- Áp dụng đối với các ứng viên đăng ký tuyển sinh chương trình Thạc sĩ định hướng nghiên cứu đáp ứng đủ điều kiện tại mục 6.1

- Các ứng viên người nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Việt Nam đáp ứng đủ điều kiện tại mục 5.1 đối với người nước ngoài .

6.2.2. Số lần tuyển sinh và địa điểm tuyển sinh

- Tuyển sinh: 2 lần/năm. (chỉ tổ chức tuyển sinh đợt 2 khi còn chỉ tiêu)

- Địa điểm tổ chức thi tuyển sinh: Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam – Số 2 - Trần Phú – Đại Mỗ – Hà Nội.

6.3. Hình thức xét tuyển:

- Phần 1: Đánh giá hồ sơ ứng viên (Phụ lục 7)

- Phần 2: Đánh giá đề cương nghiên cứu và năng lực của ứng viên (Phụ lục 7)

6.4. Hồ sơ đăng ký dự tuyển gồm

1. Phiếu đăng ký dự thi (*theo mẫu có trong hồ sơ dự thi*).
2. Sơ yếu lý lịch.
3. Bản sao giấy khai sinh.
4. Giấy chứng nhận sức khỏe.
5. 04 ảnh 3x4 (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh mặt sau ảnh, ảnh để trong phong bì).
6. Giấy xác nhận thâm niên công tác (nếu có).
7. Bằng tốt nghiệp và Bảng điểm đại học (bản sao công chứng hợp lệ).
8. Đối với ứng viên tốt nghiệp đại học nước ngoài:

- Bằng tốt nghiệp, Bảng điểm đại học và Bằng học vị (nếu có) (bản sao công chứng hợp lệ).

- Công nhận văn bằng của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo (bản sao công chứng hợp lệ).

9. Bằng tốt nghiệp khác, Bảng điểm (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).

10. Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan trực tiếp quản lý (bản chính nếu có)

11. Đề cương nghiên cứu

12. Minh chứng các công bố khoa học liên quan lĩnh vực nghiên cứu

13. Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).

14. Văn bằng hoặc Chứng chỉ ngoại ngữ (bản sao công chứng hợp lệ).

6.5. Điều kiện trúng tuyển

Chỉ tiêu chương trình thạc sĩ Dược liệu- Dược học cổ truyền định hướng nghiên cứu nếu xét trúng tuyển chưa hết chỉ tiêu sẽ được chuyển sang chương trình thạc sĩ Dược liệu- Dược học cổ truyền định hướng ứng dụng hoặc ngược lại.

6.5.1. Xét tuyển chương trình thạc sĩ Dược liệu- Dược học cổ truyền định hướng nghiên cứu:

- Phần 1: Hồ sơ đạt yêu cầu quy định tại phần 6.1

- Phần 2: Tổng điểm phải đạt từ 7.0 điểm/10 điểm trở lên

- Căn cứ kết quả xét tuyển xếp thứ tự đến hết chỉ tiêu.

- Trường hợp ứng viên có điểm bằng nhau cùng đợt xét tuyển, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: 1. Điểm tổng kết trung bình toàn khóa trong chương trình đào tạo Đại học cao hơn; 2. điểm bài báo và thành tích tham gia nghiên cứu khoa học cao hơn; 3. Các đối tượng ưu tiên; 4. nữ.

6.5.3. Hình thức đào tạo chính quy: Tập trung 1,5 năm - 02 năm

7. Tuyển sinh trình độ Thạc sĩ Dược liệu- Dược học cổ truyền định hướng ứng dụng

7.1. Đối tượng và điều kiện dự thi

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với trình độ đào tạo thạc sĩ Dược liệu- Dược học cổ truyền.

b) Ngành đăng kí dự tuyển được xem là ngành đúng với ngành đào tạo được xác định theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 12/2024/TT-BDDT ngày 10/10/2024 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BDDT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

c) Thí sinh dự tuyển có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Học viện cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển (phụ lục 6).

d. Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai.

e. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

g. Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định.

7.2. Phương thức tuyển sinh, số lần tuyển sinh và địa điểm tổ chức tuyển sinh

- Phương thức tuyển sinh: thi tuyển đối với thí sinh người Việt Nam và xét tuyển đối với ứng viên người nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Việt Nam.

- Tuyển sinh: 2 lần/năm (chỉ tuyển sinh đợt 2 trong năm khi còn chỉ tiêu)
- Địa điểm tổ chức thi tuyển sinh: Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam – Số 2 - Trần Phú – Đại Mỗ - Hà Nội.

7.3. Các môn thi tuyển sinh

Thi tuyển sinh gồm 03 môn thi viết, cụ thể như sau:

- Môn ngoại ngữ (Thời gian thi 90 phút 3 kỹ năng nghe, đọc, viết): chọn một trong các ngoại ngữ sau: Anh văn hoặc Trung văn. Đề thi ngoại ngữ tương đương trình độ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Miễn thi ngoại ngữ đối với thí sinh có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Môn Hóa phân tích (tự luận), (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SDH HVYDCTVN năm 2026 quyết định).

- Môn chuyên ngành (tự luận), (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SDH HVYDCTVN năm 2026 quyết định): Dược liệu - Dược học cổ truyền.

7.4. Hồ sơ đăng ký dự thi gồm

1. Phiếu đăng ký dự thi (theo mẫu có trong hồ sơ dự thi).
2. Sơ yếu lý lịch.
3. Bản sao giấy khai sinh.
4. Giấy chứng nhận sức khỏe.
5. 04 ảnh 3x4 (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh mặt sau ảnh, ảnh để trong phong bì).
6. Giấy xác nhận thâm niên công tác (nếu có).
7. Bằng tốt nghiệp và Bảng điểm đại học (bản sao công chứng hợp lệ).
8. Đối với ứng viên tốt nghiệp đại học nước ngoài:
 - Bằng tốt nghiệp, Bảng điểm đại học và Bằng học vị (nếu có) (bản sao công chứng hợp lệ).
 - Công nhận văn bằng của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo (bản sao công chứng hợp lệ).
9. Bằng tốt nghiệp khác, Bảng điểm (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).

10. Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan trực tiếp quản lý (bản chính nếu có)
11. Minh chứng các công bố khoa học liên quan lĩnh vực nghiên cứu
12. Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).
13. Văn bằng hoặc Chứng chỉ ngoại ngữ (bản sao công chứng hợp lệ).

7.5. Điều kiện trúng tuyển

Chỉ tiêu chương trình thạc sĩ định hướng nghiên cứu nếu xét trúng tuyển chưa hết chỉ tiêu sẽ được chuyển sang chương trình thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc ngược lại.

- Căn cứ kết quả thi xếp thứ tự (đã cộng điểm ưu tiên) và điểm trúng tuyển đến hết chỉ tiêu với điều kiện điểm đạt các môn thi từ 5.0 trở lên và đạt điều kiện trình độ ngoại ngữ theo yêu cầu.

- Trường hợp ứng viên có điểm bằng nhau cùng đợt xét tuyển, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: 1. Điểm tổng kết trung bình toàn khóa trong chương trình đào tạo Đại học cao hơn; 2. nữ.

7.6 Hình thức đào tạo chính quy: Tập trung 1,5 năm - 02 năm

8. Tuyển sinh trình độ Chuyên khoa I ngành Y học cổ truyền

8.1. Điều kiện dự thi

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương xác nhận.

- Có bằng tốt nghiệp bác sĩ chuyên ngành Y học cổ truyền hoặc tương đương.

- Có chứng chỉ hành nghề bác sĩ Y học cổ truyền. Có giấy phép hành nghề đối với những bác sĩ làm việc liên tục từ trước ngày 01/01/2012 (theo Thông tư số 41/2011/TT-BYT) cho đến ngày đăng ký dự thi được dự thi chuyên ngành đang làm việc.

8.2. Hình thức đào tạo: chính quy

- Hệ tập trung: Học tập trung 02 năm.

- Hệ tập trung theo chứng chỉ: Học tập trung từng đợt theo kế hoạch của Học viện, thời gian học tập trung 05 năm.

8.3. Các môn thi tuyển: 02 môn thi viết cụ thể như sau:

1. Môn cơ sở ngành (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SDH HVYDCTVN năm 2026 quyết định): Sinh lý

2. Môn chuyên ngành (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SDH HVYDCTVN năm 2026 quyết định): Y học cổ truyền.

8.4. Hồ sơ đăng ký dự thi gồm

1. Phiếu đăng ký dự thi (*theo mẫu có trong hồ sơ dự thi*).
2. Sơ yếu lý lịch.
3. Bản sao giấy khai sinh.
4. Giấy chứng nhận sức khỏe.
5. 04 ảnh 3x4 (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh mặt sau ảnh, ảnh để trong phong bì).
6. Giấy xác nhận thâm niên công tác.
7. Chứng chỉ hành nghề bác sĩ YHCT (bản sao công chứng hợp lệ).
8. Quyết định hoặc Hợp đồng lao động dài hạn (bản sao công chứng hợp lệ).
9. Công văn giới thiệu của cơ quan cử đi dự thi.
10. Bằng tốt nghiệp và Bảng điểm đại học (bản sao công chứng hợp lệ).
Đối với ứng viên tốt nghiệp đại học nước ngoài:
 - Bằng tốt nghiệp đại học, Bảng điểm đại học và Bảng học vị (nếu có) (bản sao công chứng hợp lệ).
 - Công nhận văn bằng của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo (bản sao công chứng hợp lệ).
11. Bằng tốt nghiệp khác, Bảng điểm (bản sao công chứng hợp lệ).
12. Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).

8.5. Điều kiện trúng tuyển

- Căn cứ kết quả thi xếp thứ tự (đã cộng điểm ưu tiên) và điểm trúng tuyển đến hết chỉ tiêu với điều kiện điểm đạt các môn thi từ 5.0 trở lên .

- Trường hợp ứng viên có điểm bằng nhau cùng đợt xét tuyển, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: 1. Điểm môn thi chuyên ngành cao hơn; 2. Điểm tổng kết trung bình toàn khóa trong chương trình đào tạo Đại học cao hơn; 3. nữ.

9. Tuyển sinh trình độ Chuyên khoa I ngành Châm cứu

9.1. Điều kiện dự thi

- Có bằng tốt nghiệp bác sĩ ngành Y học cổ truyền hoặc văn bằng cử nhân y khoa do nước ngoài cấp được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận tương đương trình độ đại học nhưng phải kèm theo giấy chứng nhận đã qua đào tạo bổ sung ngành YHCT hoặc chuyên ngành phù hợp với thời gian đào tạo ít nhất là 12 tháng tại cơ sở đào tạo hợp pháp của Việt Nam. Hoặc bằng tốt nghiệp bác sĩ đa khoa hoặc bác sĩ y khoa và có thêm chứng chỉ định hướng chuyên khoa YHCT (hoặc chứng chỉ chuyên khoa định hướng YHCT hoặc chứng chỉ chuyên khoa sơ bộ YHCT hoặc chứng chỉ sơ bộ chuyên khoa YHCT hoặc chứng chỉ đào tạo liên tục định hướng chuyên khoa YHCT được tuyển sinh và đào tạo trước ngày 09 tháng 07 năm 2019, chứng chỉ đào tạo liên tục y học cổ truyền cơ bản với thời gian từ 06 tháng trở lên).

- Có chứng chỉ hành nghề bác sĩ YHCT. Có giấy phép hành nghề đối với những bác sĩ làm việc liên tục trong ngành YHCT từ trước ngày 01/01/2012 (ngày Thông tư số 41/2011/TT-BYT có hiệu lực) cho đến ngày đăng ký dự tuyển được đăng ký dự thi.

- Đủ sức khỏe học tập.

- Lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Người nước ngoài muốn học chuyên khoa cấp I tại Việt Nam phải đảm bảo các điều kiện trên và được Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam giới thiệu.

9.2. Hình thức đào tạo: chính quy

- Hệ tập trung: Học tập trung 02 năm.

- Hệ tập trung theo chứng chỉ: Học tập trung từng đợt theo kế hoạch của Học viện, thời gian học tập trong 05 năm.

9.3. Các môn thi tuyển: 02 môn thi viết

1. Môn cơ sở ngành (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SDH HVYDCTVN năm 2026 quyết định): Giải phẫu.

2. Môn chuyên ngành (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SDH HVYDCTVN năm 2026 quyết định): Y học cổ truyền.

9.4. Hồ sơ đăng ký dự thi gồm

1. Phiếu đăng ký dự thi (theo mẫu có trong hồ sơ dự thi).
2. Sơ yếu lý lịch.
3. Bản sao giấy khai sinh.
4. Giấy chứng nhận sức khỏe.
5. 04 ảnh 3x4 (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh mặt sau ảnh, ảnh để trong phong bì).
6. Giấy xác nhận thâm niên công tác.
7. Chứng chỉ hành nghề bác sĩ YHCT (bản sao công chứng hợp lệ).
8. Quyết định hoặc Hợp đồng lao động dài hạn (bản sao công chứng hợp lệ).
9. Công văn giới thiệu của cơ quan cử đi dự thi.
10. Bằng tốt nghiệp và Bảng điểm đại học (bản sao công chứng hợp lệ).

Đối với ứng viên tốt nghiệp đại học nước ngoài:

- Bằng tốt nghiệp đại học, Bảng điểm đại học và Bằng học vị (nếu có) (bản sao công chứng hợp lệ).
- Công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo (bản sao công chứng hợp lệ).
- 11. Bằng tốt nghiệp khác, Bảng điểm (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).
- 12. Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).

9.5. Điều kiện trúng tuyển

- Căn cứ kết quả thi xếp thứ tự (đã cộng điểm ưu tiên) và điểm trúng tuyển đến hết chỉ tiêu với điều kiện điểm đạt các môn thi từ 5.0 trở lên.
- Trường hợp ứng viên có điểm bằng nhau cùng đợt xét tuyển, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: 1. Điểm môn thi chuyên ngành cao hơn; 2. Điểm tổng kết trung bình toàn khóa trong chương trình đào tạo Đại học cao hơn; 3. nữ.

10. Tuyển sinh trình độ Chuyên khoa I ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền

10.1. Điều kiện dự thi

- Có bằng Dược sĩ đại học và có chứng chỉ hành nghề, giấy phép hành nghề thuộc lĩnh vực Dược hoặc có xác nhận thời gian làm việc tối thiểu 12 tháng sau tốt nghiệp Dược sĩ đại học.

- Đủ sức khỏe học tập và phục vụ lâu dài trong ngành y tế.

- Lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Có công văn cử đi dự thi của cơ quan quản lý trực tiếp có xác nhận đang công tác trong chuyên ngành dự thi (đối với thí sinh đang công tác tại cơ quan, đơn vị).

10.2. Hình thức đào tạo: chính quy

Hệ tập trung: Học tập trung 02 năm.

10.3. Các môn thi tuyển: 02 môn thi viết

1. Môn cơ sở ngành (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SĐH HVYDCTVN năm 2026 quyết định): Hóa phân tích

2. Môn chuyên ngành (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SĐH HVYDCTVN năm 2026 quyết định): Dược liệu và Dược cổ truyền

10.4. Hồ sơ đăng ký dự thi gồm

1. Phiếu đăng ký dự thi (theo mẫu có trong hồ sơ dự thi).

2. Sơ yếu lý lịch.

3. Bản sao giấy khai sinh.

4. Giấy chứng nhận sức khỏe.

5. 04 ảnh 3x4 (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh mặt sau ảnh, ảnh để trong phong bì).

6. Giấy xác nhận thâm niên công tác.

7. Chứng chỉ hành nghề thuộc lĩnh vực Dược (bản sao công chứng hợp lệ) hoặc có xác nhận thời gian làm việc thuộc lĩnh vực Dược tối thiểu 12 tháng sau tốt nghiệp Dược sĩ đại học.

8. Quyết định hoặc Hợp đồng lao động dài hạn (bản sao công chứng hợp lệ).

9. Công văn giới thiệu của cơ quan cử đi dự thi.

10. Bằng tốt nghiệp và Bảng điểm đại học (bản sao công chứng hợp lệ).

Đối với ứng viên tốt nghiệp đại học nước ngoài:

- Bằng tốt nghiệp đại học, Bảng điểm đại học và Bằng học vị (nếu có) (bản sao công chứng hợp lệ).

Công nhận văn bằng của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo (bản sao công chứng hợp lệ).

11. Bằng tốt nghiệp khác, Bảng điểm (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).

12. Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).

10.5. Điều kiện trúng tuyển

- Căn cứ kết quả thi xếp thứ tự (đã cộng điểm ưu tiên) và điểm trúng tuyển đến hết chỉ tiêu với điều kiện điểm đạt các môn thi từ 5.0 trở lên.

- Trường hợp ứng viên có điểm bằng nhau cùng đợt xét tuyển, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: 1. Điểm môn thi chuyên ngành cao hơn; 2. Điểm tổng kết trung bình toàn khóa trong chương trình đào tạo Đại học cao hơn; 3. nữ.

11. Tuyển sinh trình độ Chuyên khoa II ngành Y học cổ truyền

11.1. Điều kiện dự thi

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương xác nhận.

- Về thâm niên chuyên môn để dự thi: sau khi tốt nghiệp Chuyên khoa I ngành Y học cổ truyền hoặc thạc sĩ ngành Y học cổ truyền hoặc Bác sĩ nội trú và có chứng chỉ hành nghề hoặc có giấy phép hành nghề.

11.2. Hình thức đào tạo

- Hệ tập trung: Học tập trung liên tục 02 năm.

- Hệ tập trung theo chứng chỉ: Học tập trung từng đợt theo kế hoạch của Học viện, thời gian học tập không quá 04 năm.

11.3. Các môn thi tuyển: hình thức thi viết

- Miễn thi ngoại ngữ đối với thí sinh có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài.

+ Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 hoặc tương đương Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực đến ngày đăng ký dự thi.

2. Môn chuyên ngành (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SDH HVYDCTVN năm 2026 quyết định): Y học cổ truyền, trình độ Chuyên khoa I.

11.4. Hồ sơ đăng ký dự thi gồm

1. Phiếu đăng ký dự thi (theo mẫu có trong hồ sơ dự thi).
2. Sơ yếu lý lịch.
3. Giấy khai sinh (Bản sao công chứng hợp lệ).
4. Giấy chứng nhận sức khỏe.
5. 04 ảnh 3x4 (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh mặt sau ảnh, ảnh để trong phong bì).
6. Chứng chỉ hành nghề bác sĩ Y học cổ truyền (Bản sao công chứng hợp lệ).
7. Quyết định hoặc Hợp đồng lao động dài hạn (Bản sao công chứng hợp lệ)
8. Công văn giới thiệu của cơ quan cử đi dự thi.
9. Bằng tốt nghiệp và Bảng điểm trình độ Đại học; Chuyên khoa I; Thạc sĩ chuyên ngành Y học cổ truyền (Bản sao công chứng hợp lệ).
Đối với ứng viên tốt nghiệp tại nước ngoài:
 - Bằng tốt nghiệp, Bảng điểm, Học vị (nếu có) (Bản sao công chứng hợp lệ).
 - Công nhận văn bằng của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bản sao công chứng hợp lệ).
10. Bằng tốt nghiệp khác, bảng điểm (Bản sao công chứng hợp lệ).
11. Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).

12. Chúng chỉ ngoại ngữ (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).

11.5. Điều kiện trúng tuyển

- Căn cứ kết quả thi xếp thứ tự (đã cộng điểm ưu tiên) và điểm trúng tuyển đến hết chỉ tiêu với điều kiện điểm đạt các môn thi từ 5.0 trở lên và đạt điều kiện trình độ ngoại ngữ theo yêu cầu.

- Trường hợp ứng viên có điểm bằng nhau cùng đợt xét tuyển, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: 1. Điểm tổng kết trung bình toàn khóa trong chương trình đào tạo CKI cao hơn; 2. nữ.

12. Tuyển sinh trình độ Bác sĩ nội trú ngành y học cổ truyền

12.1. Điều kiện dự tuyển:

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Y học cổ truyền và đạt từ loại khá trở lên.

- Có năng lực ngoại ngữ từ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên và chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài.

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam cấp trong thời gian không quá hai năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Một trong các văn bằng chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ sáu bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực đến ngày đăng ký dự tuyển.

- Trong các năm học đại học không bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên không bị dừng học tập (trừ lý do sức khỏe, thai sản).

- Có đủ sức khỏe học tập theo quy định hiện hành.

- Học viên tốt nghiệp đại học loại xuất sắc, nếu có đủ các điều kiện trên được xét miễn thi tuyển.

12.2. Hình thức đào tạo

- Phương thức tuyển sinh đào tạo trình độ bác sĩ nội trú: Thi tuyển.

- Tuyển sinh đào tạo trình độ bác sĩ nội trú: 01lần/năm.
- Thời gian đào tạo: 03 năm.
- Học viên phải thường trú tại Học viện.
- Học viên sinh con trong thời gian học, bắt buộc phải nghỉ học theo chế độ thai sản hiện hành để bảo vệ sức khỏe mẹ và con.

12.3. Các môn thi tuyển: Thi viết

Thực hiện theo quy chế tuyển sinh và đào tạo BSNT có hiệu lực tại thời điểm thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ Bác sĩ Nội trú của Học viện.

Môn thi 1: Môn ngoại ngữ (Thời gian thi 90 phút 3 kỹ năng nghe, đọc, viết): chọn một trong các ngoại ngữ sau: Anh văn hoặc Trung văn. Đề thi ngoại ngữ tương đương trình độ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Miễn thi ngoại ngữ đối với thí sinh có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Môn thi 2: Sinh lý (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SĐH HVYDCTVN năm 2026 quyết định)

Môn thi 3: Lý luận cơ bản Y học cổ truyền (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SĐH HVYDCTVN năm 2026 quyết định)

Môn thi 4: Bệnh học Y học cổ truyền (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SĐH HVYDCTVN năm 2026 quyết định)

Thí sinh đạt trình độ bậc 3/6 của khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam – Theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT được miễn thi ngoại ngữ.

12.4. Hồ sơ dự thi

1. Phiếu đăng ký dự thi ghi rõ chuyên ngành xin học, môn ngoại ngữ dự thi và cam kết chấp hành phân công công tác sau khi tốt nghiệp (Theo mẫu có trong hồ sơ dự thi).

2. Sơ yếu lý lịch có xác nhận của trường đại học.

3. Bản sao giấy khai sinh.

4. Giấy chứng nhận sức khỏe (dùng cho người đủ 18 theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 05 năm 2013).

5. 04 ảnh 3x4 (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh mặt sau ảnh, ảnh để trong phong bì) và 02 phong bì dán tem ghi rõ địa chỉ người nhận.

6. Bản sao bằng tốt nghiệp và bằng điểm đại học (công chứng).

7. Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có, công chứng).

8. Chứng chỉ, văn bằng ngoại ngữ (nếu có, công chứng).

12.5. Điều kiện trúng tuyển

- Căn cứ kết quả thi xếp thứ tự với điều kiện: đạt 5,0 điểm trở lên của môn ngoại ngữ sau khi quy đổi từ thang điểm 100 về thang điểm 10 hoặc miễn thi ngoại ngữ; đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10 đối với môn thi 2 và môn thi 3 sau khi đã làm tròn đến 0,5; môn thi 4 phải đạt từ 7,0 điểm trở lên theo thang điểm 10 sau khi làm tròn đến 0,5. Tổng điểm thi tuyển dùng để xét tuyển là tổng điểm 3 môn thi (không cộng điểm môn thi ngoại ngữ) sau khi đã cộng điểm ưu tiên (nếu có). Điểm trung tuyển căn cứ theo chỉ tiêu tuyển sinh năm 2026.

- Trường hợp ứng viên có điểm bằng nhau cùng đợt xét tuyển, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: 1. Điểm môn thi thứ 4 cao hơn; 2. Điểm tổng kết trung bình toàn khóa trong chương trình đào tạo đại học cao hơn; 3. nữ.

IV. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

Áp dụng đối với thí sinh dự thi Thạc sĩ, Chuyên khoa II, Chuyên khoa I, BSNT.

1. Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác hai năm liên tục trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

b) Thương binh, người có Giấy chứng nhận được hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a, Khoản này.

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a, Khoản này.

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

2. Mức ưu tiên:

2.1. Đối với tuyển sinh Thạc sĩ: Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng mười điểm (10 điểm) vào kết quả thi cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện miễn thi môn ngoại ngữ theo quy định và cộng một điểm (1 điểm) vào tổng điểm các môn thi tuyển (không cộng điểm môn thi Ngoại ngữ) (thang điểm 10).

2.2. Đối với tuyển sinh chuyên khoa I, chuyên khoa II, Bác sĩ nội trú: ứng viên thuộc đối tượng ưu tiên được cộng một điểm (01 điểm theo thang điểm 10) vào tổng điểm kết quả thi các môn thi (không cộng điểm môn thi ngoại ngữ).

Ghi chú:

- Các thí sinh thuộc diện ưu tiên đề nghị nộp giấy xác nhận ưu tiên của cơ quan có thẩm quyền khi nộp hồ sơ (không giải quyết trường hợp bổ sung giấy ưu tiên sau khi đã nộp hồ sơ).

- Mỗi thí sinh chỉ được hưởng một diện ưu tiên, thí sinh không đăng ký ưu tiên khi nộp hồ sơ dự thi sẽ không được Hội đồng thi xét duyệt ưu tiên.

- Khu vực ưu tiên căn cứ theo khu vực tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2026 đối với đợt 1 và năm 2026.

V. THỜI GIAN – ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH VÀ NHẬN HỒ SƠ

1. Đợt I năm 2026 (dự kiến)

1.1. Thời gian phát hành hồ sơ: dự kiến từ ngày 06//03/2026.

1.2. Thời gian nhận hồ sơ: dự kiến từ 8h00 ngày 09/ 03/ 2026 đến 16h30 ngày 11/ 05/ 2026.

1.3. Hình thức nhận hồ sơ:

- Bước 1:

Đăng ký trực tuyến theo đường link: <http://saudaihoc.vutm.edu.vn/>

Hướng dẫn đăng ký trực tuyến (*theo hướng dẫn đính kèm*).

- Bước 2:

+ Nộp trực tiếp Hồ sơ dự thi tuyển tại Phòng Đào tạo Sau đại học - Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

+ Hoặc Gửi bưu điện đến địa chỉ Phòng Đào tạo Sau đại học - Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam - Số 2 - Trần Phú, Phường Đại Mỗ, Hà Nội.

1.4. Kinh phí tuyển sinh và đào tạo

- Phí đăng ký dự tuyển: 60.000đ/hồ sơ. Đối với dự tuyển nghiên cứu sinh: 200.000đ/hồ sơ

- Lệ phí thi tuyển và xét tuyển: 120.000 đồng /01 môn thi đối với thí sinh dự thi Thạc sĩ, Chuyên khoa I, Chuyên khoa II.

- Đối với thạc sĩ định hướng nghiên cứu: 2.000.000 đồng/đề cương nghiên cứu.

- Đối với nghiên cứu sinh: 3.000.000 đồng/đề cương nghiên cứu.

- Mức học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình từng năm học, cả khóa học theo quy định Ban hành mức thu học phí của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

Ghi chú:

- Phí đăng ký dự thi, phí dự thi nộp tại Phòng Tài chính Kế toán theo quy định của Nhà nước và Học viện (các khoản này nộp 01 lần cùng với hồ sơ đăng ký thi tuyển).

- Thí sinh không đủ tiêu chuẩn dự tuyển không được hoàn trả hồ sơ và lệ phí tuyển sinh.

3.5. Nhận giấy báo thi: Dự kiến ngày 25/05/2026.

3.6. Địa điểm phát hành và nhận hồ sơ: Phòng Đào tạo sau đại học - Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam - Phòng 212 - Tầng 2 nhà 11 tầng.

1.5. ÔN THI

- Ôn thi: Tổ chức ôn thi các môn cơ sở, chuyên ngành và ngoại ngữ cho các đối tượng dự thi.

- Thời gian bắt đầu ôn thi: Dự kiến từ ngày 04/05/2026 đến 05/06/2026

(Kế hoạch ôn thi cụ thể nhận tại Phòng Đào tạo Sau đại học hoặc xem trên website của Học viện).

1.6. THỜI GIAN - ĐỊA ĐIỂM THI, XÉT TUYỂN

- Ngày thi dự kiến: dự kiến ngày 26 - 27/06/2026.
- Ngày xét tuyển dự kiến: dự kiến ngày 07 - 10/07/2026
- Thí sinh xem giờ thi và phòng thi cụ thể tại Phòng Đào tạo Sau đại học.
- Địa điểm thi: Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

Thông tin chi tiết tuyển sinh Sau đại học đợt 1 năm 2026 xin liên hệ với Phòng Đào tạo sau đại học. ĐT: 0433 540 277 hoặc DD: 0969530077 hoặc xem trên website: <http://www.vutm.edu.vn>.

Thí sinh tự túc ăn ở trong thời gian ôn thi và thi tại Học viện

2. Đợt II năm 2026 (dự kiến)

2.1. Thời gian phát hành hồ sơ: dự kiến từ ngày 20/ 07/2026.

2.2. Thời gian nhận hồ sơ: dự kiến từ 8h00' ngày 28/ 07/ 2026 đến 16h30' ngày 22/ 9/ 2026.

2.3.. Hình thức nhận hồ sơ:

- Bước 1:

Đăng ký trực tuyến theo đường link: <http://saudaihoc.vutm.edu.vn/>

Hướng dẫn đăng ký trực tuyến (*theo hướng dẫn đính kèm*).

- Bước 2:

+ Nộp trực tiếp Hồ sơ dự thi tuyển tại Phòng Đào tạo Sau đại học - Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

+ Hoặc Gửi bưu điện đến địa chỉ Phòng Đào tạo Sau đại học - Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam - Số 2 - Trần Phú, Phường Đại Mỗ, Hà Nội.

2.4. Kinh phí tuyển sinh và đào tạo

- Phí đăng ký dự tuyển: 60.000đ/hồ sơ.

- Lệ phí thi tuyển và xét tuyển: 120.000 đồng /01 môn thi đối với thí sinh dự thi Thạc sĩ, Chuyên khoa I, Chuyên khoa II.

- Đối với thạc sĩ định hướng nghiên cứu: 2.000.000 đồng/đề cương nghiên cứu.

- Đối với nghiên cứu sinh: 3.000.000 đồng/đề cương nghiên cứu.

- Mức học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình từng năm học, cả khóa học theo quy định Ban hành mức thu học phí của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

Ghi chú:

- Phí đăng ký dự thi, phí dự thi nộp tại Phòng Tài chính Kế toán theo quy định của Nhà nước và Học viện (các khoản này nộp 01 lần cùng với hồ sơ đăng ký thi tuyển).

- Thí sinh không đủ tiêu chuẩn dự tuyển không được hoàn trả hồ sơ và lệ phí tuyển sinh.

5. Nhận giấy báo thi: Dự kiến ngày 09/10/2026

6. Địa điểm phát hành và nhận hồ sơ: Phòng Đào tạo sau đại học - Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam - Phòng 212 - Tầng 2 nhà 11 tầng.

2.5. ÔN THI

- Ôn thi: Tổ chức ôn thi các môn cơ sở, chuyên ngành và ngoại ngữ cho các đối tượng dự thi.

- Thời gian bắt đầu ôn thi: Dự kiến từ ngày 14/09/2026

(Kế hoạch ôn thi cụ thể nhận tại Phòng Đào tạo Sau đại học hoặc xem trên website của Học viện).

2.6. THỜI GIAN - ĐỊA ĐIỂM THI

- Ngày thi dự kiến: dự kiến ngày 28,29/10/2026.

- Thí sinh xem giờ thi và phòng thi cụ thể tại Phòng Đào tạo sau đại học.

- Địa điểm thi: Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

Thông tin chi tiết tuyển sinh Sau đại học đợt 2 năm 2025 xin liên hệ với Phòng Đào tạo sau đại học. ĐT: 0433 540 277 hoặc DD: 0969530077 hoặc xem trên website: <http://www.vuttm.edu.vn>

Thí sinh tự túc ăn ở trong thời gian ôn thi và thi tại Học viện

VI. Công bố kết quả thi và dự kiến nhập học

1. Công bố kết quả thi

- Công bố kết quả thi: dự kiến đợt 1 trước 15/11/2025; Đợt 2 trước 30/11/2025

- Nhập học dự kiến đợt 1: 8/2026; Đợt 2: 11/2026

2. Quy trình nhập học, giám sát nhập học và hồ sơ nhập học:

2.1. Quy trình nhập học, giám sát nhập học: (Phụ lục 8)

2.2. Thủ tục hồ sơ nhập học:

- Danh mục hồ sơ trúng tuyển nhập học thực hiện theo thông báo nhập học
- Các khoản kinh phí cần nộp thực hiện theo thông báo nhập học

3. Quy định về phương án, kế hoạch thanh tra và kiểm tra kỳ thi tuyển sinh hoặc xét tuyển tiến sĩ, thạc sĩ và các trình độ khác

Quy định về phương án, kế hoạch thanh tra và kiểm tra kỳ thi tuyển sinh hoặc xét tuyển tiến sĩ, thạc sĩ và các trình độ khác thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2026./.

W

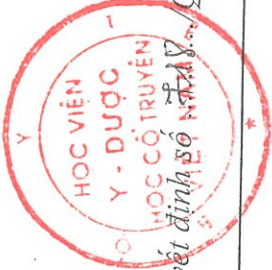


Nguyễn Quốc Huy

)

**BÁO CÁO SỞ CƠ SỞ THỰC HÀNH
THEO NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH VÀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO**

(Kèm theo Quyết định số 1245/QĐ-HVYDCT ngày 28. tháng 02. năm 2026 của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam)



TT	Ngành/ Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Cơ sở thực hành theo quy định tại khoản 2, điều 10, Nghị định 111/2017/NĐ-CP						Tên cơ sở thực hành khác					
		Tên cơ sở thực hành	Công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành theo quy định (Ghi rõ: Đã công bố hoặc Chưa công bố)	Đường link chi tiết tại Bản công bố của cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định	Danh sách các giảng viên thỉnh giảng (của cơ sở thực hành) được công bố theo từng ngành/chuyên ngành, từng trình độ (chỉ khai đối với CKI/CKII/BSNT)	Danh sách giảng viên của cơ sở giáo dục có đăng ký hành nghề tại cơ sở thực hành và được cơ sở thực hành bổ trí làm công tác khám bệnh chữa bệnh theo quy định	Tên cơ sở thực hành khác	Công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành theo quy định (Ghi rõ: Đã công bố hoặc Chưa công bố)	Đường link để tải Bản công bố của cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định	Đang triển khai	Đang triển khai		
I	Tiến sỹ												
II	Tiến sỹ												
I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Tuệ Tĩnh	Đang triển khai										
		Bệnh viện YHCT TW	Đã công bố	YHCT Trung ương									
		Quán Đội	Chưa công bố										
II	Thạc sỹ, CKI, CKII, BSNT												
	Bệnh viện Tuệ Tĩnh	Đang triển khai								32 BV YHCT	Đang triển khai		

1	Y học cổ truyền	Bệnh viện YHCT TW	Đã công bố	YHCT Trung ương	tuyển tỉnh		
		Bệnh viện YHCT Quân Đội	Đang triển khai				
		Bệnh viện Châm cứu TW					
		BV 19.8	Đã công bố	BV 19-8			
		Bệnh viện Thanh Nhân	Đã công bố	Thanh Nhân			
		III Đại học chính quy					
		Bệnh viện Tuệ Tĩnh	Đang triển khai				
		BV YHCT TW	Đã công bố	YHCT Trung ương			
		BV YHCT Quân đội	Chưa công bố				
		BV Châm cứu TW	Đã công bố				
BV YHCT Bộ CA	Đã công bố	YHCT Bộ Công an					
BV ĐK YHCT Hà Nội	Đã công bố	ĐK YHCT Hà Nội					
BV YHCT Hà Đông	Đã công bố	YHCT Hà Đông					

BV Xanh Pôn	Đã công bố									
BV Đa khoa Hà Đông	Đã công bố	<u>ĐK Hà Đông</u>								
BV PHCN HN	Đã công bố	<u>Bệnh viện PHCN</u>								
BV Đống Đa	Đã công bố	<u>Đa khoa Đống Đa</u>								
BV Tâm thần TW										
BV Việt Đức	Đã công bố	<u>Việt Đức</u>							BV Bạch Mai	Bach Mai
BV Mắt TW										
BV Nhi TW	Đã công bố	<u>Nhi</u>								
BV TMMH TW										
BV E	Đã công bố	<u>BV E</u>								
BV Nội tiết TW	Đã công bố	<u>Nội tiết</u>								
BV Da liễu TW	Đã công bố	<u>Da liễu</u>								
BV 19.8 - Bộ CA	Đã công bố	<u>BV 19-8</u>								
BV Phụ sản HN	Đang triển khai									
BV Thanh Nhân	Đã công bố	<u>Thanh Nhân</u>								

	BV Xanh Pôn	Đã công bố							
	BV Đa khoa Hà Đông	Đã công bố	ĐK Hà Đông						
	BV ĐK YHCT Hà Nội	Đã công bố	ĐK YHCT Hà Nội						
	BV PHCN HN	Đã công bố	Bệnh viện PHCN						
	BV Đống Đa	Đã công bố	Đa khoa Đống Đa						
	BV Tâm thần TW								
	BV Mắt Hà Đông	Đã công bố	Mắt Hà Đông						
	BV Thanh Nhân	Đã công bố	Thanh Nhân						
	BV Xanh Pôn	Đã công bố							
	BV Đa khoa Hà Đông	Đã công bố	ĐK Hà Đông						
3	BV Ung Bướu Hà Nội	Đã công bố	Ung bướu HN						
	Công ty Dược Khoa								
	Công ty dược phẩm Mediplantex								

* Danh sách 32 BV YHCT tuyển tình (Thực tập nghề nghiệp, thực hành lâm sàng CKI, CKII)

1. BV YHCT 15. BV YHCT Hòa Bình
2. BV YDCT 16. BV YHCT Điện Biên
3. BV YHCT 17. BV YHCT Lai Châu
4. BV YDCT 18. BV YHCT Lạng Sơn
29. Viện Y học dân tộc TP HCM
30. BV 175
31. BV Thủ Đức, TP HCM
32. BV YHCT Thái Bình

5. BV YHCT 119. BV YHCT Lào Cai
6. BV YDCT 120. BV YHCT Nam Định
7. BV YDCT 21. BV YHCT Nghệ An
8. BV YDCT 22. BV YHCT Ninh Bình
9. BV YDCT 23. BV YHCT Thái Nguyên
10. BV YDC 24. BV YHCT Quảng Nam
11. BV YHC 25. BV YHCT Vĩnh Phúc
12. BV YHC 26. BV YHCT Yên Bái
13. BV YHC 27. BV YDCT & PHCN Bắc Ninh
14. BV YHC 28. BV YDCT & PHCN Phú Thọ

**DANH SÁCH GIÁNG VIÊN CƠ HỮU
THEO NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH VÀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO**

Đơn vị báo cáo: Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên cơ hữu (1)	Danh sách giảng viên cơ hữu theo quy định về điều kiện mở ngành đào tạo/Quy chế đào tạo CKI, CKII, BSNT hiện hành (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo
I	Tiến sỹ	Đậu Xuân Cảnh	X	PGS. Tiến sỹ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Thị Kim Ngân	X	Tiến sỹ	Y học cổ truyền
		Phạm Vũ Khánh	X	PGS. Tiến sỹ	Y học cổ truyền
		Phạm Quốc Bình	X	PGS. Tiến sỹ	Y học cổ truyền
		Đoàn Minh Thủy	X	PGS. Tiến sỹ	Y học cổ truyền
1	Ngành Y học cổ truyền	Nguyễn Tiến Chung	X	Tiến sỹ	Y học cổ truyền
		Tống Thị Tam Giang	X	Tiến sỹ	Y học cổ truyền
II	Thạc sỹ				
		Phạm Quốc Bình	X	PGS. Tiến sỹ	Y học cổ truyền
		Đậu Xuân Cảnh	X	PGS. Tiến sỹ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Tiến Chung	X	Tiến sỹ	Y học cổ truyền
		Tống Thị Tam Giang	X	Tiến sỹ	Y học cổ truyền
		Trần Thanh Hà	X	CKII	Y học cổ truyền
		Đoàn Quang Huy	X	PGS. Tiến sỹ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Chi Lê	X	Tiến sỹ	Ngôn ngữ học
		Đinh Thị Hồng Minh	X	Tiến sỹ	Khoa học giáo dục
		Trần Thị Hồng Ngải	X	Tiến sỹ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Thị Kim Ngân	X	Tiến sỹ	Y học cổ truyền
		Đàm Tú Quỳnh	X	Tiến sỹ	Ngôn ngữ học và ngôn ngữ học ứng dụng
	Ngành Y học cổ truyền	Nguyễn Thị Thủy	X	Tiến sỹ	Trung Y Phụ khoa

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên cơ hữu (1)	Danh sách giảng viên cơ hữu theo quy định về điều kiện mở ngành đào tạo/Quy chế đào tạo CKI, CKII, BSNT hiện hành (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo
		Đoàn Minh Thủy	X	PGS. Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Phạm Thanh Tùng	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Phạm Thủy Phương	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Phan Thị Hoa	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Trần Thị Thu Vân	X	PGS. Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Trần Thị Thu Hương	X	CKII	Y học cổ truyền
		Lưu Minh Châu	X	Tiến sĩ	Vệ sinh học xã hội và tổ chức y tế
		Trần Thị Kim Thư	X	CKII	Nội - Nội tiết
		Lê Mạnh Cường	x	PGS Tiến sĩ	Ngoại tiêu hóa
		Lê Thúy Hạnh	X	CKII	Y học cổ truyền
		Nguyễn Minh Hà	X	CKII	Y học cổ truyền
		Quách Thị Yến	X	Tiến sĩ	Y học
III	Chuyên khoa I				
		Vũ Nam	X	PGS. Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Trần Thị Hồng Ngái	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Thị Thủy	X	Tiến sĩ	Trung Y Phụ khoa
		Trần Thị Thu Hương	X	CKII	Y học cổ truyền
		Phạm Thanh Tùng	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Đoàn Minh Thủy	X	PGS. Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Đặng Ánh Ngọc	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Quách Thị Yến	X	Tiến sĩ	Y học
		Nguyễn Minh Hà	X	CKII	Y học cổ truyền
		Lê Mạnh Cường	x	PGS. Tiến sĩ	Ngoại tiêu hóa
		Lê Thúy Hạnh	X	Chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền
		Phạm Vũ Khánh	X	PGS. Tiến sĩ	Y học cổ truyền

Ngành Y học cổ truyền

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên cơ hữu (1)	Danh sách giảng viên cơ hữu theo quy định về điều kiện mở ngành đào tạo/Qui chế đào tạo CKI, CKII, BSNT hiện hành (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo
		Lưu Minh Châu	X	Tiến sĩ	Y học
		Nguyễn Quốc Huy	X	PGS. Tiến sĩ	Dược liệu - Dược cổ truyền
		Nguyễn Văn Quân	X	Tiến sĩ	Tê chức Quản lý dược
	Ngành Dược - Dược học cổ truyền	Trần Thị Thu Hiền	X	Tiến sĩ	TS Dược học chuyên ngành Dược liệu - Dược học cổ truyền
		Nguyễn Thị Minh Thu	X	Tiến sĩ	Dược lý
		Vũ Đức Lợi	X	PGS. Tiến sĩ	Dược học cổ truyền
	Ngành Châm cứu	Nguyễn Văn Hải	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Trần Văn Thanh	X	PGS. Tiến sĩ	Thần kinh
IV	Chuyên khoa II				
		Phạm Quốc Bình	X	PGS. Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Đậu Xuân Cảnh	X	PGS. Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Đoàn Quang Huy	X	PGS. Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Thị Kim Ngân	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Chi Lê	X	Tiến sĩ	Ngôn ngữ học
		Hoàng Cao Hiếu	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Phan Thị Hoa	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Văn Hải	X	Tiến sĩ	Châm cứu
		Trương Anh Tuấn	X	Tiến sĩ	Châm cứu
		Đình Thị Hồng Minh	X	Tiến sĩ	Khoa học giáo dục
		Nguyễn Tiến Chung	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Tông Thị Tam Giang	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên cơ hữu (1)	Danh sách giảng viên cơ hữu theo quy định về điều kiện mở ngành đào tạo/Quy chế đào tạo CKI, CKIL, BSNT hiện hành (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo
		Nguyễn Thị Hồng Loan	X	Chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền
		Trần Thị Kim Thư	X	Chuyên khoa cấp II	Nội - Nội tiết
V	Bác sỹ nội trú				
1	Ngành Y học cổ truyền	Trần Thị Thu Vân	X	PGS. Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Phạm Thủy Phương	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Đức Minh	X	PGS Tiến sĩ	Y học cổ truyền
VI	Đại học				
		Nguyễn Thế Anh	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Việt Anh	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Văn Bình	X	Thạc sĩ	Y tế công cộng
		Phạm Quốc Bình	X	PGS. Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Đậu Xuân Cảnh	X	PGS. Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Lưu Minh Châu	X	Tiến sĩ	Y học
		Nguyễn Vĩnh Huy Chính	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Đỗ Thị Thanh Chung	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Khắc Điền	X	Thạc sĩ	Vật lý địa cầu
		Nguyễn Đình Điệp	X	Đại học	Y học cổ truyền
		Lê Văn Dũng	X	Thạc sĩ	Vì sinh vật học
		Nguyễn Thùy Dương	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Tống Thị Tam Giang	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Minh Hà	X	Bác sĩ nội trú	Y học cổ truyền
		Nguyễn Thị Hà	X	Thạc sĩ	Hóa hữu cơ
		Trần Thanh Hà	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên cơ hữu (1)	Danh sách giảng viên cơ hữu theo quy định về điều kiện mở ngành đào tạo/Quy chế đào tạo CKII, CKIL, BSNT hiện hành (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo
		Nguyễn Văn Hải	X	Tiến sĩ	Châm cứu
		Quách Thị Diễm Hằng	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Lê Thúy Hạnh	X	Chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền
		Trịnh Thị Hào	X	Thạc sĩ	Di truyền học
		Hoàng Cao Hiếu	X	Tiến sĩ	Nội: khoa Trung y
		Vì Thị Hiếu	X	Thạc sĩ	Di truyền học
		Phan Thị Hoa	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Phạm Việt Hoàng	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Hoàng Thúy Hồng	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Đình Thị Hương	X	Thạc sĩ	Luật hiến pháp và luật hành chính
		Phạm Thị Thanh Hương	X	Thạc sĩ	Di truyền học
		Trần Đức Hữu	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Đoàn Quang Huy	X	PGS. Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Thị Huyền	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Thị Thanh Huyền	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Văn Khiêm	X	Thạc sĩ	Nhi khoa
		Nguyễn Hữu Khoa	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Thị Lan	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Vương Thị Mai Linh	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Bùi Phương Mai	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Mai Thủy Mai	X	Thạc sĩ	Y tế công cộng
		Nguyễn Thị Hồng Minh	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Phạm Thị Minh	X	Thạc sĩ	Nội khoa (Nội tiêu hóa)
		Lữ Đoàn Hoạt Mười	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên cơ hữu (1)	Danh sách giảng viên cơ hữu theo quy định về điều kiện mở ngành đào tạo/Quy chế đào tạo CKI, CKII, BSNT hiện hành (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo
		Cù Thị Bích Thủy	X	Thạc sĩ	Mô phôi
		Nguyễn Thị Thủy	X	Tiến sĩ	Trung Y Phụ khoa
		Đoàn Minh Thủy	X	PGS. Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Thị Thu Trang	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Thị Trang	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Phùng Thùy Trang	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Vũ Thị Tố Trinh	X	Thạc sĩ	Phụ khoa trung y
		Lưu Minh Trung	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Trương Anh Tuấn	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Đinh Thị Tuyết	X	Thạc sĩ	Hóa lý thuyết và Hóa lý
		Hoàng Thị Tuyết	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Văn Tuyết	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Trần Thị Vân	X	Thạc sĩ	Quản lý giáo dục
		Đỗ Thị Thanh Xuân	X	Tiến sĩ	Y tế công cộng
		Phạm Thị Cẩm Yên	X	Thạc sĩ	Sư phạm Toán
		Nguyễn Thị Hồng Yên	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Phạm Vũ Khánh	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Quang Ngọc Khuê	X	PGS. Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Trần Thị Thu Hà	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Trương Thị Minh Trang	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Vũ Nam	X	Thạc sĩ	Luật học ngành Quyền con người
		Phùng Thị Huyền	X	PGS. Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Trần Thái Hà	X	Tiến sĩ	Ung thư
		Lê Thu Hiền	X	PGS. Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Thị Mai Linh	X	Đại học	Y học cổ truyền
			X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên cơ hữu (1)	Danh sách giảng viên cơ hữu theo quy định về điều kiện mở ngành đào tạo/Quy chế đào tạo CKI, CKII, BSNT hiện hành (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo
		Hoàng Trọng Tuấn	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Hương Giang	X	Đại học	Y học cổ truyền
		Nguyễn Thị Thái	X	Đại học	Y học cổ truyền
		Cao Thị Vân Anh	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Đỗ Thị Thúy Anh	X	Chuyên khoa cấp I	Tâm thần
		Nguyễn Võ Hoàng Anh	X	Thạc sĩ	Răng hàm mặt
		Nguyễn Tiến Chung	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Du	X	Thạc sĩ	Nội thần kinh
		Chu Văn Đức	X	Tiến sĩ	Giải phẫu bệnh và pháp y
		Phạm Việt Dương	X	Chuyên khoa cấp I	Ngoại khoa
		Nguyễn Thị Giang	X	Thạc sĩ	Vì sinh vật học
		Nguyễn Thị Hương Giang	X	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
		Đinh Thị Thúy Hà	X	Thạc sĩ	Nội tổng hợp
		Lê Thị Việt Hà	X	Tiến sĩ	Hóa sinh học
		Lê Thị Hằng	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Dương Thị Thúy Hòa	X	Chuyên khoa cấp I	Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng
		Nguyễn Xuân Hòa	X	Tiến sĩ	Ngoại thần kinh-sọ não
		Phạm Thái Hưng	X	Tiến sĩ	Ngoại Lòng ngực
		Mai Thị Hương	X	Thạc sĩ	Tâm lý học
		Nguyễn Thị Hương	X	Thạc sĩ	Y tế công cộng
		Trần Thị Thu Hương	X	Tiến sĩ	Nội thận - tiết niệu
		Đỗ Thị Hương	X	Thạc sĩ	Sinh lý học
		Phạm Quỳnh Lâm	X	Thạc sĩ	Phụ khoa

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên cơ hữu (1)	Danh sách giảng viên cơ hữu theo quy định về điều kiện mở ngành đào tạo/Quy chế đào tạo CKI, CKII, ISNT hiện hành (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo
		Đỗ Thị Hương Lan	X	Thạc sĩ	Hóa sinh y học
		Nguyễn Thị Hồng Loan	X	Chuyên khoa cấp II	Nội - Nội tiết
		Phạm Hà Ly	X	Thạc sĩ	Nhi: khoa
		Phạm Thị Miên	X	Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm
		Trần Thị Minh	X	Thạc sĩ	Nội: khoa
		Phạm Thị Nga	X	Thạc sĩ	Điều dưỡng
		Trần Văn Phú	X	Tiến sĩ	Nội khoa
		Phí Văn Phương	X	Thạc sĩ	Đại số và lý thuyết số
		Nguyễn Ngọc Quỳnh	X	Tiến sĩ	Kinh tế học (Toán kinh tế)
		Đặng Việt Sinh	X	Thạc sĩ	Bệnh học Nội khoa
		Nguyễn Iní Phương	X	Chuyên khoa cấp I	Răng hàm mặt
		Vũ Thị Thơm	X	Thạc sĩ	Da liễu
		Bùi Thị Hương Thu	X	Thạc sĩ	Nhi khoa
		Trần Thị Kim Thư	X	Chuyên khoa cấp II	Nội - Nội tiết
		Nguyễn Huyền Trang	X	Thạc sĩ	Mô phôi thai học
		Nguyễn Thị Nha Trang	X	Thạc sĩ	Di truyền học
		Nguyễn Trọng Trí	X	Đại học	Y khoa
		Ngô Văn Trọng	X	Thạc sĩ	Tai Mũi Họng
		Chu Anh Tuấn	X	Thạc sĩ	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
		Tống Thị Mai Vân	X	Thạc sĩ	Nội khoa
		Nguyễn Đăng Yên	X	Chuyên khoa cấp I	Ung thư

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên cơ hữu (1)	Danh sách giảng viên cơ hữu theo quy định về điều kiện mở ngành đào tạo/Quy chế đào tạo CKI, CKII, BSNT hiện hành (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo
		Quách Thị Yến	X	Tiến sĩ	Mô học và phôi thai học
		Trần Hải Yến	X	Thạc sĩ	Nội khoa
		Phạm Thanh Tùng	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Văn Đồng	X	Thạc sĩ	Răng hàm mặt
		Vũ Đức Định	X	PGS. Tiến sĩ	Nội - Tiêu hóa
		Nguyễn Mạnh Khánh	X	PGS. Tiến sĩ	Chấn thương chỉnh hình
		Trần Văn Thanh	X	PGS. Tiến sĩ	Thần kinh
		Nguyễn Thị Thái Hòa	X	Tiến sĩ	Ung thư
		Bùi Nam Phong	X	Tiến sĩ	Nội khoa
		Nguyễn Hoàng Linh Chi	X	Thạc sĩ	Tai Mũi Họng
		Nguyễn Thị Như Quỳnh	X	Thạc sĩ	Giải phẫu bệnh
		Đỗ Hải Anh	X	Thạc sĩ	Y tế công cộng
		Nguyễn Minh Hoàng	X	Đại học	Y khoa
		Trần Nhật Linh	X	Thạc sĩ	Y khoa
		Lê Văn Quyết	X	Đại học	Xét nghiệm y học
		Phạm Quang Khải	X	Đại học	Y đa khoa
		Nguyễn Thị Vân Anh	X	Thạc sĩ	Hóa phân tích
		Vũ Thị Lan Anh	X	Thạc sĩ	Y học
		Nguyễn Ngọc Đăng	X	Đại học	Y học cổ truyền
		Đào Văn Đình	X	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn vật lý
		Nguyễn Phương Dung	X	Thạc sĩ	Dược lý và Dược lâm sàng
		Nguyễn Tiến Dũng	X	Tiến sĩ	Hóa hữu cơ

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên cơ hữu (1)	Danh sách giảng viên cơ hữu theo quy định về điều kiện mở ngành đào tạo/Quy chế đào tạo CKI, CKII, BSNT hiện hành (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo
		Phùng Bá Dương	X	Thạc sĩ	Hóa sinh
		Nguyễn Thị Châu Giang	X	Thạc sĩ	Dược lý và Dược lâm sàng
		Lê Thị Thu Hà	X	Thạc sĩ	Dược liệu - Dược học cổ truyền
		Lương Thị Thu Hà	X	Thạc sĩ	Y học dự phòng
		Đào Thúy Hằng	X	Đại học	Y học cổ truyền
		Nguyễn Thị Thu Hằng	X	Thạc sĩ	Vì sinh vật học
		Bùi Thị Hào	X	Thạc sĩ	Dược lý và Dược lâm sàng
		Nguyễn Thị Hiền	X	Thạc sĩ	Dược học cổ truyền
		Trần Thị Thu Hiền	X	Tiến sĩ	Dược liệu - Dược cổ truyền
		Trần Thị Thu Hiền	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Bàng Thị Hoài	X	Thạc sĩ	Y tế công cộng
		Tô Lê Hồng	X	Thạc sĩ	Dược lý và Dược lâm sàng
		Trần Thị Thu Hương	X	Chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền
		Trương Thị Thu Hương	X	Thạc sĩ	Hóa phân tích
		Nguyễn Quốc Huy	X	PGS. Tiến sĩ	Dược liệu - Dược cổ truyền
		Lê Đức Khang	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Phạm Phương Liên	X	Thạc sĩ	Kiểm nghiệm dược phẩm và độc chất học
		Đào Văn Lưu	X	Thạc sĩ	Hóa sinh Dược
		Đặng Thị Nga	X	Thạc sĩ	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất
	Dược				

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên cơ hữu (1)	Danh sách giảng viên cơ hữu theo quy định về điều kiện mở ngành đào tạo/Quy chế đào tạo CKL, CKLL, BSNT hiện hành (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo
		Nguyễn Thị Thu Nga	X	Chuyên khoa cấp I	Dược bệnh viện và quản lý dược
		Bùi Thị Ngoan	X	Thạc sĩ	Dược liệu - Dược cổ truyền
		Nguyễn Phương Nhị	X	Thạc sĩ	Dược liệu - Dược cổ truyền
		Trần Hồng Nhung	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Trần Thị Hồng Nhung	X	Thạc sĩ	Tổ chức quản lý Dược
		Đỗ Văn Pha	X	Thạc sĩ	Y tế công cộng
		Đỗ Lan Phương	X	Thạc sĩ	Y tế công cộng
		Hoàng Thị Phương	X	Thạc sĩ	Dược lý và Dược lâm sàng
		Hoàng Thị Thu Phương	X	Thạc sĩ	Sinh lý học thực vật
		Nguyễn Văn Quân	X	Tiến sĩ	Tổ chức quản lý Dược
		Đỗ Thị Hồng Sâm	X	Thạc sĩ	Dược lý và Dược lâm sàng
		Trần Văn Thanh	X	Tiến sĩ	Công nghệ dược phẩm và bảo chế thuốc
		Nguyễn Thị Thơm	X	Thạc sĩ	Tổ chức quản lý dược
		Nguyễn Thị Minh Thu	X	Tiến sĩ	Dược lý
		Nguyễn Thị Thùy Trang	X	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán học
		Đỗ Thị Tố Uyên	X	Thạc sĩ	Sinh thái học
		Trần Thị Hoài Vân	X	Thạc sĩ	Hóa phân tích
		Nguyễn Duy Thúc	X	Chuyên khoa cấp II	Dược lý và Dược lâm sàng
		Vũ Đức Lợi	X	PGS. Tiến sĩ	Dược học cổ truyền

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên cơ hữu (1)	Danh sách giảng viên cơ hữu theo quy định về điều kiện mở ngành đào tạo/Quy chế đào tạo CKI, CKII, BSNT hiện hành (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo
	Nguyễn Hoàng Linh Chi	X	Thạc sĩ	Tai: Mũi Họng	
	Trần Thị Phượng	X	Tiến sĩ	Dược học	
	Phùng Thanh Long	X	Tiến sĩ	Dược liệu - Dược học cổ truyền	

**DANH SÁCH GIÁNG VIÊN THÍNH GIẢNG
THEO NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH VÀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO**

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên thính giảng (1)	Danh sách giảng viên giảng dạy thực hành theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 111/2017/NĐ-CP (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo	Cơ quan đang công tác
I	<i>Tiến sỹ</i>					
I	Ngành Y học cổ truyền	Phạm Bá Tuyên	x	Phó Giáo sư, Tiến sỹ	Y học cổ truyền	Bệnh viện YHCT Bộ Công an
		Trần Phương Đông	x	Tiến sỹ	Y học cổ truyền	BV Châm cứu TW
II	<i>Thạc sỹ</i>					
		Nguyễn Bá Quang	x	Phó Giáo sư, Tiến sỹ	Y học cổ truyền	BV Châm cứu TW
		Nguyễn Văn Tâm	x	Tiến sỹ	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền Thanh Hóa
		Nguyễn Thị Khánh Vân	x	Tiến sỹ	Tai - Mũi - Họng	BV Tai mũi họng TW
		Hoàng Thị Hoa Lý		Tiến sỹ	Y học cổ truyền	Cục quản lý Y Dược cổ truyền BYT
		Nguyễn Bội Hương	x	Tiến sỹ	Y học cổ truyền	BV YHCT TW
		Phí Thị Thái Hà	x	Tiến sỹ	Y học cổ truyền	BV YHCT TW

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng (1)	Danh sách giảng viên giảng dạy thực hành theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 111/2017/NĐ-CP (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo	Cơ quan đang công tác
1	Ngành Y học cổ truyền	Trần Thị Phương Linh	x	Tiến sĩ	Y học cổ truyền	BV Y học cổ truyền TW
		Lê Thị Thu Hương	x	Tiến sĩ	Nhi khoa	Bệnh viện Nhi TW
		Nguyễn Văn Lâm	x	Tiến sĩ	Nhi khoa	Bệnh viện Nhi TW
		Cao Vũ Hùng	x	Tiến sĩ	Nhi khoa	Bệnh viện Nhi TW
		Luu Thị Mỹ Thực	x	Tiến sĩ	Dinh dưỡng	Bệnh viện Nhi TW
		Hoàng Thị Bích Ngọc	x	Tiến sĩ	Khoa học y sinh	Bệnh viện Nhi TW
		Nguyễn Hoàng Trung	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện y dược cổ truyền Thanh Hóa
		Nguyễn Thị Quý	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện y dược cổ truyền Thanh Hóa
		Nguyễn Thị Thanh	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện y dược cổ truyền Thanh Hóa
		Nguyễn Hoàng Anh	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện y dược cổ truyền Thanh Hóa
		Mai Thị Dương	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện y dược cổ truyền Thanh Hóa

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng (1)	Danh sách giảng viên giảng dạy thực hành theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 111/2017/NĐ-CP (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo	Cơ quan đang công tác
		Nguyễn Hoàng Văn Anh	x	Thạc sĩ	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai
		Nguyễn Việt Dũng	x	Thạc sĩ	Nội khoa	Bệnh viện 19-8
		Nguyễn Đình Hòa	x	Thạc sĩ	Chấn thương chỉnh hình và tạo hình	Bệnh viện Việt Đức
III	Chuyên khoa I	Trần Thái Hà	x	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	Chuyên ngành YHCT	BV YHCT TW
		Nguyễn Bá Quang	x	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	Y học cổ truyền	BV Châm cứu TW
		Trịnh Thị Diệu Thường		Giáo sư	Y học cổ truyền	Cục quản lý Y Dược cổ truyền BHYT
		Đỗ Thị Hà	x	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	Hóa dược	Viện Dược liệu
		Cung Văn Công	x	Tiến sĩ	Nội khoa	Bệnh viện Phổi Trung ương
		Hoàng Văn Lương	x	Tiến sĩ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Bệnh viện Phổi Trung ương
		Đỗ Mạnh Hùng	x	Tiến sĩ	Ngoại khoa	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức
		Trần Hồng Trâm	x	Tiến sĩ	Vị sinh vật học	Viện Kiểm định quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm y tế

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng (1)	Danh sách giảng viên giảng dạy thực hành theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 111/2017/NĐ-CP (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo	Cơ quan đang công tác
		Nguyễn Duy Thái	x	Tiến sĩ	Vận động và hành vi cho Sức khỏe và tự chủ	Viện Kiểm định quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm y tế
		Nguyễn Tiến Quang	x	Tiến sĩ	Ứng thư	Bệnh viện K
		Nguyễn Đức Long	x	Tiến sĩ	Tim mạch	Bệnh viện Đa khoa Xanh
		Phạm Huy tần	x	Tiến sĩ	Tai Mũi Họng	Bệnh viện Đại học Y HN
		Phạm Thị Xuyên	x	Tiến sĩ	Quản lý bệnh viện	Bệnh viện Tuệ Tĩnh
		Đậu Cử Nhân	x	CKII	Y học cổ truyền	Bệnh viện YHCT Nghệ A
		Trần Quốc Khánh	x	CKII	Y học cổ truyền	Bệnh viện Châm cứu Trung ương
		Võ Thị Mỹ Hòa	x	Thạc sĩ	Nhi khoa	Bệnh viện Đa khoa Xanh
		Vương Thủy Hoài	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Truyền nhiễm	Bệnh viện Đa khoa Hà Đ
		Nguyễn Quang Phú	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Ngoại khoa	Bệnh viện Đa khoa Hà Đ
		Nguyễn Thị Hai	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện YHCT Nghệ A
		Hồ Phi Đông	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện YHCT Nghệ A

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng (1)	Danh sách giảng viên giảng dạy thực hành theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 111/2017/NĐ-CP (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo	Cơ quan đang công tác
	Ngành Y học cổ truyền	Hồ Sỹ Thắng	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện YHCT Nghệ An
		Võ Lưu Hòa	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện YHCT Nghệ An
		Nguyễn Văn Thủy	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện YHCT Nghệ An
		Châu Thị Bích Thủy	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện YHCT Nghệ An
		Nguyễn Hương Sen	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Nội khoa	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai
		Phạm Hồng Thái	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện YDCT tỉnh Sơn La
		Lương Văn Tuấn	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện YDCT tỉnh Sơn La
		Đình Khắc Tiếp	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện YDCT tỉnh Sơn La
		Nguyễn Thị Hồng Liên	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện YDCT tỉnh Sơn La
		Nguyễn Thị Kim Thành	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện YDCT tỉnh Sơn La
		Lê Đình Vinh	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y học cổ truyền Đắk Lắk

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng (1)	Danh sách giảng viên giảng dạy thực hành theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 111/2017/NĐ-CP (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo	Cơ quan đang công tác
		Phạm Ngọc Liễu	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y học cổ truyền Đăk Lăk
		Dương Thị Ánh Ngọc	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y học cổ truyền Đăk Lăk
		Nguyễn Thị Thúy	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y học cổ truyền Đăk Lăk
		Đỗ Thị Tuyết Nhung	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Nội	Bệnh viện Y học cổ truyền Đăk Lăk
		Phạm Thị Hiền	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y học cổ truyền Đăk Lăk
		H Lang Niê	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y học cổ truyền Đăk Lăk
		Phạm Tiến Hưng	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y học cổ truyền Đăk Lăk
		Phan Thị Lan	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y học cổ truyền Đăk Lăk
	Ngành Châm Cứu	Phạm Hồng Vân	x	PGS.TS, BS	TS. Y khoa chuyên ngành YHCT	BV Châm cứu TW
	Ngành Dược liệu - Dược học cổ truyền	Trần Thị Oanh		Tiến sĩ	Dược học	Cục KHCN &ĐT
		Phương Thiện Thương	X	Tiến sĩ	Dược học	Viện Dược liệu

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng (1)	Danh sách giảng viên giảng dạy thực hành theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 111/2017/NĐ-CP (2)	Loại hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo	Cơ quan đang công tác
IV	<i>Chuyên khoa II</i>					
	Vũ Nam	X	PGS.TS	PGS.TS chuyên ngành YHCT	BV YHCT TW	
	Phạm Văn Bình	X	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	Ngoại tiêu hóa	Bệnh viện K	
	Hà Huy Tài	X	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	Mắt	Bệnh viện Mắt TW	
	Lê Minh Kỳ	X	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	Tai - Mũi - Họng	Đại học Y Dược, ĐHQG gia HN	
	Trần Quốc Bình	X	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	Y học cổ truyền	BV YHCT TW	
	Hoàng Kim Ước	X	Tiến sĩ	Y tế công cộng	BV Nội Tiết TW	
	Nguyễn Bội Hương	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền	BV YHCT TW	
	Phí Thị Thái Hà	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền	BV YHCT TW	
	Nguyễn Thị Khánh Vân	x	Tiến sĩ	Tai - Mũi - Họng	BV Tai mũi họng TW	
	Trần Thị Phương Linh	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền	BV Y học cổ truyền TW	
	Trần Văn Thanh	X	PGS.TS, BS	TS.Y học chuyên ngành Châm cứu	BV Châm cứu TW	

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng (1)	Danh sách giảng viên giảng dạy thực hành theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 111/2017/NĐ-CP (2)	Học hàm/học v. cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo	Cơ quan đang công tác
		Vũ Thị Vui	X	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Nh. khoa	Bệnh viện Châm cứu Trung ương
		Trần Quốc Khánh	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền	Bệnh viện Châm cứu Trung ương
	Ngành Y học cổ truyền	Nguyễn Đức Nhựt	X	Tiến sĩ	Y Sinh học Di truyền	Viện pháp y quốc gia
		Nguyễn Hồng Long	X	Tiến sĩ	Giải phẫu bệnh-Pháp y	Viện pháp y quốc gia
		Vũ Xuân Huy	X	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Ung thư	Bệnh viện K
		Nguyễn Thị Thúy Hằng	X	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Ung thư	Bệnh viện K
		Sầm Hữu Hào	X	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện YHCT tỉnh Hòa Bình
		Cầm Thị Hương	X	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Nội khoa	Bệnh viện YDCT tỉnh Sơn La
		Nguyễn Hoàng Trung	X	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện y dược cổ truyền Thanh Hóa
		Nguyễn Thị Quý	X	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện y dược cổ truyền Thanh Hóa
		Nguyễn Thị Thanh	X	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện y dược cổ truyền Thanh Hóa
		Nguyễn Hoàng Anh	X	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện y dược cổ truyền Thanh Hóa
		Mai Thị Dương	X	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện y dược cổ truyền Thanh Hóa

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng (1)	Danh sách giảng viên giảng dạy thực hành theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 111/2017/NĐ-CP (2)	Học hàm/học vị các nhất	Chuyên ngành được đào tạo	Cơ quan đang công tác
		Nguyễn Thị Hải	X	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện YHCT Nghệ A
3		Hồ Phi Đông	X	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện YHCT Nghệ A
		Hồ Sỹ Thảng	X	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện YHCT Nghệ A
V	Bác sĩ Nội trú	Võ Lưu Hòa	X	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện YHCT Nghệ A
		Nguyễn Văn Tâm	x	Tiến sĩ	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền Thanh Hóa
		Hoàng Thị Hoa Lý		Tiến sĩ	Y học cổ truyền	Cục quản lý Y Dược cổ truyền BHYT
1	Ngành Y học cổ truyền	Duong Trong Nghĩa	X	PGS.TS.BSCKII	TS.BSCKII chuyên ngành YHCT	BV YHCT TW
		Phạm Hồng Vân	X	PGS.TS, BS	TS.Y khoa chuyên ngành YHCT	BV Châm cứu TW
VI	Đại học chính quy	Hoàng Thanh Tuyên	X	PGS.TS	TS chuyên ngành Nội tiêu hóa	Bệnh viện 19-8
1	Ngành Y học cổ truyền	Nguyễn Thị Song Hương	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai
		Duong Quốc Nghị	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai

TT	Ngành/Chuyên ngành: theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên thành giảng (1)	Danh sách giảng viên giảng đầy thực hành theo quy định tại Điều b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 111/2017/NĐ-CP (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo	Cơ quan đang công tác
		Nguyễn Hoàng Văn Anh	x	Thạc sĩ	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai
		Nguyễn Hương Sen	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Nội khoa	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai
		Nguyễn Mỹ Bình	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai
		Cầm Thị Hương	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Nội khoa	Bệnh viện YDCT tỉnh Sơn La
		Phạm Hồng Thái	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện YDCT tỉnh Sơn La
		Lương Văn Tuấn	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện YDCT tỉnh Sơn La
		Đình Khắc Tiếp	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện YDCT tỉnh Sơn La
		Nguyễn Thị Hồng Liên	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện YDCT tỉnh Sơn La
		Nguyễn Thị Kim Thành	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện YDCT tỉnh Sơn La
		Sầm Hữu Hào	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện YHCT tỉnh Hòa Bình
		Hồ Tiến Dũng	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện YHCT tỉnh Hòa Bình

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng (1)	Danh sách giảng viên giảng dạy thực hành theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 111/2017/NĐ-CP (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo	Cơ quan đang công tác
		Nguyễn Như Huyền	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện YHCT tỉnh Hòa Bình
		Bà Đức Hùng	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện YHCT tỉnh Hòa Bình
		Nguyễn Thu Thủy	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Nội khoa	Bệnh viện Phổi Trung ương
		Cung Văn Công	x	Tiến sĩ	Nội khoa	Bệnh viện Phổi Trung ương
		Hoàng Văn Lương	x	Tiến sĩ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Bệnh viện Phổi Trung ương
		Nguyễn Hữu Trí	x	Thạc sĩ	Nội khoa	Bệnh viện Phổi Trung ương
		Nguyễn Mạnh Thế	x	Bác sĩ Nội trú	Nội khoa	Bệnh viện Phổi Trung ương
		Nguyễn Thị Hằng	x	Thạc sĩ	Nội khoa	Bệnh viện Phổi Trung ương
		Phạm Văn An	x	Bác sĩ Nội trú	Nội khoa	Bệnh viện Phổi Trung ương
		Nguyễn Việt Dũng	x	Thạc sĩ	Nội khoa	Bệnh viện 19-8
		Đỗ Mạnh Hùng	x	Tiến sĩ	Ngoại khoa	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng (1)	Danh sách giảng viên giảng dạy thực hành theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 111/2017/NĐ-CP (2)	Học làm/học v. các môn	Chuyên ngành được đào tạo	Cơ quan đang công tác
		Trần Hồng Trâm	x	Tiến sĩ	Vi sinh vật học	Viện Kiểm định quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm y tế
		Nguyễn Duy Thái	x	Tiến sĩ	Vận động và hành vi cho Sức khỏe và tự chủ	Viện Kiểm định quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm y tế
		Nguyễn Tiến Quang	x	Tiến sĩ	Ung thư	Bệnh viện K
		Phạm Văn Bình	x	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	Ngọc tiêu hóa	Bệnh viện K
		Đỗ Anh Tú	x	Tiến sĩ	Ung thư	Bệnh viện K
		Nguyễn Công Hoàng	x	Tiến sĩ	Ung thư	Bệnh viện K
		Vũ Xuân Huy	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Ung thư	Bệnh viện K
		Đoàn Trọng Tú	x	Tiến sĩ	Ung thư	Bệnh viện K
		Lê Thanh Đức	x	Tiến sĩ	Ung thư	Bệnh viện K
		Vũ Hà Thanh	x	Thạc sĩ	Ung thư	Bệnh viện K
		Nguyễn Thị Thủy Hằng	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Ung thư	Bệnh viện K

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng (1)	Danh sách giảng viên giảng dạy thực hành theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 111/2017/NĐ-CP (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo	Cơ quan đang công tác
		Trương Công Minh	x	Thạc sĩ	Ung thư	Bệnh viện K
		Nguyễn Văn Cao	x	Thạc sĩ	Ung thư	Bệnh viện K
		Hàn Thị Vân Thanh	x	Tiến sĩ	Ung thư	Bệnh viện K
		Nguyễn Diệu Linh	x	Tiến sĩ	Ung thư	Bệnh viện K
		Hoàng Trọng Tùng	x	Tiến sĩ	Ung thư	Bệnh viện K
		Nguyễn Thị Hòa	x	Thạc sĩ	Ung thư	Bệnh viện K
		Nguyễn Quang Thái	x	Tiến sĩ	Phẫu thuật đại cương	Bệnh viện K
		Phạm Lâm Sơn	x	Thạc sĩ	Ung thư	Bệnh viện K
		Lê Thị Khánh Tâm	x	Tiến sĩ	Ung thư	Bệnh viện Hữu Nghị
		Hoàng Trung Dũng	x	Tiến sĩ	Nội khoa	Bệnh viện Bạch Mai
		Trịnh Thị Diệu Thường	x	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	Y học cổ truyền	Cục quản lý Y Dược cổ truyền BYT

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng (1)	Danh sách giảng viên giảng dạy thực hành theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 111/2017/NĐ-CP (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo	Cơ quan đang công tác
		Nguyễn Thị Hương Giang	x	Tiến sĩ	Phục hồi chức năng	Bệnh viện Nhi TW
		Trịnh Đăng Anh	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Tổ chức quản lý y tế	Bệnh viện Y học cổ truyền Đăk Lăk
		Lê Đình Vinh	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y học cổ truyền Đăk Lăk
		Phạm Ngọc Liễu	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y học cổ truyền Đăk Lăk
		Dương Thị Ánh Ngọc	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y học cổ truyền Đăk Lăk
		Nguyễn Thị Thúy	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y học cổ truyền Đăk Lăk
		Đỗ Thị Tuyết Nhung	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Nội	Bệnh viện Y học cổ truyền Đăk Lăk
		Phạm Thị Hiền	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y học cổ truyền Đăk Lăk
		H Lang Nié	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y học cổ truyền Đăk Lăk
		Phạm Tiến Hưng	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y học cổ truyền Đăk Lăk
		Phan Thị Lan	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y học cổ truyền Đăk Lăk

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng (1)	Danh sách giảng viên giảng dạy thực hành theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 111/2017/NĐ-CP (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo	Cơ quan đang công tác
		Lương Đức Dũng	x	Tiến sĩ	Dị ứng và miễn dịch	Tổng cục V
		Nguyễn Đình Hòa	x	Thạc sĩ	Chấn thương chỉnh hình và tạo hình	Bệnh viện Việt Đức
		Trần Thái Hà	x	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	Chuyên ngành YHCT	BV YHCT TW
		Nguyễn Thị Thu	x	Thạc sĩ	Chuyên ngành sản phụ khoa	Bệnh viện Thanh Nhàn
		Lê Văn Đạt	x	Bác sĩ nội trú	Nội trú chuyên ngành sản phụ khoa	Đại học Y Dược, Đại học Quốc gia Hà Nội
		Nhâm Tuấn Anh	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Tai Mũi	Bệnh viện Đa khoa Xanh L
		Nguyễn Thị Thúy Hằng	x	Tiến sĩ	Ngành nội	Bệnh viện Đa khoa Xanh L
		Bàn Thị Huệ	x	Bác sĩ nội trú	Ngành nội	Bệnh viện Đa khoa Xanh L
		Phạm Thị Ánh Xuân	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Khoa cấp	Bệnh viện Đa khoa Xanh L
		Nguyễn Tị Hậu	x	Thạc sĩ	Chuyên ngành nội khoa	Bệnh viện Tuệ Tĩnh
		Trần Văn Sơn	x	Tiến sĩ	Chuyên ngành quản lý kinh tế	Đã nghỉ hưu

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng (1)	Danh sách giảng viên giảng dạy thực hành theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 111/2017/NĐ-CP (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo	Cơ quan đang công tác
		Nguyễn Đức Long	x	Tiến sĩ	Tim mạch	Bệnh viện Đa khoa Xanh
		Phạm Huy tân	x	Tiến sĩ	Tai Mũi Họng	Bệnh viện Đại học Y HN
		Phạm Thế Anh	x	Tiến sĩ	Ngoại tiêu hóa	Bệnh viện K
		Phạm Gia Anh	x	Tiến sĩ	Ngoại khoa	Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức
		Phạm Thị Xuyên	x	Tiến sĩ	Quản lý bệnh viện	Bệnh viện Tuệ Tĩnh
		Nguyễn Thế Vỹ	x	Tiến sĩ	Da liễu	Bệnh viện Da liễu Hà Nội
		Trần Phan Ninh	x	Tiến sĩ	Chẩn đoán hình ảnh	Bệnh viện Nhi TW
		Nguyễn Đức Nhựt	x	Tiến sĩ	Y Sinh học Di truyền	Viện pháp y quốc gia
		Nguyễn Hồng Long	x	Tiến sĩ	Giải phẫu bệnh-Pháp y	Viện pháp y quốc gia
		Phạm Quốc Chính	x	Tiến sĩ	Kiểm nghiệm Thuốc và Độc chất	Viện pháp y quốc gia
		Lê Anh Hào	x	Tiến sĩ	Hóa học	Viện pháp y quốc gia
		Hà Hữu Hào	x	Thạc sĩ	Sinh học	Viện pháp y quốc gia
		Vương Trương Trọng	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Truyền nhiễm	Bệnh viện Đa khoa Hà Đô
		Bùi Tuấn Anh	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Chấn thương chỉnh hình	Bệnh viện Đa khoa Hà Đô
		Nguyễn Trọng Nghĩa	x	Thạc sĩ	Ngoại khoa	Bệnh viện Đa khoa Hà Đô

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng (1)	Danh sách giảng viên giảng dạy thực hành theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 111/2017/NĐ-CP (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo	Cơ quan đang công tác
		Dương Thị Nhài	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Nội khoa	Bệnh viện Đa khoa Hà Đô
		Vương Thủy Hoài	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Truyền nhiễm	Bệnh viện Đa khoa Hà Đô
		Nguyễn Quang Phú	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Ngoại khoa	Bệnh viện Đa khoa Hà Đô
		Trần Ngọc Lương	x	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	Ngoại khoa	BV Nội Tiết TW
		Phan Hường Dương	x	Tiến sĩ	Y tế công cộng	BV Nội Tiết TW
		Trần Đoàn Kết	x	Thạc sĩ	Ngoại khoa	BV Nội Tiết TW
		Đình Văn Trực	x	Tiến sĩ	Ngoại khoa	BV Nội Tiết TW
		Nguyễn Minh Tuấn	x	Thạc sĩ	Nội khoa	BV Nội Tiết TW
		Hoàng Kim Ước	x	Tiến sĩ	Y tế công cộng	BV Nội Tiết TW
		Vũ Thị Hiền Trinh	x	Thạc sĩ	Nội khoa	BV Nội Tiết TW
		Nguyễn Minh Hùng	x	Thạc sĩ	Nhi khoa	BV Nội Tiết TW
		Nguyễn Thu Hiền	x	Thạc sĩ	Nội khoa	BV Nội Tiết TW
		Lê Quang Toàn	x	Thạc sĩ	Nội khoa	BV Nội Tiết TW
		Hồ Khải Hoàn	x	Thạc sĩ	Nội khoa	BV Nội Tiết TW

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng (1)	Danh sách giảng viên giảng dạy thực hành theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 111/2017/NĐ-CP (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo	Cơ quan đang công tác
		Nguyễn Thị Ngọc Huyền	x	Thạc sĩ	Nội khoa	BV Nội Tiết TW
		Nguyễn Hồng Hạnh	x	Thạc sĩ	Nội khoa	BV Nội Tiết TW
		Lê Thị Việt Hà	x	Thạc sĩ	Nội khoa	BV Nội Tiết TW
		Đặng Thị Mai Trang	x	Thạc sĩ	Nội khoa	BV Nội Tiết TW
		Nguyễn Ngọc Thiện	x	Thạc sĩ	Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	BV Nội Tiết TW
		Tôn Thất Kha	x	Thạc sĩ	Nội khoa	BV Nội Tiết TW
		Trần Kim Oanh	x	Thạc sĩ	Nội khoa	BV Nội Tiết TW
		Phạm Tuấn Phương	x	Thạc sĩ	Nội khoa	BV Nội Tiết TW
		Phạm Thị Lan	x	Thạc sĩ	Y tế công cộng	BV Nội Tiết TW
		Lê Minh Kỳ	x	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	Tai - Mũi - Họng	Đại học Y Dược, ĐH Quốc gia HN
		Nguyễn Thị Khánh Vân	x	Tiến sĩ	Tai - Mũi - Họng	BV Tai mũi họng TW
		Hoàng Thị Hoa Lý	x	Tiến sĩ	Y học cổ truyền	Cục quản lý Y Dược cổ truyền BYT
		Trần Quốc Bình	x	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	Y học cổ truyền	BV YHCT TW
		Nguyễn Bội Hương	x	Tiến sĩ	Y học cổ truyền	BV YHCT TW
		Phí Thị Thái Hà	x	Tiến sĩ	Y học cổ truyền	BV YHCT TW

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng (1)	Danh sách giảng viên giảng dạy thực hành theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 111/2017/NĐ-CP (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo	Cơ quan đang công tác
		Trần Thị Phương Linh	x	Tiến sĩ	Y học cổ truyền	BV Y học cổ truyền TW
		Hà Huy Tài	x	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	Mắt	Bệnh viện Mắt TW
		Đỗ Tấn	x	Tiến sĩ	Mắt	Bệnh viện Mắt TW
		Nguyễn Quốc Anh	x	Tiến sĩ	Mắt	Bệnh viện Mắt TW
		Thắm Trương Khánh Vân	x	Tiến sĩ	Mắt	Bệnh viện Mắt TW
		Lê Xuân Cung	x	Tiến sĩ	Mắt	Bệnh viện Mắt TW
		Đào Minh Tuấn	x	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	Nhi khoa	Bệnh viện Nhi TW
		Lê Thị Thu Hương	x	Tiến sĩ	Nhi khoa	Bệnh viện Nhi TW
		Nguyễn Văn Lâm	x	Tiến sĩ	Nhi khoa	Bệnh viện Nhi TW
		Cao Vũ Hùng	x	Tiến sĩ	Nh. khoa	Bệnh viện Nhi TW
		Lưu Thị Mỹ Thục	x	Tiến sĩ	Dinh dưỡng	Bệnh viện Nhi TW
		Đặng Thúy Hà	x	Thạc sĩ	Nhi khoa	Bệnh viện Nhi TW
		Trương Mạnh Tú	x	Thạc sĩ	Nhi khoa	Bệnh viện Nhi TW
		Hoàng Thị Bích Ngọc	x	Tiến sĩ	Khoa học y sinh	Bệnh viện Nhi TW

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng (1)	Danh sách giảng viên giảng dạy thực hành theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 111/2017/NĐ-CP (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo	Cơ quan đang công tác
		Nguyễn Đình Hưng	x	Thạc sĩ	Ngoại khoa	Bệnh viện Đa khoa Xanh
		Nguyễn Văn Thường	x	Thạc sĩ	Nhi khoa	Bệnh viện Đa khoa Xanh
		Đoàn Duy Hùng	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Ngoại khoa	Bệnh viện Đa khoa Xanh
		Phan Tùng Lĩnh	x	Thạc sĩ	Ngoại khoa	Bệnh viện Đa khoa Xanh
		Nguyễn Đức Bình	x	Thạc sĩ	Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	Bệnh viện Đa khoa Xanh
		Võ Thị Mỹ Hòa	x	Thạc sĩ	Nhi khoa	Bệnh viện Đa khoa Xanh
		Phan Thị Kim Dung	x	Thạc sĩ	Nhi khoa	Bệnh viện Đa khoa Xanh
		Thái Bằng Giang	x	Thạc sĩ	Nhi khoa	Bệnh viện Đa khoa Xanh
		Lương Thu Hương	x	Thạc sĩ	Nhi khoa	Bệnh viện Đa khoa Xanh
		Nguyễn Thị Bảo Liên	x	Thạc sĩ	Hồi sức cấp cứu và chống độc	Bệnh viện Đa khoa Xanh
		Vũ Văn Khâm	x	Thạc sĩ	Hồi sức cấp cứu và chống độc	Bệnh viện Đa khoa Xanh
		Nguyễn Bá Thắng	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Hồi sức cấp cứu và chống độc	Bệnh viện Đa khoa Xanh
		Nguyễn Đình Hiến	x	Thạc sĩ	Nội khoa	Bệnh viện Đa khoa Xanh

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng (1)	Danh sách giảng viên giảng dạy thực hành theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 111/2017/NĐ-CP (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo	Cơ quan đang công tác
		Bùi Thị Ngọc	x	Thạc sĩ	Nội khoa	Bệnh viện Đa khoa Xanh
		Hoàng Minh Trung	x	Thạc sĩ	Nội khoa	Bệnh viện Đa khoa Xanh
		Trần Ngọc Sơn	x	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	Ngoại khoa	Bệnh viện Đa khoa Xanh
		Nguyễn Mạnh Hùng	x	Thạc sĩ	Ngoại khoa	Bệnh viện Đa khoa Xanh
		Nguyễn Quốc Vinh	x	Thạc sĩ	Ngoại khoa	Bệnh viện Đa khoa Xanh
		Ngô Trung Kiên	x	Tiến sĩ	Ngoại khoa	Bệnh viện Đa khoa Xanh
		Nguyễn Thành Vinh	x	Tiến sĩ	Ngoại khoa	Bệnh viện Thanh Nhàn
		Nguyễn Văn Dũng	x	Tiến sĩ	Y học cổ truyền	Bệnh viện YHCT thành phố Đà Nẵng
		Đặng Thị Hoàng Tuyên	x	Tiến sĩ	Y học cổ truyền	Bệnh viện Châm cứu Trung ương
		Dương Văn Tâm	x	Thạc sĩ	Nhi khoa	Bệnh viện Châm cứu Trung ương
		Vũ Thị Vui	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Nhi khoa	Bệnh viện Châm cứu Trung ương
		Trần Quốc Khánh	x	Thạc sĩ	Y học cổ truyền	Bệnh viện Châm cứu Trung ương

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng (1)	Danh sách giảng viên giảng dạy thực hành theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 111/2017/NĐ-CP (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo	Cơ quan đang công tác
----	--	--	--	-------------------------	---------------------------	-----------------------

Ghi chú:

- (1) Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng theo số lượng đã báo cáo tại Biểu mẫu "Báo cáo số lượng giảng viên hiện tại"
- (2) ND 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo tạo khối ngành sức khỏe.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

TRÌNH ĐỘ:

Kính gửi: Hội đồng tuyển sinh Sau đại học Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam

1. Họ và tên (chữ in hoa): Nam Nữ
2. Ngày sinh: Nơi sinh: Dân tộc:
3. Quê quán :
4. Địa chỉ thường trú:
5. Ngày vào Đảng CSVN: Ngày chính thức:
6. Đối tượng dự thi : Biên chế: Hợp đồng : Thí sinh tự do:
Đối tượng khác (Ghi cụ thể):
7. Đối tượng ưu tiên (nếu có): Thương binh: Con liệt sĩ : Anh hùng LLVT :
Người dân tộc thiểu số ở vùng khó khăn: Con nạn nhân chất độc da cam:
Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên ở các xã thuộc vùng khó khăn:
8. Nghề nghiệp chức vụ (ghi rõ chức vụ):
9. Cơ quan công tác hiện nay:
10. Địa chỉ cơ quan:
- 11a. Thâm niên công tác từ khi tốt nghiệp đại học
- b. Thâm niên công tác chuyên môn YHCT.
- c. Thâm niên công tác từ khi tốt nghiệp Sau đại học.
- d. Thời gian công tác liên tục trong chuyên ngành dự tuyển:
12. Văn bằng:
Tốt nghiệp đại học năm: Chuyên ngành:
Nơi tốt nghiệp:.....
Hệ đào tạo: Chính quy Tại chức Chuyên tu Mở rộng Khác
Xếp loại: Trung bình Trung bình khá Khá Giỏi Xuất sắc
Tốt nghiệp Sau đại học: Cao học BS nội trú Chuyên khoa I Chuyên khoa II
Ngày tốt nghiệp: Chuyên ngành:.....
Nơi tốt nghiệp: Điểm bảo vệ luận văn
Xếp loại: Trung bình Trung bình khá Khá Giỏi Xuất sắc

- 13. Văn bằng đại học khác (nếu có)
- 14. Chứng chỉ định hướng chuyên khoa (nếu có)
- 15. Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển:
- a. Diện thi ngoại ngữ (ghi rõ ngoại ngữ dự tuyển)
- b. Diện miễn ngoại ngữ (ghi rõ loại văn bằng ngoại ngữ)

16. Công trình nghiên cứu, bài báo khoa học (ghi số lượng đề tài tham gia đã nghiệm thu có minh chứng kèm theo và / hoặc số bài báo khoa học đã đăng)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Thành tích nghiên cứu khoa học (Bằng lao động sáng tạo, Giấy khen, Giải thưởng về khoa học công nghệ cấp trường trở lên):

.....

.....

.....

17. Đăng ký dự tuyển NCS chuyên ngành (ghi rõ như trong thông báo tuyển sinh):

.....

18. Địa chỉ liên hệ.

.....

Số điện thoại của thí sinh: Email:

Tôi xin cam thực hiện đầy đủ quy chế tuyển sinh, quy chế đào tạo hiện hành, quy định của Học viện và cơ quan cử đi học

Những điều ghi trong đơn là đúng sự thật,, tự nguyện đăng ký dự tuyển nghiên cứu sinh năm 202...., nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN

.....ngày.....tháng.....năm 202...
NGƯỜI DỰ TUYỂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC
(Dùng cho người dự tuyển Nghiên cứu sinh)

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên:Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh: Nơi sinh:

Chức vụ, đơn vị công tác trước khi đi học tập, nghiên cứu:

.....

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc:

.....

Điện thoại cơ quan/ Nhà riêng/ Di động:

Email: Fax:

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo: Thời gian đào tạo từ: / đến /

Nơi học (trường, thành phố):

Ngành học:

Tên khóa luận hoặc môn thi tốt nghiệp:

.....

Ngày và nơi bảo vệ khóa luận hoặc thi tốt nghiệp:

.....

Người hướng dẫn:

2. Thạc sĩ:

Hình thức đào tạo: Thời gian đào tạo từ: / đến /

Nơi học (trường, thành phố):

Chuyên ngành:

Tên luận văn:

.....

Ngày và nơi bảo vệ luận văn:

.....

Người hướng dẫn:

3. Bác sĩ nội trú:

Hệ đào tạo: Thời gian đào tạo từ: / đến /

Nơi học (trường, thành phố):

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Dùng cho người hướng dẫn Nghiên cứu sinh *)

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh: Nơi sinh:

Chức vụ, đơn vị công tác trước khi đi học tập, nghiên cứu:

.....

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc:

.....

Điện thoại cơ quan/ Nhà riêng/ Di động:

.....
Email: Fax:

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo: Thời gian đào tạo từ: / đến /

Nơi học (trường, thành phố):

Ngành học:

Tên khóa luận hoặc môn thi tốt nghiệp:

.....

Ngày và nơi bảo vệ khóa luận hoặc thi tốt nghiệp:

.....

Người hướng dẫn:

2. Thạc sĩ:

Hình thức đào tạo: Thời gian đào tạo từ: / đến

/

Nơi học (trường, thành phố):

Chuyên ngành:

.....

Tên luận văn:

.....

Ngày và nơi bảo vệ luận văn:

.....

Người hướng dẫn:

3. Bác sĩ nội trú:

Hệ đào tạo: Thời gian đào tạo từ: / đến /

Nơi học (trường, thành phố):

Chuyên ngành:

Tên luận văn:

Ngày và nơi bảo vệ luận văn:

Người hướng dẫn:

4. Chuyên khoa I

Hình thức đào tạo: Thời gian đào tạo từ: / đến /

Nơi học (trường, thành phố):

Chuyên ngành:

6. Chuyên khoa II

Hình thức đào tạo: Thời gian đào tạo từ: / đến /

Nơi học (trường, thành phố):

Chuyên ngành:

Tên luận án, luận văn:

Ngày và nơi bảo vệ luận văn:

Người hướng dẫn:

7. Trình độ ngoại ngữ*: 1. Mức độ sử dụng:

2. Mức độ sử dụng:

8. Học vị, học hàm, chức vụ kỹ thuật được chính thức cấp (Số bằng, ngày và nơi cấp):

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC KỂ TỪ KHI TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC
(Dùng cho người dự tuyển Nghiên cứu sinh)

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên:Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:..... Nơi sinh:

Chức vụ, đơn vị công tác trước khi đi học tập, nghiên cứu:

.....
Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc:

.....
Điện thoại cơ quan/ Nhà riêng/ Di động:

Email:..... Fax:

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo: Thời gian đào tạo từ: / đến /

Nơi học (trường, thành phố):

Ngành học:

Tên khóa luận hoặc môn thi tốt nghiệp:

.....
Ngày và nơi bảo vệ khóa luận hoặc thi tốt nghiệp:

.....
Người hướng dẫn:

2. Thạc sĩ:

Hình thức đào tạo: Thời gian đào tạo từ: / đến /

Nơi học (trường, thành phố):

Chuyên ngành:

Tên luận văn:

.....
Ngày và nơi bảo vệ luận văn:

.....
Người hướng dẫn:

3. Bác sĩ nội trú:

Hệ đào tạo: Thời gian đào tạo từ: / đến /

Nơi học (trường, thành phố):

Chuyên ngành:

Tên luận văn:

.....
Ngày và nơi bảo vệ luận văn:

.....
Người hướng dẫn:

4. Chuyên khoa I

Hình thức đào tạo: Thời gian đào tạo từ: / đến /

Nơi học (trường, thành phố):

Chuyên ngành:

6. Chuyên khoa II

Hình thức đào tạo: Thời gian đào tạo từ: / đến /

Nơi học (trường, thành phố):

Chuyên ngành:

Tên luận án, luận văn:

.....
Ngày và nơi bảo vệ luận văn:

.....
Người hướng dẫn:

7. Trình độ ngoại ngữ: 1. Mức độ sử dụng:

2. Mức độ sử dụng:

8. Học vị, học hàm, chức vụ kỹ thuật được chính thức cấp (Số bằng, ngày và nơi cấp):

.....

.....

.....

III. QUA TRÌNH CÔNG TÁC KÈ TỪ KHI TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm

IV. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã tham gia

TT	Tên đề tài nghiên cứu/ Lĩnh vực ứng dụng	Năm hoàn thành	Đề tài cấp (Nhà nước, Bộ, Ngành, Trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Dùng cho người hướng dẫn Nghiên cứu sinh *)

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên:Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:..... Nơi sinh:

Chức vụ, đơn vị công tác trước khi đi học tập, nghiên cứu:

.....

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc:

.....

Điện thoại cơ quan/ Nhà riêng/ Di động:

Email:..... Fax:

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo: Thời gian đào tạo từ: / đến /

Nơi học (trường, thành phố):

Ngành học:

Tên khóa luận hoặc môn thi tốt nghiệp:

.....

Ngày và nơi bảo vệ khóa luận hoặc thi tốt nghiệp:

.....

Người hướng dẫn:

2. Thạc sĩ:

Hình thức đào tạo: Thời gian đào tạo từ: / đến /

Nơi học (trường, thành phố):

Chuyên ngành:

Tên luận văn:

.....

Ngày và nơi bảo vệ luận văn:

.....

Người hướng dẫn:

3. Bác sĩ nội trú:

Hệ đào tạo: Thời gian đào tạo từ: / đến /

Nơi học (trường, thành phố):

Chuyên ngành:

Tên luận văn:

Ngày và nơi bảo vệ luận văn:

Người hướng dẫn:

4. Chuyên khoa I

Hình thức đào tạo: Thời gian đào tạo từ: / đến /

Nơi học (trường, thành phố):

Chuyên ngành:

6. Chuyên khoa II

Hình thức đào tạo: Thời gian đào tạo từ: / đến /

Nơi học (trường, thành phố):

Chuyên ngành:

Tên luận án, luận văn:

Ngày và nơi bảo vệ luận văn:

Người hướng dẫn:

7. Trình độ ngoại ngữ*: 1. Mức độ sử dụng:

2. Mức độ sử dụng:

8. Học vị, học hàm, chức vụ kỹ thuật được chính thức cấp (Số bằng, ngày và nơi cấp):

.....

.....

.....

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC KỂ TỪ KHI TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm

IV. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã tham gia

TT	Tên đề tài nghiên cứu/ Lĩnh vực ứng dụng	Năm hoàn thành	Đề tài cấp (Nhà nước, Bộ, Ngành, Trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài

2. Các công trình khoa học (bài báo khoa học, báo cáo hội nghị khoa học, sách chuyên khảo...) đã công bố: (tên công trình, năm công bố, nơi công bố, chỉ số trích dẫn, thuộc tạp chí ISI, SCOPUS*):

2.1.....
.....
.....

2.2.....
.....
.....

2.3.....
.....
.....

2.4.....
.....
.....

Ngày..... tháng năm 202

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÂN SỰ
(Ký đóng dấu và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI KHAI
(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 202

GIẤY CHẤP THUẬN HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
CHO NGHIÊN CỨU SINH NĂM 202...
HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Kính gửi: **Ban giám đốc Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam**

Tên tôi là:

Học hàm: Năm phong: Học vị: Năm bảo vệ:

Chuyên ngành:

Chức vụ:

Đơn vị công tác:

Điện thoại: Di động: Nhà riêng: Cơ quan:

Email:

Số tài khoản: Tại ngân hàng:

Mã số thuế cá nhân:

Số Nghiên cứu sinh (chưa bảo vệ cấp trường) hiện đang hướng dẫn:

.....

Tôi đồng ý nhận hướng dẫn khoa học với tư cách là người hướng dẫn (thứ nhất/ hai):

.....

cho Anh/ Chị: đã đăng ký dự tuyển

đào tạo trình độ Tiến sĩ chuyên ngành: nếu

được công nhận là Nghiên cứu sinh năm 202 của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt

Nam.

Đề tài nghiên cứu dự kiến hoặc hướng nghiên cứu:

.....

.....

.....

Tôi cam kết thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ của người hướng dẫn Nghiên cứu

sinh và Quy chế đào tạo trình độ Tiến sĩ của Bộ Giáo Dục & Đào tạo, các Quy định của

Học viện.

Ý KIẾN CỦA VIỆN/KHOA/BỘ MÔN ĐÀO TẠO
NCS

NGƯỜI DỰ KIẾN HƯỚNG DẪN

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Các Viện/Khoa/Bộ môn cần rà soát lại tiêu chuẩn của người hướng dẫn trước khi ký đồng ý)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 202...

THƯ GIỚI THIỆU THÍ SINH DỰ TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH

Kính gửi: **Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam**

Tên tôi là:

Học hàm: Năm phong: Học vị: Năm bảo vệ:

Chuyên ngành:

Chức vụ:

Đơn vị công tác:

Điện thoại: - Cơ quan:..... Fax: Di động:

- Nhà riêng:

- Email:

Tôi đã có thời gian trên 06 tháng công tác, hoạt động chuyên môn với ông/ bà:

..... là thí sinh dự tuyển nghiên cứu sinh khóa

..... năm 202.. của; thuộc chuyên ngành: ..

.....

Tôi có những nhận xét và đánh giá về năng lực, phẩm chất của người dự tuyển như sau:

1. Phẩm chất đạo đức, đặc biệt là đạo đức nghề nghiệp:

2. Năng lực hoạt động chuyên môn:

3. Phương pháp làm việc:

4. Khả năng nghiên cứu:.....

5. Khả năng làm việc theo nhóm:

6. Điểm mạnh và yếu của người dự tuyển:

7. Triển vọng phát triển về chuyên môn:

8. Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh:

.....

Tôi xin cam đoan những nhận xét và đánh giá về năng lực, phẩm chất của thí sinh dự tuyển Nghiên cứu sinh là hoàn toàn trung thực và khách quan. Xin trân trọng giới thiệu thí sinh: với nhà trường để đăng ký dự xét tuyển Nghiên cứu sinh khóa năm 202.. của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

Xin chân thành cảm ơn.

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN NGƯỜI GIỚI THIỆU

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI GIỚI THIỆU

(Ký và ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN

TRÌNH BÀY ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC Y HỌC (Dành cho ứng viên nghiên cứu sinh đào tạo trình độ tiến sĩ)

1. Bộ cục đề cương nghiên cứu khoa học y học

- Trang bìa chính (phụ lục 1)
- Trang phụ bìa (phụ lục 2)
- Danh mục các chữ viết tắt (phụ lục 3)
- Mục lục
- Danh mục các bảng
- Danh mục biểu
- Đặt vấn đề
- Mục tiêu nghiên cứu
- Chương 1: Tổng quan tài liệu (không đánh chữ số La Mã)
 - 1.1. ...
 - 1.2.
- Chương 2: Đối tượng và Phương pháp nghiên cứu
 - 2.1. Đối tượng nghiên cứu
 - 2.1.1. *Đối tượng nghiên cứu :*
 - 2.1.2. *Tiêu chuẩn lựa chọn:*
 - 2.1.3. *Tiêu chuẩn không lựa chọn*
 - 2.2. Địa điểm nghiên cứu
 - 2.3. Thời gian nghiên cứu
 - 2.4. Thiết kế nghiên cứu
 - 2.5. Cỡ mẫu
 - 2.6. Phương pháp chọn mẫu
 - 2.7. Các biến số và chỉ số nghiên cứu
 - 2.8. Trình bày phương pháp thu thập số liệu/ phương tiện nghiên cứu

- 2.9. Các loại sai số và biện pháp khắc phục sai số
- 2.10. Phương pháp phân tích số liệu
- 2.11. Hạn chế của nghiên cứu
- 2.12. Vấn đề đạo đức của nghiên cứu
- Chương 3: Dự kiến kết quả nghiên cứu
 - 3.1. ...
 - 3.2. ...
- Chương 4: Dự kiến bàn luận
- Dự kiến kết luận
- Dự kiến khuyến nghị
- Kế hoạch thực hiện nghiên cứu
- Dự toán kinh phí
- Tài liệu tham khảo
- Phụ lục: ít nhất phải có Bộ công cụ nghiên cứu

2. Hướng dẫn về hình thức trình bày đề cương luận án dự tuyển

2.1. Soạn thảo văn bản

- Giấy trắng, khổ giấy A4(21 × 29,7 cm), in trên một mặt của tờ giấy
- Font chữ Unicode (Time New Roman), cỡ chữ 13, hệ soạn thảo WINWORD, dẫn dòng đặt ở chế độ 1,5 Lines.
- Lề trái cách 3,5 cm, lề phải 2 cm, lề trên 3cm, lề dưới 3cm. Số trang được đánh ở giữa phía trên đầu mỗi trang giấy, đánh số từ phần đặt vấn đề (theo chữ số A rập 1, 2, 3).
- Nếu có bảng biểu, hình vẽ trình bày theo chiều ngang khổ giấy thì đầu bảng là lề trái của trang, nhưng nên hạn chế trình bày theo cách này.
- Phải đóng thành quyển có bìa như hướng dẫn
- Đề cương phải được trình bày ngắn gọn, rõ ràng, mạch lạc, sạch sẽ, không tẩy xóa, không có lỗi chính tả...

2.2. Đánh số thứ tự bảng, biểu, hình, công thức

- Đánh theo số chương và thứ tự của bảng/biểu/hình/công thức trong chương (VD: Bảng 2.3 là bảng thứ ba trong chương 2)
- Sau số bảng là tên của bảng/biểu/hình/công thức (VD: Bảng 2.3: Phân loại mức độ đau)
- Chú ý ghi đầy đủ đơn vị tính (nếu có)
- Nếu các bảng/biểu/hình/công thức trình bày theo chiều ngang khổ giấy thì đầu bảng là lề trái của trang
- Phải ghi nguồn của thông tin trong bảng/biểu/hình/công thức. Cách ghi giống như trích dẫn tài liệu tham khảo và ghi ở bên dưới bảng/biểu/hình/công thức.

2.3. Đánh số các chương, mục và tiểu mục

- Sử dụng số A rập, không dùng chữ số La Mã
- Không nên chia tiểu mục quá 4 chữ số
- Cần có tiêu đề cho các chương, mục và tiểu mục
- Tên chương, mục và tiểu mục cần được viết thống nhất cho mỗi loại về kiểu chữ, khổ chữ và độ đậm nhạt... trong suốt đề cương luận án
- Tên chương được viết trên đầu trang mới, dưới tên chương nên để trống 2 dòng.
- Không để tên mục, tiểu mục ở cuối chân trang

2.4. Viết tắt

- Không lạm dụng việc viết tắt trong đề cương luận án dự tuyển. Chỉ viết tắt những từ hoặc cụm từ là danh từ, thuật ngữ không dài quá và được sử dụng nhiều lần trong đề cương luận án.
- Không viết tắt những cụm từ dài, những mệnh đề; không viết tắt những cụm từ ít xuất hiện trong đề cương luận án.
- Viết tắt các từ nước ngoài phải theo quy định quốc tế.
- Chữ cần viết tắt khi xuất hiện lần đầu trong đề cương luận án được viết đầy đủ và liền đó đặt ký hiệu viết tắt của chữ đó trong ngoặc đơn.

Ký hiệu viết tắt phải được dùng thống nhất trong toàn đề cương luận án. Không nên viết tắt trong phần tên đề tài, mục lục, đặt vấn đề và kết luận.

- Nếu ít từ viết tắt, có thể viết toàn bộ cụm từ lần đầu với chữ viết tắt trong ngoặc đơn. Nếu nhiều từ viết tắt, lập bảng các chữ viết tắt ở đầu luận án, xếp theo thứ tự ABC của chữ viết tắt
- Các ký hiệu viết tắt được viết ở phía trái, các chữ đầy đủ tương ứng viết ngang hàng phía phải của trang giấy. Trình bày xong ký hiệu này mới chuyển sang ký hiệu khác, trên những dòng tách biệt. Thứ tự trình bày ký hiệu viết tắt được xếp theo thứ tự ABC.

Mẫu bìa của đề cương nghiên cứu

1.1. Trang bìa chính: có đóng khung

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ Y TẾ

(chữ in hoa thẳng, không in đậm cỡ 16)

HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 16)

Logo Học viện

(cỡ 4,0 cm x 4,0 cm)

HỌ VÀ TÊN ỨNG VIÊN

(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 16-18)

TÊN ĐỀ TÀI

(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 24)

ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU DỰ TUYỂN TIẾN SĨ ...

(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 16-18)

HÀ NỘI, NĂM 20...

(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 16)

1.2. Trang bìa phụ: không đóng khung

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ Y TẾ

(chữ in hoa thẳng, không in đậm cỡ 16)

HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 16)

Logo Học viện

(cỡ 4,0 cm x 4,0 cm)

HỌ VÀ TÊN ÚNG VIÊN

(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 16-18)

TÊN ĐỀ TÀI

(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 24)

Chuyên ngành :

Mã số :

(chữ thường thẳng, in đậm cỡ 14)

ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU DỰ TUYỂN TIẾN SĨ ...

(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 16-18)

Người hướng dẫn khoa học: ...

(chữ thường thẳng, in đậm cỡ 14)

HÀ NỘI, NĂM 20...

(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 16)

Hà Nội, ngày tháng năm 202...

**PHIẾU CHẤM XÉT TUYỂN HỒ SƠ NGHIÊN CỨU SINH
 ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN**

Họ và tên thí sinh:

Năm: 202.. Ngành: Y học cổ truyền

STT	NỘI DUNG	YÊU CẦU	ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
I. HỒ SƠ XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH				
1	Đơn xin xét tuyển	Đúng mẫu		
2	Lý lịch khoa học	Đúng mẫu quy định và có xác nhận của đơn vị		
3	Bằng tốt nghiệp đại học ngành Y học cổ truyền loại giỏi trở lên và bảng điểm.	Bản sao văn bằng công chứng		
		Bảng điểm tốt nghiệp Đại học công chứng		
	Hoặc bằng Thạc sĩ ngành YHCT và bảng điểm.	Bản sao văn bằng tốt nghiệp đại học và thạc sĩ công chứng		
		Bảng điểm công chứng tốt nghiệp Thạc sĩ (nếu có)		
Tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam khối ngành sức khỏe. (CKII ; BSNT)	Bản sao văn bằng công chứng			
	Bảng điểm tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam khối ngành sức khỏe công chứng			
4	Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học	Là tác giả ít nhất 01 bài báo hoặc báo cáo khoa học liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đã công bố trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học ngành có phản biện hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và		

STT	NỘI DUNG	YÊU CẦU	ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
		công nghệ tính đến ngày đăng ký dự tuyển.		
		Thư giới thiệu nghiên cứu sinh: Đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh Giáo sư, Phó giáo sư hoặc có học vị Tiến sĩ khoa học, Tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.		
5	Đề cương nghiên cứu	Dự thảo đề cương nghiên cứu Kế hoạch Nghiên cứu toàn khóa		
6	Kế hoạch học tập	Dự kiến kế hoạch học tập		
7	Năng lực ngoại ngữ	Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;		
	Hoặc	Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;		
	Hoặc	Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục II của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ (Thông tư số 18/2021/TT-BGD&ĐT ngày 28/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.		

STT	NỘI DUNG	YÊU CẦU	ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
	Hoặc	Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai là tiếng Anh hoặc tiếng Trung, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.		
8	Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức).	Đúng quy định		
9	Giấy xác nhận thời gian công tác 02 năm công tác đối với người dự tuyển là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ	Đúng quy định		
	Hoặc Quyết định hoặc hợp đồng lao động dài hạn có công chứng;	Đúng quy định		
10	Bản sao giấy khai sinh;	Đúng quy định		
11	Giấy chứng nhận sức khỏe;	Đúng quy định		

STT	NỘI DUNG	YÊU CẦU	ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
12	Công nhận văn bằng của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng công chúng (nếu có);	Đúng quy định		

- Đánh giá chung: Đạt không cần bổ sung
 Đạt nhưng cần phải bổ sung
 Không đạt

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI CHẤM
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHIẾU CHẤM ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC XÉT TUYỂN
NGHIÊN CỨU SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ
NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN

Họ và tên thí sinh:

Năm: 202.. Ngành: Y học cổ truyền

TT	NỘI DUNG	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM CHẤM
Phần 1 (6,5 điểm)	Nội dung khoa học:		
	Nội dung khoa học:		
	- Bài luận định hướng nghiên cứu	0,5 điểm	
	- Tên đề tài rõ ràng, mục tiêu khả thi, đo lường được, phù hợp với chuyên ngành	1 điểm	
	- Tổng quan tài liệu cập nhật, phù hợp với mục tiêu và nội dung nghiên cứu	0,5 điểm	
	- Đối tượng và phương pháp nghiên cứu khoa học, phù hợp	1 điểm	
	- Dự kiến kết quả phù hợp mục tiêu nghiên cứu	0,5 điểm	
	- Kế hoạch nghiên cứu phù hợp và khả thi	0,5 điểm	
	- Bộ công cụ nghiên cứu phù hợp mục tiêu và nội dung nghiên cứu	0,5 điểm	
	- Có tính sáng tạo/tính mới về nội dung hoặc giải quyết vấn đề có ý nghĩa thực tiễn, tính khả thi, không trùng lặp.	2 điểm	
Phần 2 (3 điểm)	Trả lời các câu hỏi của học viên (ít nhất 02 câu):	3 điểm	
	- Trả lời đúng: tối đa 1,5 điểm/1 câu hỏi		
	- Không trả lời/sai: 0 điểm		
Phần 3 (0,5 điểm)	Hình thức đề cương luận văn và slide báo cáo: Bố cục hợp lý, bài trình bày đẹp, tác phong trình bày tốt	0,5 điểm	
Tổng điểm	điểm	

(Người hướng dẫn cần đảm bảo tiêu chuẩn theo đúng quy định tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh)/.

Ghi chú: Thành viên Hội đồng cho điểm theo thang điểm 10; lẻ tới 0,25 điểm
Điểm đạt: từ 5,0 điểm trở lên

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI CHO ĐIỂM
(Ký, ghi rõ họ tên)

QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI NGƯỜI HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU SINH

Tiêu chuẩn của người hướng dẫn:

1. Người hướng dẫn chính, người hướng dẫn phụ và người hướng dẫn độc lập nghiên cứu sinh phải đáp ứng các tiêu chuẩn:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018) và những quy định pháp luật khác có liên quan;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với các học phần, môn học (sau đây gọi chung là học phần) đảm nhiệm trong chương trình đào tạo;

c) Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu và triển khai những hoạt động trao đổi, hợp tác quốc tế về lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm trong chương trình đào tạo tiến sĩ.

2. Người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư phải đáp ứng thêm những yêu cầu sau:

a) Có thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ từ 01 năm (12 tháng) trở lên kể từ khi có bằng tiến sĩ;

b) Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm được phân công giảng dạy có công bố liên quan đến chuyên môn giảng dạy với vai trò là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ của 02 bài báo, báo cáo khoa học trong các ấn phẩm được tính tới 0,75 điểm trở lên theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định; hoặc là tác giả hoặc đồng tác giả của 01 sách chuyên khảo do các nhà xuất bản trong nước và quốc tế phát hành hoặc của 01 chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế phát hành (sau đây gọi chung là tác giả chính);

3. Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh, người hướng dẫn chính, người hướng dẫn độc lập, người đồng hướng dẫn khi không phân biệt giữa hướng dẫn chính và hướng dẫn phụ phải có thêm kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn liên quan tới đề tài luận án hướng dẫn, cụ thể như sau:

a) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus) hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 4,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả); hoặc

b) Là tác giả hoặc đồng tác giả của ít nhất 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia hoặc quốc tế;

4. Mỗi nghiên cứu sinh có 01 hoặc 02 người hướng dẫn, trong đó có 01 người là cán bộ cơ hữu của Học viện hoặc có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với Học viện theo quy định của pháp luật; làm việc theo chế độ trọn thời gian tại Học viện với thời hạn của hợp đồng phù hợp với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh./.

Phụ lục 6

**DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI
MINH CHỨNG CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ
TUYỂN**

Stt	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 VÀ BẬC 4 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 -6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
		Aptis ESOL	B1	B2
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German	TestDaF Bậc 3	TestDaF Bậc 4

Số: 58 /QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận các cấp độ của chứng chỉ tiếng Anh Versant English Placement Test tương đương với các bậc 1, 2, 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam để sử dụng trong tuyển sinh, đào tạo các trình độ của giáo dục đại học

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 124/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ);

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Xét đề nghị của Tập đoàn Giáo dục Pearson về việc công nhận các cấp độ của chứng chỉ tiếng Anh Versant English Placement Test tương đương với các bậc của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Theo đề nghị của Hội đồng đánh giá chứng chỉ tiếng Anh Versant English Placement Test tương đương với các bậc của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam để sử dụng trong tuyển sinh, đào tạo các trình độ của giáo dục đại học và đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận các cấp độ của chứng chỉ tiếng Anh Versant English Placement Test (VEPT) tương đương với các bậc 1, 2, 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (KNLNNVN) để sử dụng trong tuyển sinh, đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, mức độ đạt 3/6 bậc, cụ thể như sau:

Khung thang điểm VEPT	KNLNNVN
10 - 29	Bậc 1
30 - 42	Bậc 2
43 - 66	Bậc 3

Đối với chứng chỉ tiếng Anh VEPT đạt từ 67 điểm trở lên được dùng thay cho chứng chỉ tương đương với Bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam để sử dụng trong tuyển sinh, đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

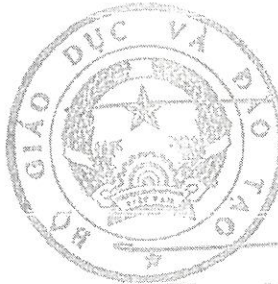
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các cơ sở GDĐH, viện khoa học được phép đào tạo trình độ tiến sĩ;
- Công Thông tin điện tử Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, QLCL.

KT. BỘ TRƯỞNG 
THỨ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC





Phạm Ngọc Thương

Số: 925 /QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận các cấp độ của chứng chỉ tiếng Anh Aptis ESOL International Certificate tương đương với các bậc của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 11/2022/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài;

Xét đề nghị của Công ty TNHH British Council (Việt Nam) tại Hồ sơ đề nghị công nhận các cấp độ của chứng chỉ tiếng Anh Aptis ESOL tương đương với các bậc của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng đánh giá chứng chỉ tiếng Anh Aptis ESOL họp ngày 24 tháng 3 năm 2023;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận các cấp độ của chứng chỉ tiếng Anh Aptis ESOL International Certificate (Aptis ESOL) tương đương với các bậc của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (KNLNNVN).

Điều 2. Mức độ tương đương cụ thể như sau:

	KNLNNVN	Aptis ESOL
Sơ cấp	Bậc 1	A1
	Bậc 2	A2
Trung cấp	Bậc 3	B1
	Bậc 4	B2
Cao cấp	Bậc 5	C1
	Bậc 6	C2

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Công Thông tin điện tử Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, QLCL.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Độ

Phụ lục 7:

Tiêu chí xét tuyển thạc sĩ định hướng nghiên cứu ngành Y học cổ truyền năm 2026

Xét tuyển: Gồm 2 phần

Phần 1: Đánh giá hồ sơ dự tuyển như sau

TT	Nội dung xét				Hồ sơ hiện có (đánh dấu ô thích hợp)	Đánh giá đạt
1	Kết quả học tập	Đại học	Trung bình học tập chung	Ngành đúng	Xuất sắc	
					Giỏi	
					Khá	
					TB/TBK	
2	Năng lực ngoại ngữ	Có năng lực ngoại ngữ Bậc 6/6 trở lên theo KNLNN 6 bậc dùng cho VN hoặc tương đương				
		Có năng lực ngoại ngữ Bậc 5/6 theo KNLNN 6 bậc dùng cho VN hoặc tương đương				
		Có năng lực ngoại ngữ Bậc 4/6 theo KNLNN 6 bậc dùng cho VN hoặc tương đương				
		Có năng lực ngoại ngữ Bậc 3/6 theo KNLNN 6 bậc dùng cho VN hoặc tương đương				
3	Kinh nghiệm công tác chuyên môn	Từ 24 tháng trở lên công tác trong ngành/chuyên ngành hoặc đang học một chương trình BSNT của Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam				
		Từ 12 đến dưới 24 tháng công tác trong ngành/chuyên ngành				
		Từ 6 đến dưới 12 tháng công tác trong ngành/chuyên ngành				
		Mới tốt nghiệp đại học và công tác ít hơn 6 tháng				
4	Người dự kiến hướng dẫn Độc lập/Chính/Đồng hướng dẫn	Trong 60 tháng, là tác giả của bài báo thuộc danh mục Web of Science/Scopus				
		Trong 60 tháng, không có công bố bài báo thuộc danh mục Web of Science/Scopus nhưng đủ tiêu chuẩn hướng dẫn chính/độc lập/đồng hướng dẫn				

5	Kinh nghiệm và thành tích Nghiên cứu khoa học trong vòng 36 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ	Các bài báo đã công bố	Trên tạp chí thuộc danh mục Web of Science/Scopus/ISI	Tác giả chính (Số bài báo x thang điểm)	
				Tác giả khác (Số bài báo x thang điểm)	
			Trên tạp chí chuyên ngành trong nước được HCDCGSNN tính điểm	Tác giả chính (Số bài báo x thang điểm)	
				Tác giả khác (Số bài báo x thang điểm)	
			Trên tạp chí khoa học khác	Tác giả đầu tiên/tác giả liên hệ (Số bài báo x thang điểm)	
				Tác giả khác (Số bài báo x thang điểm)	
		Tham gia công trình nghiên cứu (Đã nghiệm thu)	Đề tài cấp Nhà nước/Bộ/Thành phố (Số đề tài x Thang điểm)	Tham gia	
			Đề tài cấp cơ sở (Số đề tài x thang điểm)	Chủ nhiệm đề tài	
				Thư ký đề tài	
		Thành tích Nghiên cứu khoa học	Giấy khen về thành tích nghiên cứu khoa học cấp Bộ/Thành phố		
			Giấy khen về thành tích nghiên cứu khoa học cấp Trường/Bệnh viện		
		Đánh giá phần 1			

Phần 2. Đánh giá đề cương nghiên cứu và năng lực của ứng viên thạc sỹ định hướng nghiên cứu ngành Y học cổ truyền: Tổng điểm tối thiểu $\geq 5,0$

2.1. Đánh giá nội dung đề cương nghiên cứu: Tối đa 3 điểm, chấm điểm lẻ đến 0,25

TT	Nội dung chấm	Thang điểm tối đa	Điểm đạt
1	Ý nghĩa khoa học và thực tiễn: Tính mới trong vấn đề nghiên cứu, hoặc giải quyết một vấn đề tồn tại cụ thể của thực tế ngành/chuyên ngành một cách khoa học và hợp lý	0,5	
2	Đặt vấn đề, câu hỏi và mục tiêu nghiên cứu rõ ràng, khả thi	1,0	
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học chặt chẽ	1,0	
4	Tính khả thi của đề tài (nguồn kinh phí hỗ trợ, cơ sở triển khai nghiên cứu, người hướng dẫn khoa học vv...)	0,5	
Tổng điểm tối đa phần 2.1		3,0	

**2.2. Đánh giá năng lực của ứng viên (Thông qua trình bày đề cương và trả lời câu hỏi):
Tối đa 7 điểm, chấm lẻ đến 0,25**

TT	Nội dung chấm	Thang điểm tối đa	Điểm đạt
1	Năng lực của thí sinh: Nắm vững vấn đề trình bày, sự tự tin	1,0	
2	Slide báo cáo đúng quy định, trình bày lưu loát, thời gian trình bày không quá 10 phút (mỗi phút quá giờ trừ 0,1 điểm)	1,0	
3	Trả lời tốt câu hỏi của các thành viên trong hội đồng (05 câu hỏi và mỗi câu trả lời được tính tối đa 1,0 điểm)	5,0	
Tổng điểm tối đa phần 2.2		7,0	

**Lưu ý: Người dự kiến hướng dẫn nếu tham gia Hội đồng xét tuyển không đặt câu hỏi và chấm điểm*

HƯỚNG DẪN

TRÌNH BÀY ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC Y HỌC

1. Bố cục đề cương nghiên cứu khoa học y học

- Trang bìa chính (phụ lục 1)
- Trang phụ bìa (phụ lục 2)
- Mục lục
- Danh mục các chữ viết tắt (phụ lục 3)
- Danh mục các bảng
- Danh mục biểu
- Đặt vấn đề
- Mục tiêu nghiên cứu
- Chương 1: Tổng quan tài liệu (không đánh chữ số La Mã)
 - 1.1. ...
 - 1.2. ...
- Chương 2: Đối tượng và Phương pháp nghiên cứu
 - 2.1. ...
 - 2.2. ...
- Chương 3: Dự kiến kết quả nghiên cứu
 - 3.1. ...
 - 3.2. ...
- Chương 4: Dự kiến bàn luận
- Dự kiến kết luận
- Dự kiến khuyến nghị
- Kế hoạch thực hiện
- Dự toán kinh phí
- Tài liệu tham khảo
- Phụ lục: ít nhất phải có Bộ công cụ nghiên cứu

2. Hướng dẫn về hình thức trình bày đề cương

2.1. Soạn thảo văn bản

- Giấy trắng, khổ giấy A4(21 × 29,7 cm), in trên một mặt của tờ giấy
- Font chữ Unicode (Time New Roman), cỡ chữ 13, hệ soạn thảo WINWORD, dẫn dòng đặt ở chế độ 1,5 Lines.
- Lề trái cách 3,5 cm, lề phải 2 cm, lề trên 3cm, lề dưới 3cm. Số trang được đánh ở giữa phía trên đầu mỗi trang giấy, đánh số từ phần đặt vấn đề (theo chữ số A rập 1, 2, 3).
- Nếu có bảng biểu, hình vẽ trình bày theo chiều ngang khổ giấy thì đầu bảng là lề trái của trang, nhưng nên hạn chế trình bày theo cách này.
- Phải đóng thành quyển có bìa như hướng dẫn
- Đề cương phải được trình bày ngắn gọn, rõ ràng, mạch lạc, sạch sẽ, không tẩy xóa, không có lỗi chính tả...

2.2. Đánh số thứ tự bảng, biểu, hình, công thức

- Đánh theo số chương và thứ tự của bảng/biểu/hình/công thức trong chương (VD: Bảng 2.3 là bảng thứ ba trong chương 2)
- Sau số bảng là tên của bảng/biểu/hình/công thức (VD: Bảng 2.3: Kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Trung Quốc)
- Chú ý ghi đầy đủ đơn vị tính (nếu có)
- Nếu các bảng/biểu/hình/công thức trình bày theo chiều ngang khổ giấy thì đầu bảng là lề trái của trang
- Phải ghi nguồn của thông tin trong bảng/biểu/hình/công thức. Cách ghi giống như trích dẫn tài liệu tham khảo và ghi ở bên dưới bảng/biểu/hình/công thức.

2.3. Đánh số các chương, mục và tiểu mục

- Sử dụng số A rập, không dùng chữ số La Mã
- Không nên chia tiểu mục quá 4 chữ số
- Cần có tiêu đề cho các chương, mục và tiểu mục

- Tên chương, mục và tiểu mục cần được viết thống nhất cho mỗi loại về kiểu chữ, khổ chữ và độ đậm nhạt... trong suốt đề cương luận văn.
- Tên chương được viết trên đầu trang mới, dưới tên chương nên để trống 2 dòng.
- Không để tên mục, tiểu mục ở cuối chân trang

2.4. Viết tắt

- Không lạm dụng việc viết tắt trong luận văn. Chỉ viết tắt những từ hoặc cụm từ là danh từ, thuật ngữ không dài quá và được sử dụng nhiều lần trong đề cương luận văn.
- Không viết tắt những cụm từ dài, những mệnh đề; không viết tắt những cụm từ ít xuất hiện trong đề cương luận văn.
- Viết tắt các từ nước ngoài phải theo quy định quốc tế.
- Chữ cần viết tắt khi xuất hiện lần đầu trong đề cương luận văn được viết đầy đủ và liền đó đặt ký hiệu viết tắt của chữ đó trong ngoặc đơn. Ký hiệu viết tắt phải được dùng thống nhất trong toàn đề cương luận văn. Không nên viết tắt trong phần tên đề tài, mục lục, đặt vấn đề và kết luận.
- Nếu ít từ viết tắt, có thể viết toàn bộ cụm từ lần đầu với chữ viết tắt trong ngoặc đơn. Nếu nhiều từ viết tắt, lập bảng các chữ viết tắt ở đầu luận văn, xếp theo thứ tự ABC của chữ viết tắt
- Các ký hiệu viết tắt được viết ở phía trái, các chữ đầy đủ tương ứng viết ngang hàng phía phải của trang giấy. Trình bày xong ký hiệu này mới chuyển sang ký hiệu khác, trên những dòng tách biệt. Thứ tự trình bày ký hiệu viết tắt được xếp theo thứ tự ABC.

2.5. Bố cục về các phần của báo cáo đề cương nghiên cứu

- Đặt vấn đề, mục tiêu nghiên cứu: khoảng 02 trang
- Tổng quan tài liệu: 10-15 tổng số trang
- Phương pháp nghiên cứu: 10-15 trang

- Dự kiến kết quả nghiên cứu: 10-15 trang
- Dự kiến bàn luận: 02-03 trang
- Dự kiến kết luận: 1-2 trang
- Dự kiến khuyến nghị: 1-2 trang
- Kế hoạch hoạt động
- Dự toán kinh phí
- Tài liệu tham khảo (từ mục này đánh số trang riêng, không tính trong tổng số trang của đề cương nghiên cứu)
- Phụ lục

3. Hướng dẫn chi tiết cho từng phần

TÊN ĐỀ TÀI

- Triển khai nghiên cứu này để làm gì?
- Đóng góp những hiểu biết mới cho nhân loại.
- Nghiên cứu, ứng dụng, chuẩn hoá những kỹ thuật, công nghệ mới để chuyển giao hoặc đề nghị cá nhân, đơn vị khác ứng dụng.
- Nghiên cứu, ứng dụng, chuẩn hoá những kỹ thuật, công nghệ mới vào công việc hàng ngày của người nghiên cứu.
- Nghiên cứu để tăng số lượng và chất lượng dịch vụ.
- Nghiên cứu cung cấp bằng chứng cho việc điều hành, quản lý đơn vị, ra các quyết định mới.
- Nghiên cứu này có nhất thiết phải làm không?
 - Liệu đã có NC nào tương tự để ta có thể áp dụng mà không cần phải làm nghiên cứu mới?
 - Nghiên cứu này có cần phải ưu tiên triển khai gấp hay không?
- Nghiên cứu này dễ triển khai không? (5M)
 - Số lượng và năng lực đội ngũ cán bộ tham gia NC
 - Phương tiện, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu
 - Kinh phí và thời gian dành cho NC

- Phương pháp triển khai có mới và khả thi không?

Yêu cầu tên đề tài

- Ngắn gọn, không quá dài, không quá ngắn (KHÔNG QUÁ 30 TỪ)
- Bao phủ nội dung, phù hợp mục tiêu nghiên cứu
- Ngữ pháp chặt chẽ
- Thích hợp với loại thiết kế nghiên cứu
- Dễ hiểu với cả độc giả

MỤC LỤC

Mục lục phản ánh khái quát nội dung của đề cương luận văn. Trong phần mục lục cần ghi rõ tên chương, tên mục và tiểu mục của chương có trong đề cương luận văn. Các tên này phải đúng như vốn có trong đề cương luận văn. Thứ tự của chúng là thứ tự xuất hiện trong đề cương luận văn.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Nêu lý do vì sao tiến hành nghiên cứu, có thể bao gồm các thông tin:

- Giới thiệu chung về vấn đề nghiên cứu
- Thực trạng, nguyên nhân, hậu quả của vấn đề, ...
- Nghiên cứu này nhằm giải quyết vấn đề gì? Lý do lựa chọn đề tài? Câu hỏi nghiên cứu cần trả lời?

Lưu ý: viết ngắn gọn, tối đa là 2 trang

MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU: (gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể không nhất thiết phải có mục tiêu chung, nhưng bắt buộc phải có mục tiêu cụ thể, viết gọn trong 1 trang riêng)

- Mục tiêu của đề tài nghiên cứu: Thường từ 2 đến 3 mục tiêu.
- Mục tiêu phải đánh theo số thứ tự, không gạch đầu dòng; không viết tắt
- Mục tiêu cụ thể phải thể hiện cái gì sẽ được nghiên cứu, nghiên cứu ở đâu, vào thời gian nào...

- Mục tiêu nghiên cứu/giả thuyết nghiên cứu có phù hợp với tên đề tài nghiên cứu không?
- Mục tiêu của nghiên cứu/giả thuyết nghiên cứu có được trình bày rõ ràng và phù hợp không? (sử dụng các động từ hành động dùng cho mục tiêu nghiên cứu có phù hợp không?)

Yêu cầu viết mục tiêu phải đảm bảo: đặc thù, đo lường được. Mục tiêu dùng động từ hành động; mục tiêu nghiên cứu tốt phải đạt được 5 tiêu chuẩn “SMART”

1. S – Specific: Cụ thể, mục tiêu phải rõ ràng.
2. M – Measureable: Đo lường được, các kết quả nghiên cứu của mục tiêu phải đo được, đếm được...
3. A – Achievable: Có thể đạt được, mục tiêu đề ra phải có khả năng đạt được (tính khả thi)
4. R – Reasonable: Hợp lý, mục tiêu phải hợp lý, chấp nhận được
5. T – Time: Thời gian, mục tiêu phải có phạm vi thời gian.

Chương 1

TỔNG QUAN TÀI LIỆU

1.1. Tổng quan về vấn đề nghiên cứu

1.1.1. Tổng quan có nêu các nội dung khái niệm liên quan đến nghiên cứu?

1.1.2. Tổng quan tài liệu có nêu được những kiến thức cập nhật về chủ đề nghiên cứu và khoảng trống hiện tại về kiến thức, thực hành, hay chương trình y tế mà cần phải có nghiên cứu?

Tổng quan có được trình bày một cách hệ thống theo trình tự logic giúp làm sáng tỏ nội dung nghiên cứu? Có nội dung nào không cần thiết?

...

1.2. Tình hình nghiên cứu vấn đề trên thế giới và Việt Nam

1.2.1. Tình hình nghiên cứu vấn đề trên thế giới

1.2.2. Tình hình nghiên cứu vấn đề ở Việt Nam

1.3. Sơ đồ cây vấn đề hoặc khung lý thuyết

Cây vấn đề phải phản ánh việc phân tích vấn đề nghiên cứu thực tế tại địa phương chứ không phải là cây vấn đề lý thuyết chung chung. Lưu ý: trong trường hợp đề tài không bao phủ hết các nội dung chủ đề trong cây vấn đề mà chỉ dự định khu trú vào một/một số phần thì đề cương cần nêu rõ điều đó. Khung lý thuyết có ý nghĩa quan trọng trong thiết kế nghiên cứu. Lựa chọn khung lý thuyết phù hợp có ý nghĩa trong định hướng thiết kế nghiên cứu cũng như xây dựng công cụ nghiên cứu.

1.4. Giới thiệu tóm tắt về địa bàn nghiên cứu

Chú ý: Những đề cương nghiên cứu khoa học có liên quan đến nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng đối với thuốc Y học cổ truyền, phải có những nội dung sau trình bày trong phần tổng quan:

+ Tổng quan về bệnh....theo Y học hiện đại: Định nghĩa, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán xác định/ chẩn đoán phân biệt, điều trị, phòng bệnh

+ Tổng quan về bệnh.... theo Y học cổ truyền: khái niệm, nguyên nhân, biến chứng luận trị, thể lâm sàng và điều trị cụ thể.

+ Luận giải lý do chọn bài thuốc nghiên cứu: nguồn gốc, thành phần, phân tích bài thuốc.

+ Luận giải việc đặt ra mục tiêu và các nội dung cần nghiên cứu của đề tài

- Yêu cầu tổng quan tài liệu đảm bảo

+ Trình bày một cách hệ thống theo trình tự logic giúp làm sáng tỏ nội dung nghiên cứu?

+ Nêu được những kiến thức cập nhật về chủ đề nghiên cứu và khoảng trống hiện tại về kiến thức, thực hành, hay chương trình y tế mà cần phải có nghiên cứu?

+ Trích dẫn tài liệu có đúng nội dung, đúng chỗ cần trích dẫn trong đoạn văn,

và phù hợp.

- + Sử dụng tài liệu tham khảo phong phú (ví dụ bao gồm tài liệu trong nước và ngoài nước)
- + Sử dụng tài liệu tham khảo cập nhật (có nhiều tài liệu mới trong vòng 5 năm trở lại)
- + Lựa chọn tài liệu tham khảo có tính chọn lọc (chủ yếu sử dụng các tài liệu là sản phẩm của nghiên cứu như bài báo, luận án, luận văn, báo cáo hội nghị khoa học)

Chương 2

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

2.1.1. *Đối tượng nghiên cứu* : được định nghĩa rõ ràng và phù hợp

2.1.2. *Tiêu chuẩn lựa chọn*: tùy thuộc mục tiêu nghiên cứu của đề tài, tùy thuộc giai đoạn thử nghiệm lâm sàng và bệnh điều trị mà có tiêu chuẩn phù hợp.

Chú ý: Những đề cương nghiên cứu khoa học có liên quan đến nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng đối với thuốc Y học cổ truyền, phải có những nội dung sau trình bày trong phần đối tượng nghiên cứu:

Tiêu chuẩn theo Y học hiện đại: cần được chẩn đoán xác định bằng Y học hiện đại (lâm sàng, cận lâm sàng)

Tiêu chuẩn theo Y học cổ truyền: Từ những bệnh nhân được chẩn đoán bằng Y học hiện đại, chọn thể lâm sàng phù hợp với lý luận của bài thuốc hoặc tác dụng của vị thuốc nghiên cứu (cần có tiêu chí chính để chọn thể lâm sàng theo Y học cổ truyền)

2.1.3. *Tiêu chuẩn không lựa chọn*

2.2. Địa điểm nghiên cứu

Trình bày rõ ràng phù hợp, địa điểm bao gồm tên đơn vị, xã/phường, quận/huyện tỉnh, thành phố.

2.3. Thời gian nghiên cứu

Trình bày rõ ràng phù hợp. Nêu cụ thể thời gian từ tháng năm bắt đầu đến tháng năm kết thúc.

2.4. Thiết kế nghiên cứu

Nêu rõ thiết kế nghiên cứu sử dụng (cắt ngang mô tả, phân tích,...) Nếu có thể, ghi rõ sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng, định tính, hay cả hai, hay sử dụng số liệu thứ cấp, mô tả hay phân tích, đánh giá, ... *Thiết kế nghiên cứu lựa chọn có phù hợp mục tiêu, câu hỏi, giả thuyết nghiên cứu?*

Chú ý: Những đề cương nghiên cứu khoa học có liên quan đến nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng đối với thuốc Y học cổ truyền, phải có những nội dung sau trình bày trong phần thiết kế nghiên cứu:

Tùy theo bệnh và dạng thuốc nghiên cứu có thể chọn phương pháp:

- + Nghiên cứu can thiệp so sánh kết quả sau điều trị so với trước điều trị
- + Nghiên cứu can thiệp, thử nghiệm lâm sàng mở, ngẫu nhiên, có đối chứng
- + Nghiên cứu can thiệp, thử nghiệm lâm sàng mở, ngẫu nhiên, có đối chứng, mù đơn
- + Nghiên cứu can thiệp, thử nghiệm lâm sàng mở, ngẫu nhiên, có đối chứng, mù kép.

2.5. Cỡ mẫu

Với nghiên cứu định lượng: Trình bày công thức tính cỡ mẫu phù hợp với thiết kế nghiên cứu (cỡ mẫu cho nghiên cứu mô tả, hoặc nghiên cứu can thiệp,...). Phương pháp tính toán cỡ mẫu có được trình bày rõ ràng và phù hợp.

Công thức tính cỡ mẫu, số lượng mẫu.

Nghiên cứu định tính: Ước tính cỡ mẫu cần thiết và tối ưu phù hợp với mục tiêu của đề tài.

2.6. Trình bày phương pháp chọn mẫu

Chọn mẫu ngẫu nhiên đơn, hay mẫu ngẫu nhiên hệ thống, mẫu cụm, mẫu phân tầng, chọn mẫu một giai đoạn hay nhiều giai đoạn hay chủ đích v.v. Mô tả chi tiết cách thức chọn mẫu cho cả phần nghiên cứu định lượng và định tính.

- Trình bày cách chia nhóm nghiên cứu (nếu có)

2.7. Các biến số nghiên cứu

Trình bày phân biến số nghiên cứu thành bảng theo mục tiêu nghiên cứu, gồm: tên biến số, định nghĩa biến, phân loại, phương pháp thu thập. Đối chiếu, bám sát với mục tiêu để đảm bảo đủ các biến số đáp ứng được mục tiêu nghiên cứu. Các biến số sẽ là căn cứ để phát triển các công cụ thu thập thông tin trong nghiên cứu và các bảng trống trong kế hoạch phân tích số liệu.

Các khái niệm, thước đo, tiêu chuẩn đánh giá (nếu có)

2.8. Trình bày phương pháp thu thập số liệu/ phương tiện nghiên cứu

Phỏng vấn hay tự điền, quan sát, thảo luận nhóm, phỏng vấn sâu, sử dụng hồ sơ/báo cáo/tài liệu có sẵn (lập bảng sẵn để điền số liệu tổng hợp vào), v.v.

- Cách sử dụng bộ công cụ thu thập số liệu

- Quy trình nghiên cứu

2.9. Các loại sai số và biện pháp khắc phục sai số

Nêu rõ biện pháp khống chế sai số

2.10. Phương pháp phân tích số liệu

Nêu phương pháp làm sạch số liệu, phần mềm nhập liệu và phân tích số liệu.

2.11. Hạn chế của nghiên cứu

2.12. Vấn đề đạo đức của nghiên cứu

Phương pháp nào sử dụng để đảm bảo sự tự nguyện của đối tượng tham gia nghiên cứu? Có phân tích nguy cơ và lợi ích mà nghiên cứu đem lại cho đối tượng? Có trình bày phương pháp bảo mật thông tin đối tượng tham gia nghiên cứu?

- Yêu cầu của phần đối tượng và phương pháp nghiên cứu

Các nội dung trình bày trong phần đối tượng và phương pháp nghiên cứu phải có tính khả thi với một đề cương

Chương 3

DỰ KIẾN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Có thông tin chung về đối tượng nghiên cứu?

Các bảng trống có đáp ứng được mục tiêu nghiên cứu, chỉ số và biến số nghiên cứu?

Lựa chọn và cách viết bảng, biểu phù hợp?

Chương 4

DỰ KIẾN BÀN LUẬN

Có bao gồm các giải thích về kết quả nghiên cứu theo mục tiêu?

Có bao gồm các so sánh với các nghiên cứu khác?

Có đề cập đến các hạn chế của nghiên cứu không (giá trị, tin cậy, hạn chế...)?

Trình bày dự kiến bàn luận với mục tiêu như thế nào? Đưa các giải thuyết hay chứng minh được giả thuyết.

DỰ KIẾN KẾT LUẬN

Trình bày dự kiến kết luận theo mục tiêu đã đề ra

DỰ KIẾN KHUYẾN NGHỊ

Trình bày dự kiến theo kết quả và kết luận

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

Trình bày biểu đồ kế hoạch thực hiện nghiên cứu và dự toán kinh phí
Kế hoạch nghiên cứu cần phù hợp với đối tượng và phương pháp đề xuất
Kế hoạch nghiên cứu có tính khả thi

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tham khảo : Có được trình bày đúng quy định (hướng dẫn chi tiết dưới đây)

Cập nhật đầy đủ: phải đảm bảo ít nhất 50% tài liệu trong 10 năm gần nhất

PHỤ LỤC

Phụ lục có :

Có công cụ thu thập thông tin?

Có thông tin về quy trình xé nghiệm?

Có thông tin về quy trình hoặc thuốc điều trị?

Có thông tin về bản thỏa thuận tham gia nghiên cứu?

Có đầy đủ các nội dung phụ lục đề cập đến trong phần đề cương chính?

Hướng dẫn viết Tài liệu tham khảo

- Tài liệu tham khảo bao gồm các tài liệu được trích dẫn, sử dụng và đề cập trong luận văn, luận án, khóa luận, bài báo....
- Trích dẫn tham khảo có ý nghĩa quan trọng đối với báo cáo nghiên cứu khoa học (làm tăng giá trị đề tài nghiên cứu nhờ có đối chiếu, tham khảo, so sánh,... với các nguồn tài liệu từ bên ngoài, thể hiện rõ nguồn gốc các thông tin thu thập được) và với người viết báo cáo (phát triển năng lực nghiên cứu: nhờ quá trình tìm kiếm và chọn lọc những thông tin có chất lượng, giúp làm tăng khả năng tự học, tự tìm kiếm thông tin và khai thác thông tin; bồi dưỡng ý thức đạo đức nghề nghiệp, tránh hành động đạo văn...). Trích dẫn theo chữ số (hệ thống Vancouver) là cách hiện đang được Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam lựa chọn.

- Nguồn trích dẫn phải được ghi nhận ngay khi thông tin được sử dụng. Nguồn trích dẫn có thể được đặt ở đầu, giữa hoặc cuối một câu, cuối một đoạn văn hay cuối một trích dẫn trực tiếp (ví dụ hình vẽ, sơ đồ, công thức, một đoạn nguyên văn).

+ Các hình thức và nguyên tắc trích dẫn tài liệu tham khảo:

- Hình thức trích dẫn

- Trích dẫn trực tiếp là trích dẫn nguyên văn một phần câu, một câu, một đoạn văn, hình ảnh, sơ đồ, quy trình,... của bản gốc vào bài viết. Trích dẫn nguyên văn phải bảo đảm đúng chính xác từng câu, từng chữ, từng dấu câu được sử dụng trong bản gốc được trích dẫn. “Phần trích dẫn được đặt trong ngoặc kép”, [số TLTK] đặt trong ngoặc vuông. Không nên dùng quá nhiều cách trích dẫn này vì bài viết sẽ nặng nề và đơn điệu.

- Trích dẫn gián tiếp là sử dụng ý tưởng, kết quả, hoặc ý của một vấn đề để diễn tả lại theo cách viết của mình nhưng phải đảm bảo đúng nội dung của bản gốc. Đây là cách trích dẫn được khuyến khích sử dụng trong nghiên cứu khoa học. Khi trích dẫn theo cách này cần cẩn trọng và chính xác để tránh diễn dịch sai, đảm bảo trung thành với nội dung của bài gốc.

- Trích dẫn thứ cấp là khi người viết muốn trích dẫn một thông tin qua trích dẫn trong một tài liệu của tác giả khác. Ví dụ khi người viết muốn trích dẫn một thông tin có nguồn gốc từ tác giả A, nhưng không tìm được trực tiếp bản gốc tác giả A mà thông qua một tài liệu của tác giả B. Khi trích dẫn theo cách này không liệt kê tài liệu trích dẫn của tác giả A trong danh mục tài liệu tham khảo. Một tài liệu có yêu cầu khoa học càng cao thì càng hạn chế trích dẫn thứ cấp mà phải tiếp cận càng nhiều tài liệu gốc càng tốt.

- Một số nguyên tắc về trích dẫn tài liệu tham khảo

- Tài liệu tham khảo có thể được trích dẫn và sử dụng trong các phần đặt vấn đề, tổng quan, phương pháp nghiên cứu, bàn luận. Phần giả thiết nghiên cứu, kết quả nghiên cứu, kết luận, kiến nghị không sử dụng tài liệu tham khảo.

- Cách ghi trích dẫn phải thống nhất trong toàn bộ bài viết và phù hợp với cách trình bày trong danh mục tài liệu tham khảo.
- Việc trích dẫn là theo thứ tự của tài liệu tham khảo ở danh mục Tài liệu tham khảo và được đặt trong ngoặc vuông, khi cần có cả số trang, ví dụ [15, 314-315]. Đối với phần được trích dẫn từ nhiều tài liệu khác nhau, số của từng tài liệu được đặt độc lập trong từng ngoặc vuông và theo thứ tự tăng dần, cách nhau bằng dấu phẩy và không có khoảng trắng, ví dụ [19],[25],[41].
- Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác, của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ và rõ ràng. Nếu sử dụng tài liệu của người khác (trích dẫn bảng, biểu, công thức, đồ thị cùng những tài liệu khác) mà không chú dẫn tác giả và nguồn tài liệu thì luận văn không được duyệt để bảo vệ.
- Không ghi học hàm, học vị, địa vị xã hội của tác giả vào thông tin trích dẫn.
- Tài liệu được trích dẫn trong bài viết phải có trong danh mục tài liệu tham khảo.
- Tài liệu được liệt kê trong danh mục tham khảo phải có trích dẫn trong bài viết.
- Không trích dẫn tài liệu mà người viết chưa đọc. Chỉ trích dẫn khi người viết phải có tài liệu đó trong tay và đã đọc tài liệu đó. Không nên trích dẫn những chi tiết nhỏ, ý kiến cá nhân, kinh nghiệm chủ quan, những kiến thức đã trở nên phổ thông.
- Khi một thông tin có nhiều người nói đến thì nên trích dẫn những nghiên cứu/ bài báo/ tác giả có tiếng trong chuyên ngành.
 - Xây dựng và cách trình bày danh mục tài liệu tham khảo:
- Tài liệu tham khảo gồm: sách, các ấn phẩm, tạp chí, hoặc trang Web đã đọc và được trích dẫn hoặc được sử dụng để hình thành ý tưởng nghiên cứu. **Lưu ý:** Học viên chỉ trích dẫn trực tiếp, không trích lại từ nguồn

khác. Ít nhất phải có 50% tài liệu tham khảo được xuất bản trong 10 năm gần đây.

- Trình tự sắp xếp (theo qui định Bộ Giáo dục): Tài liệu tham khảo được xếp riêng theo từng ngôn ngữ (Việt Anh, Pháp, Đức Nga, Trung, Nhật...) Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải giữ nguyên văn, không phiên âm, không dịch, kể cả tài liệu bằng tiếng Trung Quốc, Nhật...(Đối với những tài liệu bằng ngôn ngữ còn ít người biết có thể thêm phần dịch tiếng Việt đi kèm mỗi tài liệu). Tài liệu tham khảo xếp theo thứ tự A B C Họ tên tác giả của tài liệu tham khảo theo qui định sau:
 - Tác giả là người nước ngoài xếp thứ tự A B C theo họ.
 - Tác giả là người Việt Nam xếp thứ tự ABC theo tên nhưng vẫn giữ nguyên thứ tự thông thường của tên người Việt Nam, không đảo tên lên trước họ.
 - Tài liệu không có tên tác giả thì xếp theo thứ tự ABC từ đầu của tên cơ quan ban hành báo cáo hay ấn phẩm, ví dụ: Tổng cục Thống kê xếp vào vần T, Bộ Giáo dục & Đào tạo xếp vào vần B...
 - Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải giữ nguyên văn, không phiên âm, không dịch. Những tài liệu viết bằng tiếng nước ngoài ít người Việt biết thì có thể ghi thêm phần tiếng Việt đi kèm theo mỗi tài liệu. Không nên dùng luận văn, luận án, Website và hạn chế dùng sách giáo khoa làm tài liệu tham khảo.
 - Tài liệu tham khảo là bài báo trong tạp chí, tập san được trình bày như sau:
Họ và tên tác giả được viết đầy đủ đối với tên người Việt Nam; Họ (viết đầy đủ), tên gọi và tên đệm (viết tắt) đối với tên người nước ngoài. Nếu bài báo có nhiều tác giả, cần ghi tên 3 tác giả đầu và cộng sự (et al-tiếng Anh), năm xuất bản (trong ngoặc đơn). Tên bài báo. *Tên tạp chí, tập san (ghi nghiêng)*, tập (số, không có dấu ngăn cách, đặt trong ngoặc đơn, dấu phẩy sau ngoặc đơn), các số trang (gạch nối giữa hai số, dấu chấm kết thúc). Ví dụ:

1. Nguyễn Kim Sơn, Phạm Hùng Vân, Nguyễn Bảo Sơn và cộng sự (2010). Đột biến gen mã hóa EGFR trong ung thư phổi. *Tạp chí nghiên cứu y học*, 3, 30-37.

2. Amanda B.R, Donna P.A, Robin J.L et al (2008). Total prostate specific antigen stability confirmed after long-term storage of serum at -80C. *J.Urol*, 180(2), 534-538.

- Tài liệu tham khảo là một chương (một phần) trong cuốn sách ghi như sau:
Họ và tên tác giả của chương (phần) sách hoặc cơ quan ban hành; năm xuất bản (đặt trong ngoặc đơn). Tên chương (hoặc phần), *Tên sách (ghi nghiêng, dấu phẩy cuối tên)*, lần xuất bản (chỉ ghi mục này với lần xuất bản thứ hai trở đi), nhà xuất bản (dấu phẩy cuối tên nhà xuất bản); nơi xuất bản (ghi tên thành phố, không phải ghi tên quốc gia), tập, trang.. Nếu sách có hai tác giả thì sử dụng chữ và (hoặc chữ and) để nối tên hai tác giả. Nếu sách có 3 tác giả trở lên thì ghi tên tác giả thứ nhất và cụm từ cộng sự (hoặc et al.). Ví dụ:

Kouchoukos N.T (2013). Postoperative care. *Kirklin/Barratt-Boyes Cardiac Surgery*, fourth edition, Elsevier Saunder, Philadenphia, 1, 190-249.

- Tài liệu tham khảo là sách ghi như sau:

Tên tác giả hoặc cơ quan ban hành; năm xuất bản (đặt trong ngoặc đơn). *Tên sách (ghi nghiêng, dấu phẩy cuối)*, lần xuất bản (chỉ ghi mục này với lần xuất bản thứ hai trở đi), nhà xuất bản (dấu phẩy cuối tên nhà xuất bản); nơi xuất bản (ghi tên thành phố, không phải ghi tên quốc gia, đặt dấu chấm kết thúc). Nếu sách có hai tác giả thì sử dụng chữ và (hoặc chữ and) để nối tên hai tác giả. Nếu sách có 3 tác giả trở lên thì ghi tên tác giả thứ nhất và cụm từ cộng sự (hoặc et al.). Ví dụ:

1. Trần Thừa (1999). *Kinh tế học vĩ mô*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.

2. Phạm Thắng và Đoàn Quốc Hưng (2007). *Bệnh mạch máu ngoại vi*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2002). *Các văn bản pháp luật về đào tạo sau đại học*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.

4. Boulding K.E (1995). *Economic Analysis*, Hamish Hamilton, London

5. Grace B. et al (1988). *A history of the world*, NJ: Princeton University Press, Princeton.

- Tài liệu tham khảo là luận án, luận văn, khóa luận ghi như sau:

Tên tác giả, năm bảo vệ (đặt trong ngoặc đơn). *Tên đề tài luận án, luận văn (ghi nghiêng, dấu phẩy cuối tên luận án/luận văn)*, bậc học, tên chính thức của cơ sở đào tạo. Ví dụ:

1. Đoàn Quốc Hưng (2006). *Nghiên cứu lâm sàng, cận lâm sàng và điều trị ngoại khoa bệnh thiếu máu chi dưới mạn tính do vữa xơ động mạch*, Luận án tiến sĩ y học, Trường Đại học Y Hà Nội.

2. Nguyễn Hoàng Thanh (2011). *Nghiên cứu mức sẵn sàng chi trả cho cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường tại huyện Kim Bảng, Hà Nam năm 2010*, Luận văn Thạc sĩ y tế công cộng, Trường Đại học Y Hà Nội.

- Tài liệu tham khảo là bài báo đăng trong các kỷ yếu của hội nghị, hội thảo, diễn đàn... ghi như sau:

Tên tác giả (năm). Tên bài báo. *Tên kỷ yếu/tên hội nghị/diễn đàn (ghi nghiêng)*, Địa điểm, thời gian tổ chức, cơ quan tổ chức, số thứ tự trang của bài báo trong kỷ yếu. Ví dụ:

Nguyễn Đức Chính, Phạm Hải Bằng, Phạm Văn Trung và cs (2013). Nhận xét tình hình bệnh nhân nhiễm HIV/AIDS điều trị tại bệnh viện Việt Đức giai đoạn 2010-2012. *Hội nghị khoa học quốc gia về phòng chống HIV/AIDS lần thứ V*, Trường Đại học Y Hà Nội ngày 2-3/12/2013, Bộ Y tế, 342-346

- Tài liệu tham khảo là các giáo trình, bài giảng hay tài liệu lưu hành nội bộ: Cần cung cấp thông tin cơ bản về tên tác giả, năm xuất bản, tên giáo trình, bài giảng, nhà xuất bản (nếu có), đơn vị chủ quản. Ví dụ:

1. Tạ Thành Văn (2013). *Giáo trình Hóa sinh lâm sàng*. Nhà xuất bản Y học, Trường Đại học Y Hà Nội

2. Hội đồng chức danh Nhà nước (2012). *Văn bản pháp quy và tài liệu hướng dẫn việc xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư năm 2012*. Hà Nội, tháng 5 năm 2012.

- Tài liệu tham khảo trích dẫn từ nguồn internet, báo mạng (hết sức hạn chế loại trích dẫn này), nếu thật cần thiết thì ghi trích dẫn như sau:

Tên tác giả (nếu có), năm (nếu có). Tên tài liệu tham khảo, <đường dẫn để tiếp cận tài liệu đó>, thời gian trích dẫn. Ví dụ:

1. Nguyễn Trần Bạt (2009). Cải cách giáo dục Việt Nam,

<http://www.chungta.com/Desktop.aspx/chungtasuyngam/giaoduc/cai_cach_giao_duc_Viet_Nam/>, xem 12/3/2009

2. Anglia Ruskin University. Harvard system of Referencing Guide. [online] Available at: <http://libweb.anglia.ac.uk/referencing/havard.htm> [Accessed 12 August 2011]

Chú ý: Số thứ tự được đánh liên tục từ 1 đến hết qua tất cả các ngôn ngữ. Nếu tài liệu dài hơn một dòng thì nên trình bày sao cho từ dòng thứ hai lùi vào so với dòng thứ nhất 1 cm để phần tài liệu tham khảo được rõ ràng và dễ theo dõi

Mẫu bìa ngoài của đề cương nghiên cứu: không đóng khung

MẪU ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU

1. Trang bìa

1.1. Trang bìa chính

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ Y TẾ

(chữ in hoa thẳng, không in đậm cỡ 16)

HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 16)

Logo Học viện

(cỡ 4,0 cm x 4,0 cm)

HỌ VÀ TÊN

(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 16-18)

TÊN ĐỀ TÀI

(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 24)

ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU

(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 16-18)

HÀ NỘI, NĂM 201...

(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 16)

1.2. Trang bìa phụ: có đóng khung

<p>BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</p> <p><i>(chữ in hoa thẳng, không in đậm cỡ 16)</i></p> <p>HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM</p> <p><i>(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 16)</i></p> <p>Logo Học viện</p> <p><i>(cỡ 4,0 cm x 4,0 cm)</i></p> <p>HỌ VÀ TÊN</p> <p><i>(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 16-18)</i></p> <p>TÊN ĐỀ TÀI</p> <p><i>(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 24)</i></p> <p>ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU</p> <p><i>(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 16-18)</i></p> <p>Chuyên ngành :</p> <p>Mã số :</p> <p>Người hướng dẫn khoa học: ...</p> <p><i>(chữ thường thẳng, in đậm cỡ 14)</i></p> <p>HÀ NỘI, NĂM 201...</p> <p><i>(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 16)</i></p>	<p>BỘ Y TẾ</p>
--	-----------------------

PHỤ LỤC

MẪU ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU

Đối tượng: Thạc sĩ Dược liệu - Dược học cổ truyền

BỘ Y TẾ

(chữ in hoa, thẳng, cỡ chữ 16, căn giữa)

HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

(chữ in hoa, in đậm, cỡ chữ 16, căn giữa)



(cỡ 3,0cm x 3,0cm)

HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN

(chữ in hoa, thẳng, in đậm, cỡ chữ 18, căn giữa)

TÊN ĐỀ TÀI

(chữ in hoa, thẳng, in đậm, cỡ chữ 24, căn giữa)

ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU NGÀNH DƯỢC HỌC

(chữ in hoa, thẳng, in đậm, cỡ chữ 16, căn giữa)

HÀ NỘI – 202...

(chữ in hoa, thẳng, in đậm, cỡ chữ 16, căn giữa)

BỘ Y TẾ

(chữ in hoa, cỡ chữ 16, căn giữa)

HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

(chữ in hoa, thẳng, in đậm, cỡ chữ 16, căn giữa)

HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN

(chữ in hoa, thẳng, in đậm, cỡ chữ 18, căn giữa)

TÊN ĐỀ TÀI

(chữ in hoa, thẳng, in đậm, cỡ chữ 24, căn giữa)

ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU NGÀNH DƯỢC HỌC

(chữ in hoa, thẳng, in đậm, cỡ chữ 16, căn giữa)

Người hướng dẫn khoa học:

(chữ in thường, nghiêng, đậm, cỡ chữ 14)

1. PGS.TS. Nguyễn Văn A

2. ThS. Nguyễn Văn B

(chữ in thường, đậm, cỡ chữ 14)

Nơi thực hiện:

(chữ in thường, nghiêng, đậm, cỡ chữ 14)

1. Bộ môn A

2. Bộ môn B

(chữ in thường, đậm, cỡ chữ 14)

HÀ NỘI – 202...

(chữ in hoa, thẳng, in đậm, cỡ chữ 16)

HƯỚNG DẪN TRÌNH BÀY ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU

Kết cấu và hình thức của Đề cương Nghiên cứu

- Đề cương nghiên cứu cần phải được trình bày ngắn gọn, rõ ràng, mạch lạc, không được tẩy xóa, có đánh số trang, đánh số bảng biểu, hình vẽ, đồ thị.

- Đề cương nghiên cứu được trình bày trong khoảng 15 – 20 trang (không kể các trang bìa, mục lục, bảng chữ viết tắt, lời cam đoan, lời cảm ơn, phụ lục và tài liệu tham khảo) in một mặt, khổ giấy a4 (210 x 297mm) tùy theo đặc điểm của mỗi chuyên ngành. nghiên cứu sử dụng phông chữ times new romans, font unicode cỡ chữ 13pt; mật độ chữ bình thường, không được nén hoặc kéo giãn khoảng cách giữa các chữ; dẫn dòng đặt ở chế độ 1,5 dòng; lề trên 2cm; lề dưới 2cm; lề trái 3cm; lề phải 2cm. số trang được đánh ở giữa, phía cuối mỗi trang giấy.

- Đề cương nghiên cứu không phải đóng bìa cứng, được trình bày theo bộ cục kèm theo quy định này.

BỘ CỤC ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU

Trang bìa chính

Trang phụ bìa

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CÁC CHỮ VIẾT TẮT

DANH MỤC CÁC BẢNG

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ, SƠ ĐỒ, ĐỒ THỊ

ĐẶT VẤN ĐỀ

Khoảng 1 trang, nêu được tầm quan trọng, ý nghĩa thực tiễn, sự cần thiết thực hiện đề tài nghiên cứu và mục tiêu của nghiên cứu (không quá 2 mục tiêu).

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN (không đánh chữ số La Mã)

Chiếm khoảng 1/3 nghiên cứu, tổng quát hóa các vấn đề nghiên cứu liên quan tới đề tài.

1.1... (in đậm)

1.2....(in đậm)

CHƯƠNG 2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU (NGUYÊN LIỆU, THIẾT BỊ, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU)

A. Đối với đề tài thực nghiệm trình bày theo nội dung sau:

2.1. Nguyên vật liệu, thiết bị

2.1.1.... (in đậm và nghiêng)

2.2. Nội dung nghiên cứu

2.2.1... (in đậm và nghiêng)

2.3. Phương pháp thực hiện (Phương pháp nghiên cứu): ...

B. Đối với đề tài điều tra cắt ngang, hồi cứu số liệu....

2.1. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

2.1.1. Đối tượng nghiên cứu

2.1.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

2.2. Phương pháp thực hiện (phương pháp nghiên cứu..)

2.2.1. Thiết kế nghiên cứu

2.2.2. Phương pháp nghiên cứu, phương tiện nghiên cứu, các biến số, cỡ mẫu (nếu có), phương pháp tiến hành, tiêu chí/chỉ tiêu nghiên cứu...

2.2.3. Xử lý số liệu

2.2.4. Đạo đức trong nghiên cứu

CHƯƠNG 3. DỰ KIẾN THỰC NGHIỆM/ĐIỀU TRA, KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Gồm các nội dung chính sau:

Dự kiến kết quả thực nghiệm/điều tra: Từng thực nghiệm nên nêu lý do thực hiện, cách làm, bố cục hợp lý.

Nhận xét/ bàn luận: có thể trình bày cùng thực nghiệm hoặc thành mục bàn luận riêng.

DỰ KIẾN KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Viết ngắn gọn khoảng 1-2 trang, tóm lược những kết quả chính và những đóng góp mới của khóa luận đạt được so với mục tiêu đề ra và những kiến nghị, đề xuất. Không có lời bàn và bình luận thêm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Hướng dẫn viết Tài liệu tham khảo:

- Tài liệu tham khảo bao gồm các tài liệu được trích dẫn, sử dụng và đề cập trong luận văn, luận án, khóa luận, bài báo....
- Trích dẫn tham khảo có ý nghĩa quan trọng đối với báo cáo nghiên cứu khoa học (làm tăng giá trị đề tài nghiên cứu nhờ có đối chiếu, tham khảo, so sánh,... với các nguồn tài liệu từ bên ngoài, thể hiện rõ nguồn gốc các thông tin thu thập được) và với người viết báo cáo (phát triển năng lực nghiên cứu: nhờ quá trình tìm kiếm và chọn lọc những thông tin có chất lượng, giúp làm tăng khả năng tự học, tự tìm kiếm thông tin và khai thác thông tin; bồi dưỡng ý thức đạo đức nghề nghiệp, tránh hành động đạo văn...). Trích dẫn theo chữ số (hệ thống Vancouver) là cách hiện đang được Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam lựa chọn.
- Nguồn trích dẫn phải được ghi nhận ngay khi thông tin được sử dụng. Nguồn trích dẫn có thể được đặt ở đầu, giữa hoặc cuối một câu, cuối một đoạn văn hay cuối một trích dẫn trực tiếp (ví dụ hình vẽ, sơ đồ, công thức, một đoạn nguyên văn).
- + Các hình thức và nguyên tắc trích dẫn tài liệu tham khảo:
 - Hình thức trích dẫn
 - Trích dẫn trực tiếp là trích dẫn nguyên văn một phần câu, một câu, một đoạn văn, hình ảnh, sơ đồ, quy trình,... của bản gốc vào bài viết. Trích dẫn nguyên văn phải bảo đảm đúng chính xác từng câu, từng chữ, từng dấu câu được sử dụng trong bản gốc được trích dẫn. “Phần trích dẫn được đặt trong ngoặc kép”, [số TLTK] đặt trong ngoặc vuông. Không nên dùng quá nhiều cách trích dẫn này vì bài viết sẽ nặng nề và đơn điệu.
 - Trích dẫn gián tiếp là sử dụng ý tưởng, kết quả, hoặc ý của một vấn đề để diễn tả lại theo cách viết của mình nhưng phải đảm bảo đúng nội dung của bản gốc. Đây là cách trích dẫn được khuyến khích sử dụng trong nghiên cứu khoa học. Khi trích dẫn theo cách này cần cẩn trọng và chính xác để tránh diễn dịch sai, đảm bảo trung thành với nội dung của bài gốc.
 - Trích dẫn thứ cấp là khi người viết muốn trích dẫn một thông tin qua trích dẫn trong một tài liệu của tác giả khác. Ví dụ khi người viết muốn trích dẫn một thông tin có nguồn gốc từ tác giả A, nhưng không tìm được trực tiếp bản gốc tác giả A mà thông qua một

tài liệu của tác giả B. Khi trích dẫn theo cách này không liệt kê tài liệu trích dẫn của tác giả A trong danh mục tài liệu tham khảo. Một tài liệu có yêu cầu khoa học càng cao thì càng hạn chế trích dẫn thứ cấp mà phải tiếp cận càng nhiều tài liệu gốc càng tốt.

- Một số nguyên tắc về trích dẫn tài liệu tham khảo

- Tài liệu tham khảo có thể được trích dẫn và sử dụng trong các phần đặt vấn đề, tổng quan, phương pháp nghiên cứu, bàn luận. Phần giả thiết nghiên cứu, kết quả nghiên cứu, kết luận, kiến nghị không sử dụng tài liệu tham khảo.

- Cách ghi trích dẫn phải thống nhất trong toàn bộ bài viết và phù hợp với cách trình bày trong danh mục tài liệu tham khảo.

- Việc trích dẫn là theo thứ tự của tài liệu tham khảo ở danh mục Tài liệu tham khảo và được đặt trong ngoặc vuông, khi cần có cả số trang, ví dụ [15, 314-315]. Đối với phần được trích dẫn từ nhiều tài liệu khác nhau, số của từng tài liệu được đặt độc lập trong từng ngoặc vuông và theo thứ tự tăng dần, cách nhau bằng dấu phẩy và không có khoảng trắng, ví dụ [19],[25],[41].

- Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác, của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ và rõ ràng. Nếu sử dụng tài liệu của người khác (trích dẫn bảng, biểu, công thức, đồ thị cùng những tài liệu khác) mà không chú dẫn tác giả và nguồn tài liệu thì luận văn không được duyệt để bảo vệ.

- Không ghi học hàm, học vị, địa vị xã hội của tác giả vào thông tin trích dẫn.

- Tài liệu được trích dẫn trong bài viết phải có trong danh mục tài liệu tham khảo.

- Tài liệu được liệt kê trong danh mục tham khảo phải có trích dẫn trong bài viết.

- Không trích dẫn tài liệu mà người viết chưa đọc. Chỉ trích dẫn khi người viết phải có tài liệu đó trong tay và đã đọc tài liệu đó. Không nên trích dẫn những chi tiết nhỏ, ý kiến cá nhân, kinh nghiệm chủ quan, những kiến thức đã trở nên phổ thông.

- Khi một thông tin có nhiều người nói đến thì nên trích dẫn những nghiên cứu/ bài báo/ tác giả có tiếng trong chuyên ngành.

- Xây dựng và cách trình bày danh mục tài liệu tham khảo:

- Tài liệu tham khảo gồm: sách, các ấn phẩm, tạp chí, hoặc trang Web đã đọc và được trích dẫn hoặc được sử dụng để hình thành ý tưởng nghiên cứu.

Lưu ý: Học viên chỉ trích dẫn trực tiếp, không trích lại từ nguồn khác. Ít nhất phải có 50% tài liệu tham khảo được xuất bản trong 10 năm gần đây.

- Trình tự sắp xếp (theo qui định Bộ Giáo dục)
- Tác giả là người nước ngoài xếp thứ tự ABC theo họ.
- Tác giả là người Việt Nam xếp thứ tự ABC theo tên nhưng vẫn giữ nguyên thứ tự thông thường của tên người Việt Nam, không đảo tên lên trước họ.
- Tài liệu không có tên tác giả thì xếp theo thứ tự ABC từ đầu của tên cơ quan ban hành báo cáo hay ấn phẩm, ví dụ: Tổng cục Thống kê xếp vào vần T, Bộ Giáo dục & Đào tạo xếp vào vần B...

- Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải giữ nguyên văn, không phiên âm, không dịch. Những tài liệu viết bằng tiếng nước ngoài ít người Việt biết thì có thể ghi thêm phần tiếng Việt đi kèm theo mỗi tài liệu. Không nên dùng luận văn, luận án, Website và hạn chế dùng sách giáo khoa làm tài liệu tham khảo.

- Tài liệu tham khảo là bài báo trong tạp chí, tập san được trình bày như sau:

Họ và tên tác giả được viết đầy đủ đối với tên người Việt Nam; Họ (viết đầy đủ), tên gọi và tên đệm (viết tắt) đối với tên người nước ngoài. Nếu bài báo có nhiều tác giả, cần ghi tên 3 tác giả đầu và cộng sự (et al-tiếng Anh), năm xuất bản (trong ngoặc đơn). Tên bài báo. *Tên tạp chí, tập san (ghi nghiêng)*, tập (số, không có dấu ngăn cách, đặt trong ngoặc đơn, dấu phẩy sau ngoặc đơn), các số trang (gạch nối giữa hai số, dấu chấm kết thúc).

Ví dụ:

1. Nguyễn Kim Sơn, Phạm Hùng Vân, Nguyễn Bảo Sơn và cộng sự (2010). Đột biến gen mã hóa EGFR trong ung thư phổi. *Tạp chí nghiên cứu y học*, 3, 30-37.

2. Amanda B.R, Donna P.A, Robin J.L et al (2008). Total prostate specific antigen stability confirmed after long-term storage of serum at -80C. *J.Urol*, 180(2), 534-538.

- Tài liệu tham khảo là một chương (một phần) trong cuốn sách ghi như sau:

Họ và tên tác giả của chương (phần) sách hoặc cơ quan ban hành; năm xuất bản (đặt trong ngoặc đơn). Tên chương (hoặc phần), *Tên sách (ghi nghiêng, dấu phẩy cuối tên)*, lần xuất bản (chỉ ghi mục này với lần xuất bản thứ hai trở đi), nhà xuất bản (dấu phẩy cuối tên nhà xuất bản); nơi xuất bản (ghi tên thành phố, không phải ghi tên quốc gia), tập, trang.. Nếu sách có hai tác giả thì sử dụng chữ và (hoặc chữ and) để nối tên hai tác giả. Nếu sách có 3 tác giả trở lên thì ghi tên tác giả thứ nhất và cụm từ cộng sự (hoặc et al.). Ví dụ:

Kouchoukos N.T (2013). Postoperative care. *Kirklin/Barratt-Boyes Cardiac Surgery*, fourth edition, Elsevier Saunder, Philadenphia, 1, 190-249.

- Tài liệu tham khảo là sách ghi như sau:

Tên tác giả hoặc cơ quan ban hành; năm xuất bản (đặt trong ngoặc đơn). *Tên sách* (ghi nghiêng, dấu phẩy cuối), lần xuất bản (chỉ ghi mục này với lần xuất bản thứ hai trở đi), nhà xuất bản (dấu phẩy cuối tên nhà xuất bản); nơi xuất bản (ghi tên thành phố, không phải ghi tên quốc gia, đặt dấu chấm kết thúc). Nếu sách có hai tác giả thì sử dụng chữ và (hoặc chữ and) để nối tên hai tác giả. Nếu sách có 3 tác giả trở lên thì ghi tên tác giả thứ nhất và cụm từ cộng sự (hoặc et al.). Ví dụ:

Trần Thừa (1999). *Kinh tế học vĩ mô*, trang 103, 106-109.

1. Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội
2. Phạm Thắng và Đoàn Quốc Hưng (2007). *Bệnh mạch máu ngoại vi*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2002). *Các văn bản pháp luật về đào tạo sau đại học*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
4. Boulding K.E (1995). *Economic Analysis*, Hamish Hamilton, London
5. Grace B. et al (1988). *A history of the world*, NJ: Princeton University Press, Princeton.

- Tài liệu tham khảo là luận án, luận văn, khóa luận ghi như sau:

Tên tác giả, năm bảo vệ (đặt trong ngoặc đơn). *Tên đề tài luận án, luận văn* (ghi nghiêng, dấu phẩy cuối tên luận án/luận văn), bậc học, tên chính thức của cơ sở đào tạo. Ví dụ:

1. Đoàn Quốc Hưng (2006). *Nghiên cứu lâm sàng, cận lâm sàng và điều trị ngoại khoa bệnh thiếu máu chi dưới mạn tính do vữa xơ động mạch*, Luận án tiến sĩ y học, Trường Đại học Y Hà Nội.
2. Nguyễn Hoàng Thanh (2011). *Nghiên cứu mức sẵn sàng chi trả cho cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường tại huyện Kim Bảng, Hà Nam năm 2010*, Luận văn Thạc sĩ y tế công cộng, Trường Đại học Y Hà Nội.

- Tài liệu tham khảo là bài báo đăng trong các kỷ yếu của hội nghị, hội thảo, diễn đàn... ghi như sau:

Tên tác giả (năm). Tên bài báo. *Tên kỷ yếu/tên hội nghị/diễn đàn* (ghi nghiêng), Địa điểm, thời gian tổ chức, cơ quan tổ chức, số thứ tự trang của bài báo trong kỷ yếu. Ví dụ:

Nguyễn Đức Chính, Phạm Hải Bằng, Phạm Văn Trung và cs (2013). Nhận xét tình hình bệnh nhân nhiễm HIV/AIDS điều trị tại bệnh viện Việt Đức giai đoạn 2010-2012. *Hội nghị khoa học quốc gia về phòng chống HIV/AIDS lần thứ V*, Trường Đại học Y Hà Nội ngày 2-3/12/2013, Bộ Y tế, 342-346

- Tài liệu tham khảo là các giáo trình, bài giảng hay tài liệu lưu hành nội bộ: Cần cung cấp thông tin cơ bản về tên tác giả, năm xuất bản, tên giáo trình, bài giảng, nhà xuất bản (nếu có), đơn vị chủ quản. Ví dụ:

1. Tạ Thành Văn (2013). *Giáo trình Hóa sinh lâm sàng*. Nhà xuất bản Y học, Trường Đại học Y Hà Nội

2. Hội đồng chức danh Nhà nước (2012). *Văn bản pháp quy và tài liệu hướng dẫn việc xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư năm 2012*. Hà Nội, tháng 5 năm 2012.

- Tài liệu tham khảo trích dẫn từ nguồn internet, báo mạng (hết sức hạn chế loại trích dẫn này), nếu thật cần thiết thì ghi trích dẫn như sau:

Tên tác giả (nếu có), năm (nếu có). Tên tài liệu tham khảo, <đường dẫn để tiếp cận tài liệu đó>, thời gian trích dẫn. Ví dụ:

35. Nguyễn Trần Bạt (2009). Cải cách giáo dục Việt Nam, <http://www.chungta.com/Desktop.aspx/chungtasuyngam/giaoduc/cai_cach_giao_duc_Viet_Nam/>, xem 12/3/2009

2. Anglia Ruskin University. Harvard system of Referencing Guide. [online] Available at: <http://libweb.anglia.ac.uk/referencing/havard.htm> [Accessed 12 August 2011]

**ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ TUYỂN THẠC SỸ
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SỸ ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU
NGÀNH DƯỢC LIỆU - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-HVYDCT ngày tháng năm 2026
của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam)*

Họ và tên người dự tuyển:

Năm:

Ngành: Dược liệu - Dược học cổ truyền

Phần 1: Đánh giá hồ sơ dự tuyển như sau

TT	Nội dung xét				Hồ sơ hiện có (đánh đấu ô thích hợp)	Đánh giá đạt/ không đạt
1	Kết quả học tập	Đại học	Trung bình học tập chung	Ngành đúng	Xuất sắc	
					Giỏi	
					Khá	
					TB/TBK	
2	Năng lực ngoại ngữ	Có năng lực ngoại ngữ Bậc 6/6 trở lên theo KNLNN 6 bậc dùng cho VN hoặc tương đương				
		Có năng lực ngoại ngữ Bậc 5/6 theo KNLNN 6 bậc dùng cho VN hoặc tương đương				
		Có năng lực ngoại ngữ Bậc 4/6 theo KNLNN 6 bậc dùng cho VN hoặc tương đương				
		Có năng lực ngoại ngữ Bậc 3/6 theo KNLNN 6 bậc dùng cho VN hoặc tương đương				

3	Kinh nghiệm công tác chuyên môn	Từ 24 tháng trở lên công tác trong ngành/chuyên ngành hoặc đang học một chương trình BSNT của Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam			
		Từ 12 đến dưới 24 tháng công tác trong ngành/chuyên ngành			
		Từ 6 đến dưới 12 tháng công tác trong ngành/chuyên ngành			
		Mới tốt nghiệp đại học và công tác ít hơn 6 tháng			
4	Người dự kiến hướng dẫn Độc lập/Chính/Đồng hướng dẫn	Trong 60 tháng, là tác giả của bài báo thuộc danh mục Web of Science/Scopus			
		Trong 60 tháng, không có công bố bài báo thuộc danh mục Web of Science/Scopus nhưng đủ tiêu chuẩn hướng dẫn chính/độc lập/đồng hướng dẫn			
5	Kinh nghiệm và thành tích Nghiên cứu khoa học trong vòng 36 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ	Các bài báo đã công bố	Trên tạp chí thuộc danh mục Web of Science/Scopus/ISI	Tác giả chính (Số bài báo x thang điểm)	
				Tác giả khác (Số bài báo x thang điểm)	
			Trên tạp chí chuyên ngành trong nước được HĐCDGSNN tính điểm	Tác giả chính (Số bài báo x thang điểm)	
				Tác giả khác (Số bài báo x thang điểm)	
			Trên tạp chí khoa học khác	Tác giả đầu tiên/tác giả liên hệ (Số bài báo x thang điểm)	
				Tác giả khác (Số bài báo x thang điểm)	
Tham gia	Đề tài cấp Nhà nước/Bộ/Thành	Tham gia			

		công trình nghiên cứu (Đã nghiệm thu)	phố (Số đề tài x Thang điểm)			
			Đề tài cấp cơ sở (Số đề tài x thang điểm)	Chủ nhiệm đề tài		
				Thư ký đề tài		
		Tham gia				
Thành tích Nghiên cứu khoa học		Giấy khen về thành tích nghiên cứu khoa học cấp Bộ/Thành phố				
		Giấy khen về thành tích nghiên cứu khoa học cấp Trường/Bệnh viện				
Đánh giá phần 1						

- Đánh giá chung: Đạt không cần bổ sung
 Đạt nhưng cần phải bổ sung
 Không đạt

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI CHẤM

(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐÁNH GIÁ ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU VÀ NĂNG LỰC XÉT TUYỂN ĐÀO
TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU
NGÀNH DƯỢC LIỆU - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-HVYDCT ngày tháng năm 2026
của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam)

Họ và tên người dự tuyển:

Năm:.....

Ngành: Dược liệu - Dược học cổ truyền

1. Đánh giá nội dung đề cương nghiên cứu: Tối đa 3,0 điểm, chấm điểm lẻ đến 0,1

TT	Nội dung chấm	Thang điểm tối đa	Điểm đạt
1	Ý nghĩa khoa học và thực tiễn: Tính mới trong vấn đề nghiên cứu, hoặc giải quyết một vấn đề tồn tại cụ thể của thực tế ngành/chuyên ngành một cách khoa học và hợp lý	0,5	
2	Đặt vấn đề, câu hỏi và mục tiêu nghiên cứu rõ ràng, khả thi	1,0	
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học chặt chẽ	1,0	
4	Tính khả thi của đề tài (nguồn kinh phí hỗ trợ, cơ sở triển khai nghiên cứu, người hướng dẫn khoa học vv...)	0,5	
Tổng điểm tối đa phần 1		3,0	

2. Đánh giá năng lực của ứng viên (Thông qua trình bày đề cương và trả lời câu hỏi): Tối đa 7,0 điểm, chấm lẻ đến 0,1

TT	Nội dung chấm	Thang điểm tối đa	Điểm đạt
----	---------------	-------------------	----------

1	Năng lực của thí sinh: Nắm vững vấn đề trình bày, sự tự tin	1,0	
2	Slide báo cáo đúng quy định, trình bày lưu loát, thời gian trình bày không quá 10 phút (mỗi phút quá giờ trừ 0,1 điểm)	1,0	
3	Trả lời tốt câu hỏi của các thành viên trong hội đồng (05 câu hỏi và mỗi câu trả lời được tính tối đa 1,0 điểm)	5,0	
Tổng điểm tối đa phần 2		7,0	

2.3. Tổng số điểm: Phần 1 + Phần 2

- Điểm bằng số:..... (Bằng chữ:
.....)

Tổng điểm tối thiểu $\geq 5,0$ điểm

**Lưu ý: Người dự kiến hướng dẫn nếu tham gia Hội đồng xét tuyển không đặt câu hỏi và chấm điểm*

Hà Nội, ngày.....tháng..... năm.....

NGƯỜI CHẤM
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 8

HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM
PHÒNG ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

----- ***** -----

QUY ĐỊNH NHẬP HỌC
Đối tượng: SAU ĐẠI HỌC

I. Danh mục hồ sơ trúng tuyển nhập học

1. Giấy báo nhập học (Bản gốc);
2. Sơ yếu lý lịch (Đối với học viên là cán bộ được cử đi học: Sơ yếu lý lịch có xác nhận của đơn vị quản lý nhân sự đồng ý cho đi học; đối với các trường hợp khác: Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban xã/phường nơi cư trú và cam kết đi học);
3. Bằng tốt nghiệp đại học và Bảng điểm đại học;
Đối với học viên tốt nghiệp đại học tại nước ngoài, cần nộp văn bằng như sau:
 - Bằng học vị (đối với học viên tốt nghiệp đại học tại Trung Quốc);
 - Bằng tốt nghiệp đại học và Bảng điểm đại học;
 - Giấy chứng nhận văn bằng của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
 - Chứng chỉ định hướng YHCT và Bảng điểm học định hướng (hoặc Chứng chỉ bổ sung kiến thức hợp lệ theo quy định).
4. Bản sao Giấy khai sinh;
5. Quyết định cử đi học của đơn vị có thẩm quyền quản lý nhân sự;
6. Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động;
7. Quyết định chuyển ngạch (đối với trường hợp ban đầu chưa là Bác sĩ);
3. Giấy chuyển sinh hoạt Đảng, đoàn và các giấy tờ khác (nếu có);
9. 04 ảnh 4x6 (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh mặt sau ảnh, ảnh để trong phong bì);
10. Thẻ căn cước công dân (Bản công chứng);
11. Chứng chỉ hành nghề BS YHCT (Đối với đối tượng nhập học là CK1 và CK2);
12. Xác nhận thâm niên công tác (Đối với đối tượng nhập học là CK1 và CK2);
13. Bằng tốt nghiệp Sau đại học và Bảng điểm (Đối với đối tượng nhập học là CK2);

14. Bài báo khoa học (đối với Thạc sĩ có bằng tốt nghiệp Đại học xếp loại trung bình);

15. Văn bằng ngoại ngữ hoặc Chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam quy định hoặc các Chứng chỉ tương đương khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép còn hiệu lực;

Ghi chú:

1. Tất cả các giấy tờ khi nộp là bản sao công chứng hợp lệ;
2. Học viên hoàn toàn chịu trách nhiệm về văn bằng, chứng chỉ và các giấy tờ hồ sơ của cá nhân. Nếu phát hiện giấy tờ hồ sơ không hợp lệ, có yếu tố vi phạm, học viên đó phải chịu hoàn toàn trách nhiệm và sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

II. Phương thức, địa điểm, thời gian nộp hồ sơ

- Nộp hồ sơ trực tiếp khi nhập học
- Địa điểm: Phòng Đào tạo sau đại học – Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam Số 2 – Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội

ĐT: 0433 540 277 hoặc DD: 0969530077

Hoặc xem trên website: <http://www.vuttm.edu.vn>.

- Thời gian nhận hồ sơ: Theo Thông báo trúng tuyển sau đại học

III. Các khoản kinh phí cần nộp:

1. Học phí;
2. Tiền làm thẻ học viên;
3. Lệ phí thư viện;
4. Bảo hiểm y tế;

Mức đóng theo các quy định về trong thông báo mức thu năm 2025 của Học viện

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN XÁC NHẬN ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN

Kính gửi:

Hội đồng Tuyển sinh Sau đại học – Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam

Tôi tên là:

Ngày sinh:

Quê quán:

Địa chỉ thường trú:

.....

Dân tộc:

Cơ quan công tác hiện nay:

Địa chỉ cơ quan:

Nay tôi làm đơn này kính đề nghị các cấp có thẩm quyền xác nhận tôi thuộc diện đối tượng ưu tiên theo quy định (thí sinh đánh dấu vào ô tương ứng):

1. Có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên tại Khu vực 1 (KV1).
2. Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.
3. Con liệt sĩ.
4. Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động.
5. Dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên tại KV1.
6. Con đẻ của người nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng học tập, sinh hoạt.

Tôi làm đơn này để hoàn thiện hồ sơ dự thi tuyển sinh sau đại học tại Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam năm 2025.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

....., ngày tháng năm 20.....

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Ưu tiên mục 1: Xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự
- Ưu tiên mục 2, 3, 4, 6: Xác nhận của phòng Lao động và thương binh xã hội cấp Huyện trở lên
- Ưu tiên mục 5: Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp Xã trở lên
- Thí sinh khi nộp giấy xác nhận đối tượng xét ưu tiên phải kèm theo bản sao các minh chứng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

TRÌNH ĐỘ:

Kính gửi: Hội đồng tuyển sinh Sau đại học Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam

1. Họ và tên (chữ in hoa): Nam Nữ
2. Ngày sinh: Nơi sinh: Dân tộc:
3. Quê quán:
4. Địa chỉ thường trú:
5. Ngày vào Đảng CSVN: Ngày chính thức:
6. Đối tượng dự thi: Biên chế: Hợp đồng: Thố sinh tự do:
Đối tượng khác (Ghi cụ thể):
7. Đối tượng ưu tiên (nếu có): Thương binh: Con liệt sĩ: Anh hùng LLVT:
Người dân tộc thiểu số ở vùng khó khăn: Con nạn nhân chất độc da cam:
Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên ở các xã thuộc vùng khó khăn:
8. Nghề nghiệp chức vụ (ghi rõ chức vụ):
9. Cơ quan công tác hiện nay:
10. Địa chỉ cơ quan:
- 11a. Thâm niên công tác từ khi tốt nghiệp đại học:
- b. Thâm niên công tác chuyên môn YHCT:
- c. Thâm niên công tác từ khi tốt nghiệp Sau đại học:
12. Văn bằng đại học: Trường tốt nghiệp (TN)
Hệ đào tạo: Ngành đào tạo:
Năm TN: Loại TN:
13. Văn bằng đại học khác (nếu có)
14. Chứng chỉ định hướng chuyên khoa (nếu có)
15. Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển:
 - a. Diện thi ngoại ngữ (ghi rõ ngoại ngữ dự tuyển)
 - b. Diện miễn ngoại ngữ (ghi rõ loại văn bằng ngoại ngữ)
16. Địa chỉ liên hệ:
Số điện thoại của thí sinh: Email:

Tôi xin cam thực hiện đầy đủ quy chế tuyển sinh, quy chế đào tạo hiện hành, quy định của Học viện và cơ quan cử đi học

Những điều ghi trong đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN

.....ngày.....tháng.....năm 20
NGƯỜI LÀM ĐƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN THÂM NIÊN CÔNG TÁC

Kính gửi: HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Căn cứ thông báo tuyển sinh Sau đại học nămcủa Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam.

Đơn vị:

Xác nhận Ông/Bà:

Sinh ngày:

Công tác tại:

Đã có thâm niên công tác trong chuyên ngành Y học cổ truyền từ ngày.....đến ngày.....

Kính đề nghị Học viện tạo điều kiện để Ông/Bà.....được dự thi

Khóa.....năm.....

Xin trân trọng cảm ơn!

Hà nội, ngày tháng năm

Xác nhận của cơ quan

(Ký đóng dấu và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ẢNH

4x6

(đóng dấu giáp lai
của nơi xác nhận
hồ sơ)

SƠ YẾU LÝ LỊCH

TỰ THUẬT

Họ và tên:..... Nam, nữ:.....

Sinh năm:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay:.....

.....

.....

Chứng minh thư nhân dân số:..... cấp tại.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Khi cần báo tin cho ai, ở đâu?

.....

.....

.....

Số.....

Ký hiệu.....

Họ và tên khai sinh : Nam, nữ:

Tên thường gọi.....

Sinh ngày.....thángnăm tại:.....

Nguyên quán:.....

Nơi đăng ký thường trú hiện nay:.....

.....

Dân tộc:..... Tôn giáo.....

Thành phần bản thân hiện nay:.....

Trình độ văn hóa (THPT, THBT, TCCN).....

Nơi cấp bằngKí ngàytháng.....năm.....

Trình độ ngoại ngữ:.....

Nơi cấpKí ngàytháng.....năm.....

Đã tốt nghiệp đại học..... Ngành.....

Nơi cấpKí ngàytháng.....năm.....

Đã tốt nghiệp sau đại học..... Ngành.....

Nơi cấpKí ngàytháng.....năm.....

Kết nạp Đảng Cộng sản Việt Nam ngày.....thángnăm.....

Nơi kết nạp:.....

Tình trạng sức khỏe hiện nay:.....

Nghề nghiệp hoặc trình độ chuyên môn.....

Cấp bậc:..... Hệ số lương chính hiện nay:.....

Ngày nhập ngũ QĐNDVN(TNXP).....ngày xuất ngũ.....

Lý do:.....



QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BẢN THÂN

(Ghi từ khi tốt nghiệp THPT, THBT..., Cao đẳng, Đại học ..., Công tác)

Từ tháng năm đến tháng năm	Học, làm gì?	Ở đâu?	Kết quả, chức vụ

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

a, Khen thưởng:.....

b, Kỷ luật:.....

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật, nếu có điều gì khai sai trái, tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN,
CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG**

Ngày.....tháng.....năm 20..

Người khai ký, ghi rõ họ tên

Tôi là

Chức vụ.....

Xác nhận hồ sơ

.....

Ngày.....tháng.....năm 20..

Kí tên và đóng dấu